

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

**BẢN CÁO BẠCH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LIP ĐÔNG ANH**

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100696 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 08 năm 2009, thay đổi lần thứ 03 ngày 24 tháng 06 năm 2019)



**CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 35 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 02 năm 2023)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

**Công ty cổ phần Xích Lip Đông Anh**

Trụ sở chính : Số 11 tổ 47 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội  
Điện thoại : 024 3883 2369  
Fax : 024 3883 5395  
Website : [www.xichlipda.vn](http://www.xichlipda.vn)

**Phụ trách công bố thông tin:**

Họ tên: Phạm Đức Hiếu  
Chức vụ: Kế toán trưởng  
Số điện thoại: 0904 795 616



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LIP ĐÔNG ANH**

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100696 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 08 năm 2009, thay đổi lần thứ 03 ngày 24 tháng 06 năm 2019)

**CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**

**Tên cổ phiếu** : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh  
**Loại cổ phiếu** : Cổ phiếu phổ thông  
**Mệnh giá** : 10.000 đồng/cổ phiếu  
**Giá chào bán** : 10.000 đồng/cổ phiếu  
**Tổng số lượng cổ phiếu chào bán** : 5.400.000 cổ phiếu  
**Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá** : 54.000.000.000 đồng (*Năm mươi tư tỷ đồng*)

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP - CHI NHÁNH MIỀN BẮC**

Địa chỉ: số 560A Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, Hà Nội

Điện thoại: 0913 030 199

Website: [www.kiemtoanttp.com](http://www.kiemtoanttp.com)

**TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Địa chỉ: số 52 Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại: 1900 6446

Fax: 024 3773 9058

Website: [www.fpts.com.vn](http://www.fpts.com.vn)



## MỤC LỤC

<b>I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH</b> .....	8
1. Tổ chức phát hành.....	8
2. Tổ chức tư vấn.....	8
<b>II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO</b> .....	9
1. Rủi ro về kinh tế .....	9
1.1. Tăng trưởng kinh tế.....	9
1.2. Rủi ro lãi suất.....	11
1.3. Rủi ro lạm phát.....	12
1.4. Rủi ro về tỷ giá .....	13
2. Rủi ro về luật pháp.....	13
3. Rủi ro đặc thù ngành.....	14
3.1. Rủi ro về giá nguyên vật liệu .....	14
3.2. Rủi ro cạnh tranh .....	14
4. Rủi ro về đợt chào bán.....	14
5. Rủi ro pha loãng.....	15
5.1. Rủi ro pha loãng giá thị trường cổ phiếu .....	15
5.2. Rủi ro pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần.....	15
5.3. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách.....	16
5.4. Rủi ro pha loãng về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.....	16
6. Rủi ro quản trị công ty.....	16
7. Rủi ro khác.....	16
<b>III. CÁC KHÁI NIỆM</b> .....	16
<b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH</b> .....	18
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành.....	18
2. Quá trình hình thành và phát triển .....	21
3. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	22
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty .....	23
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Công ty, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty, những công ty mà Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần góp vốn chi phối.....	26
5.1 Công ty mẹ .....	26
5.2. Công ty con .....	26
5.3. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty .....	26



5.4. Công ty mà Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần góp vốn chi phối .....	26
5.5. Công ty liên doanh, liên kết .....	27
6. Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty .....	27
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác.....	27
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành .....	27
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài .....	28
10. Hoạt động kinh doanh .....	28
10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh.....	28
10.2 Tài sản.....	33
10.3. Thị trường hoạt động .....	34
10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính.....	35
10.5. Các hợp đồng lớn .....	36
10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn.....	36
10.7. Vị thế của Công ty.....	37
10.8. Hoạt động marketing .....	37
10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu.....	38
10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển .....	38
10.11. Chiến lược kinh doanh.....	39
10.12. Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan đến ngành nghề kinh doanh có điều kiện.....	39
11. Chính sách đối với người lao động .....	39
12. Chính sách cổ tức.....	42
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.....	42
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty .....	42
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	42
16. Thông tin về cam kết của Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích .....	43
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH .....	44
1. Kết quả hoạt động kinh doanh .....	44



1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty trong 02 năm gần nhất.....	44
1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty .....	45
2. Tình hình tài chính.....	46
2.1. Các chỉ tiêu cơ bản .....	46
2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	50
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành .....	51
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức .....	53
<b>VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG .....</b>	<b>56</b>
1. Thông tin về cổ đông sáng lập .....	56
2. Thông tin về cổ đông lớn.....	56
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.....	59
3.1. Hội đồng quản trị .....	60
3.2. Ban Kiểm soát .....	67
3.3. Ban Tổng Giám đốc .....	71
3.4. Kế toán trưởng.....	74
<b>VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....</b>	<b>74</b>
1. Loại cổ phiếu.....	74
2. Mệnh giá cổ phiếu.....	74
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành .....	74
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá.....	74
5. Giá chào bán dự kiến .....	74
6. Phương pháp tính giá .....	74
7. Phương thức phân phối.....	75
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	75
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu.....	76
10. Phương thức thực hiện quyền .....	77
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu.....	77
12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	78
13. Biện pháp bảo đảm tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài.....	78



14. Các loại thuế có liên quan.....	78
14.1. Đối với Công ty .....	78
14.2. Đối với nhà đầu tư .....	79
16. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt .....	79
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN .....	79
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN .....	79
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN.....	83
1. Tổ chức tư vấn.....	83
2. Tổ chức kiểm toán.....	83
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ .....	83
XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG).....	84
XIII. PHỤ LỤC .....	85



## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Cơ cấu cổ đông của Công ty ngày 24/03/2022.....	27
Bảng 2. Hình ảnh một số sản phẩm chính của Công ty .....	29
Bảng 3. Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty .....	32
Bảng 4. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty .....	32
Bảng 5. Sản lượng và giá trị sản xuất một số mặt hàng chủ đạo của Công ty.....	33
Bảng 6. Tình hình tài sản công ty tại 31/12/2020.....	33
Bảng 7. Tình hình tài sản công ty tại 31/12/2021.....	34
Bảng 8. Tình hình tài sản công ty tại 31/12/2022.....	34
Bảng 9. Hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty theo doanh thu .....	35
Bảng 10. Một số hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện.....	36
Bảng 11. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty .....	36
Bảng 12. Cơ cấu lao động của Công ty .....	40
Bảng 13. Tình hình chi trả cổ tức của Công ty.....	42
Bảng 14. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.....	44
Bảng 15. Tình hình vốn chủ sở hữu của Công ty .....	46
Bảng 16. Số dư phải nộp ngân sách Nhà nước của Công ty .....	47
Bảng 17. Các khoản phải thu của Công ty .....	47
Bảng 18. Các khoản phải trả của Công ty .....	48
Bảng 19. Các khoản vay của Công ty .....	49
Bảng 20. Số dư các quỹ của Công ty tại từng thời điểm .....	50
Bảng 21. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....	50
Bảng 22. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2022 và 2023 .....	53
Bảng 23. Kết quả thực hiện kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2022 .....	55
Bảng 24. Danh sách cổ đông lớn của Công ty tại thời điểm 24/03/2022 .....	56
Bảng 25. Giao dịch của công ty với cổ đông sở hữu từ 10% và người có liên quan .....	57
Bảng 26. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán.....	80
Bảng 27. Kế hoạch chi trả lương cho cán bộ nhân viên Công ty trong Quý I/2023..	80



## NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

#### 1. Tổ chức phát hành

- Ông Phan Tấn Bình - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Phùng Quang Hải - Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Đức Hiếu - Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

#### 2. Tổ chức tư vấn

Đại diện được ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Hạnh**

Chức vụ: Giám đốc Tư vấn tài chính doanh nghiệp

*Quyết định ủy quyền số 134-2021/QĐ/FPTS-FHR ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.*

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 177/2021/FPTS/FCF-HN/DFC ngày 20 tháng 10 năm 2021 với Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh cung cấp.





## II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

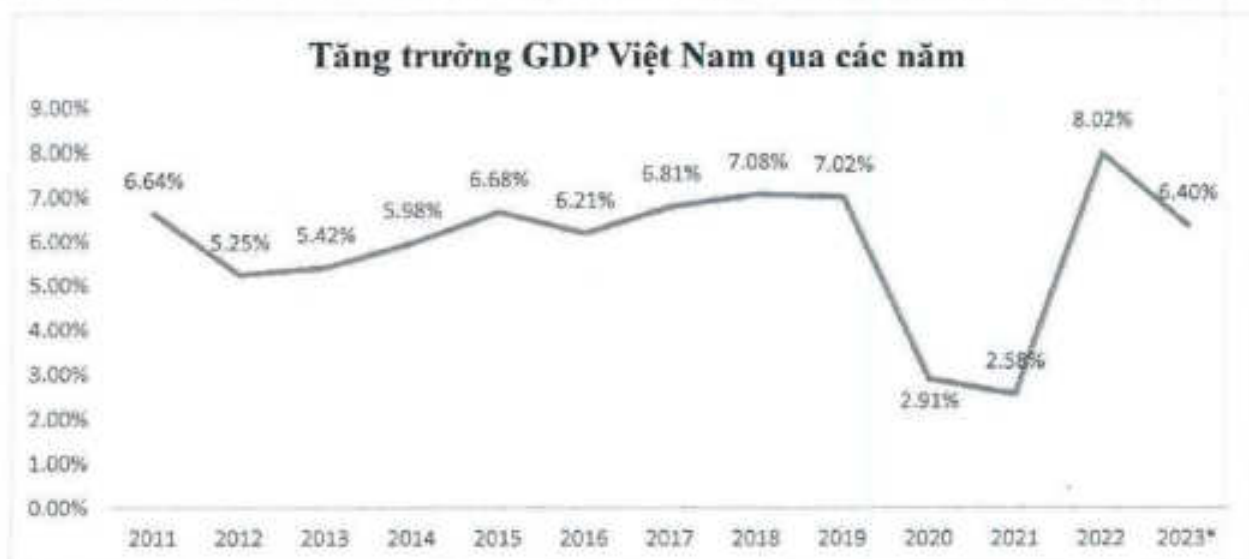
Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh được thành lập từ ngày 17/07/1974 theo quyết định số 222/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, chuyển đổi thành hình thức công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100696 (số cũ: 0103040295) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 27/08/2009, thay đổi lần thứ 03 ngày 24 tháng 06 năm 2019). Công ty hoạt động trong lĩnh vực gia công cơ khí; xử lý nhiệt và tráng phủ kim loại nên Công ty sẽ chịu ảnh hưởng bởi một số rủi ro sau đây:

### 1. Rủi ro về kinh tế

#### 1.1. Tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của các lĩnh vực và ngành của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung làm tăng nhu cầu tiêu dùng của xã hội giúp gia tăng sản lượng sản xuất công nghiệp và là cơ hội để các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình.

Nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn 2011-2020 đã chứng kiến những khởi sắc mạnh mẽ nhờ vào nội lực mạnh về tài nguyên, vị trí địa kinh tế và chính trị cũng như nâng cao năng lực quản lý, lao động, sản xuất. Bên cạnh đó, những quyết sách, chủ trương của Đảng và Chính phủ từ chính sách tài khóa đến chính sách tiền tệ đều có sự linh hoạt với biến động cụ thể trong từng giai đoạn để giúp nền kinh tế giữ vững đà tăng trưởng và tạo tiền đề cho các thành phần kinh tế phát triển cũng như mở rộng thương mại ra các khu vực quốc tế.



*\*Ước tính của World Bank*

*Nguồn: Tổng cục Thống kê*

Nhìn chung diễn biến tăng trưởng GDP của Việt Nam từ đầu thập niên trước có xu hướng tăng trưởng đều qua các năm. Sau khi bị ảnh hưởng bởi cuộc Khủng hoảng Tài chính toàn



cầu giai đoạn 2008-2010, Việt Nam đã lấy được đà hồi phục trong suốt những năm sau đó và đạt đỉnh tăng trưởng 7,08% năm 2018. Sang đến năm 2019, tuy tình hình kinh tế thế giới có nhiều bất ổn từ Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung nhưng Việt Nam vẫn đạt con số tăng trưởng kinh tế là 7,02%.

Năm 2020 đánh dấu bước ngoặt lớn trong lịch sử kinh tế thế giới với sự bùng phát của đại dịch Covid-19. Ảnh hưởng tiêu cực từ đại dịch đến mọi khía cạnh kinh tế, văn hóa, xã hội cũng như kết nối toàn cầu đã khiến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sụt giảm xuống mức thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây là 2,91%. Tuy nhiên, con số này vẫn khả quan hơn rất nhiều so với việc phần lớn các nước trên thế giới phải chịu mức sụt giảm kinh tế lớn nhất trong nhiều thập kỷ. Bên cạnh việc duy trì mức tăng trưởng dương thì Việt Nam cũng là một trong những mẫu hình tiêu biểu trên thế giới về phòng chống dịch khi ngăn chặn dịch lây lan ra cộng đồng. Kết quả tích cực trong phát triển kinh tế đi đôi với phòng chống dịch có được là nhờ những phản ứng quyết liệt và kịp thời của Chính phủ, sự đồng lòng đoàn kết thực hiện các biện pháp ngăn chặn dịch bệnh của toàn thể người dân, khối doanh nghiệp và Chính phủ Việt Nam nhằm đạt mục tiêu "vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế, xã hội".

Tình hình kinh tế thế giới có dấu hiệu khởi sắc hơn trong năm 2021 khi các quốc gia triển khai chiến lược tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19, tuy nhiên vẫn có sự khác biệt do tốc độ triển khai và chính sách hỗ trợ khác nhau ở các quốc gia và khu vực. Thương mại toàn cầu phục hồi nhưng chậm, lạm phát tăng nhưng vẫn nằm trong tầm kiểm soát. Đại dịch đã gây tắc nghẽn trong chuỗi giá trị toàn cầu làm cho giá nguyên vật liệu sản xuất tăng là thách thức không nhỏ trong hoạt động kinh doanh của các quốc gia. GDP năm 2021 của Việt Nam tăng trưởng 2,58% so với năm 2020, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,9%, đóng góp 13,97% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,05%, đóng góp 63,80%; khu vực dịch vụ tăng 1,22%, đóng góp 22,23%. Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 6,37%, đóng góp 1,61 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Năm 2022, thế giới phải đương đầu với những thách thức lớn bởi tác động nhiều chiều. Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam mặc dù không tránh khỏi những bất lợi nhưng đã cơ bản vượt qua tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19 và đang lấy lại đà tăng trưởng. Sau 2 năm tập trung thực hiện mục tiêu kép "vừa phòng chống dịch, vừa phát triển kinh tế", năm 2022 nền kinh tế Việt Nam đã có bước phục hồi mạnh mẽ, đạt kết quả tích cực và tương đối toàn diện. Theo số liệu được Tổng cục Thống kê công bố, tăng trưởng kinh tế năm 2022 ước đạt 8,02%, cao nhất trong



giai đoạn 2011-2022. Đây là sự phục hồi tích cực với những tiến triển tốt đẹp và đồng đều trên cả 3 khu vực, trong đó khu vực nông, lâm, thủy sản tăng 3,36%; công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%; dịch vụ tăng 9,99%... Trong bức tranh kinh tế thế giới năm 2022 đầy âm đạm, kinh tế Việt Nam nổi lên như một điểm sáng với mức tăng trưởng nhanh hơn dự đoán. Dự báo tăng trưởng của Việt Nam trong năm 2022 được Ngân hàng Thế giới (WB) công là 6,4%. Với mức tăng trưởng như vậy sẽ đưa Việt Nam trở thành một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất thế giới. Tuy nhiên mức tăng nào vẫn phải đối mặt với những rủi ro tiêu cực đang gia tăng bởi các đối tác thương mại chính của Việt Nam đang tăng trưởng chậm lại cùng với cú sốc tỷ giá thương mại và các biện pháp trừng phạt liên quan đến xung đột Nga – Ukraine.

Với bối cảnh kinh tế vĩ mô còn nhiều bất ổn, Ban Lãnh đạo Công ty chủ trương ứng phó linh động, có đường hướng, chỉ đạo kịp thời và phù hợp để đạt được những mục tiêu đã đề ra trong giai đoạn tới, vừa đảm bảo phát triển bền vững, vừa đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh.

## **1.2. Rủi ro lãi suất**

Lãi suất là một trong những nhân tố cơ bản nhất quyết định đến nhiều yếu tố như định hướng kinh tế đối với kinh tế vĩ mô, về chi phí, quyết định đầu tư sản xuất đối với doanh nghiệp. Xu hướng vận động của lãi suất bám sát xu hướng vận động của lạm phát và sau khi giảm mạnh trong giai đoạn 2014-2015 đang có xu hướng tăng lên cho đến cuối năm 2019. Đây cũng là giai đoạn kinh tế Việt Nam phát triển mạnh và mức lãi suất cao phản ánh khả năng hấp thụ vốn tốt của nền kinh tế. Sang đến giai đoạn năm 2020 - 2021, mức lãi suất đã được Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh giảm thấp nhằm hạn chế rủi ro và khuyến khích đầu tư. Các chuyên gia cũng dự báo rằng lãi suất có thể tiếp tục giữ ở mức thấp như hiện tại hoặc tăng nhẹ, tùy theo diễn biến chung của kinh tế thế giới và tình hình kiểm soát dịch bệnh.

Công ty sẽ chịu rủi ro lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty sẽ có những điều chỉnh phù hợp về tỷ lệ đòn bẩy cũng như cơ cấu nợ vay trên vốn chủ sở hữu, đồng thời phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được mức lãi suất có lợi nhất nhằm hạn chế tối đa những rủi ro về biến động lãi suất cũng như tối thiểu hóa chi phí vốn bình quân.



### 1.3. Rủi ro lạm phát

Lạm phát là một trong những chỉ báo quan trọng đo lường tính ổn định về giá cả và đồng tiền của một nền kinh tế. Một nền kinh tế tăng trưởng ổn định cần phải được kiểm soát ở mức ổn định và đây cũng là mục tiêu mà Quốc hội đã đề ra.

Có thể thấy rằng, trong giai đoạn từ năm 2014 đến nay, tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam luôn được giữ ở mức thấp. Với bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 trong năm 2020 đe dọa sự bất ổn của kinh tế-tài chính toàn cầu, chỉ số giá tiêu dùng bình quân vẫn được kiểm soát ở mức tăng 3,23% so với năm 2019.



\*Dự báo của Cục Quản lý giá (Bộ Tài chính)

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Trong bối cảnh áp lực lạm phát toàn cầu ngày càng tăng cao, giá nguyên vật liệu đầu vào và giá cước vận chuyển liên tục tăng, tuy nhiên chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2021 của Việt Nam chỉ tăng 1,84% so với năm trước, đạt được mục tiêu của Quốc hội đề ra trong việc kiểm soát thành công lạm phát. Bình quân năm 2022, lạm phát cơ bản tăng 2,59% so với năm 2021, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,15%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực, xăng, dầu và gas tăng. Như vậy, trong năm 2022 mặt bằng giá cơ bản được kiểm soát, tuy nhiên áp lực lạm phát năm 2023 là rất lớn. Diễn biến giá cả hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu trên thế giới đang có xu hướng giảm do tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại nhưng rủi ro tăng trở lại khá cao do xung đột giữa Nga – Ukraina vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp. Bên cạnh đó, sự phục hồi kinh tế Trung Quốc có thể kéo nhu cầu năng lượng gia tăng. Kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục phục hồi trong



năm 2023 do tác động của các gói hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng cùng với nhu cầu tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ tăng sẽ đẩy giá cả hàng hóa lên cao. Theo Cục Quản lý giá Bộ Tài chính, kinh tế nước ta phụ thuộc nhiều vào nguyên vật liệu nhập khẩu nên sẽ phải đối mặt với nguy cơ nhập khẩu lạm phát trước xu hướng tăng giá các mặt hàng nguyên vật liệu, các mặt hàng chiến lược trên thị trường thế giới, rủi ro về tỷ giá. Cùng với đó là áp lực từ việc lùi thực hiện lộ trình giá thị trường một số mặt hàng Nhà nước quản lý trong thời gian qua cũng sẽ đặt ra các thách thức cho công tác quản lý, điều hành giá ngay từ đầu năm. Ngoài ra, các chính sách hỗ trợ, kích thích kinh tế cũng sẽ có tác động nhất định lên mặt bằng giá cả. Lạm phát trung bình trong năm 2023 được dự báo xoay quanh mức 3,5%. Mức lạm phát được giữ ở mức phù hợp sẽ tạo động lực cho tiêu dùng và đầu tư, giúp giảm tỷ lệ thất nghiệp. Đây là điều kiện quan trọng cho Công ty trong giai đoạn sắp tới do tính chất sản phẩm của Công ty liên quan nhiều đến nguyên liệu đầu vào và cước vận chuyển.

#### **1.4. Rủi ro về tỷ giá**

Rủi ro về tỷ giá là thách thức đối với các doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu, máy móc đầu vào để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nhất là trong thời điểm tỷ giá ngoại tệ biến động theo chiều hướng tăng. Khi tỷ giá thay đổi, đặc biệt là khi tăng, chi phí đầu vào của Công ty sẽ tăng theo, trong khi sản phẩm lại không thể điều chỉnh tăng tương ứng ngay lập tức, điều này làm tăng chi phí và giảm lợi nhuận của công ty.

Phần lớn các nguyên vật liệu sản xuất của Công ty là do khách hàng chỉ định và có giá tham chiếu khi giá nguyên liệu đầu vào biến động thì sẽ điều chỉnh giá bán tương ứng nên hoạt động của Công ty không bị ảnh hưởng nhiều bởi tỷ giá hối đoái.

#### **2. Rủi ro về luật pháp**

Các rủi ro từ luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống không thể tránh khỏi đối với bất cứ doanh nghiệp nào tại Việt Nam. Các thay đổi từ định hướng vĩ mô cho đến các quy định chi tiết trong các bộ luật sẽ ảnh hưởng rất lớn đến mục tiêu và tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Là một công ty đại chúng hoạt động trong lĩnh vực gia công cơ khí và tráng phủ kim loại, Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14,... và các Nghị định, Thông tư, Văn bản hướng dẫn dưới luật. Hệ thống pháp luật ở Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và sửa đổi liên tục theo thực tế diễn biến và đặc điểm của từng ngành nghề, lĩnh vực. Vì vậy, rủi ro pháp lý trong thực tiễn quản lý và sản xuất sẽ xảy ra nếu Công ty vận dụng không phù hợp và không kịp thời những điều chỉnh của luật, đặc biệt là đối với quy trình giám sát, đảm bảo và kiểm tra chất lượng sản phẩm cũng như các dự án cần cấp phép đầu



tư mà Công ty tham gia. Việc chủ động nghiên cứu, nắm bắt và áp dụng các quy định hiện hành để đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp sẽ giúp Công ty hạn chế được những rủi ro này.

### **3. Rủi ro đặc thù ngành**

#### **3.1. Rủi ro về giá nguyên vật liệu**

Biến động về giá nguyên vật liệu ảnh hưởng rất lớn đến chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm của Công ty. Ngoài ra, việc vận chuyển logistics gặp khó khăn do ảnh hưởng từ dịch Covid-19 cũng dẫn đến việc giá tăng cao cũng như vật tư mua bị chậm trễ, ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất của Công ty.

Đối mặt với rủi ro này, Công ty đã có biện pháp kiểm soát bằng cách luôn đưa ra kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu thích hợp để phục vụ nhu cầu sản xuất.

#### **3.2. Rủi ro cạnh tranh**

Chất lượng đầu ra của sản phẩm cũng là một vấn đề ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của Công ty với các doanh nghiệp khác cùng ngành. Uy tín của một doanh nghiệp rất quan trọng trong việc hợp tác với các đối tác. Hiện nay, trên địa bàn Hà Nội cũng như trên cả nước, có rất nhiều công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất xích, lốp xe đạp, xe máy, xích công nghiệp như Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Việt Nam, Công ty Xuất nhập khẩu cơ khí Mecanimex, Công ty Sản xuất cơ khí CNC,... Đối mặt với sự cạnh tranh từ các đối thủ, Công ty luôn chú trọng đến việc đầu tư máy móc, trang thiết bị nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra, đáp ứng nhu cầu của đối tác; liên tục thử nghiệm chế tạo các sản phẩm mới để có thể đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

### **4. Rủi ro về đợt chào bán**

Mục tiêu của đợt chào bán lần này của Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh là bổ sung vốn kinh doanh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty và cơ cấu lại các khoản vốn vay nhằm tăng năng lực tài chính của Công ty. Trong trường hợp thị trường không thuận lợi và số cổ phiếu không được chào bán hết như dự kiến, tùy thuộc vào tình hình thị trường tại thời điểm chào bán, HĐQT sẽ quyết định tiếp tục chào bán phần còn lại (bao gồm cả số phát sinh do làm tròn, số cổ phần còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua) cho các nhà đầu tư khác (bao gồm các cổ đông hiện hữu) với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu để đảm bảo phát hành hết toàn bộ số cổ phần được chào bán hoặc quyết định không phân phối tiếp phần còn lại và kết thúc đợt chào bán.



## 5. Rủi ro pha loãng

Lượng cổ phần chào bán đợt này sẽ khiến cho tổng số cổ phiếu lưu hành dự kiến tăng lên 90% so với số cổ phiếu đang lưu hành hiện tại. Điều này dẫn đến việc cổ phiếu của Công ty bị pha loãng như sau

### 5.1. Rủi ro pha loãng giá thị trường cổ phiếu

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu, giá của cổ phiếu được điều chỉnh theo công thức:

$$P = \frac{Pr(t-1) + I * Pr}{1 + I}$$

Trong đó:

P: là giá thị trường của cổ phiếu sau khi pha loãng

$P_{r(t-1)}$ : giá giao dịch cổ phiếu tại ngày trước ngày giao dịch không hưởng quyền

$P_r$ : giá chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu

I: tỷ lệ vốn tăng

Giả sử Giá đóng cửa của cổ phiếu Công ty trước ngày giao dịch không hưởng quyền  $P_{r(t-1)}$  là 28.700 đồng/cổ phiếu

Tỷ lệ tăng vốn  $I = 0,9$

Giá chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu  $P_r$ : 10.000 đồng/cổ phiếu

Như vậy, giá tham chiếu cổ phiếu của Công ty trong ngày giao dịch không hưởng quyền (P) sẽ được điều chỉnh như sau:

$$P = \frac{28.700 + 0,9 * 10.000}{1 + 0,9} = 19.842 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

### 5.2. Rủi ro pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần

Sau khi thực hiện chào bán, số cổ phiếu lưu hành trên thị trường sẽ tăng lên, vì vậy thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) sẽ được điều chỉnh

$$\text{Thu nhập cơ bản trên mỗi CP (EPS)} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Số lượng CP đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Trong đó:

$$\text{Số lượng CP đang lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{X * T + (X+Y) * T}{12}$$

X: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi phát hành

Y: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm



T: Thời gian lưu hành thực tế của cổ phiếu trước khi phát hành

T': Thời gian lưu hành thực tế của cổ phiếu phát hành thêm

### 5.3. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu (BV)} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, BV có thể bị ảnh hưởng nếu giá chào bán thấp hơn giá trị sổ sách của cổ phiếu tại thời điểm chào bán.

### 5.4. Rủi ro pha loãng về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt chào bán này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua).

## 6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị đối với mỗi doanh nghiệp có thể phát sinh do hai nguyên nhân chính: (i) Sự thiếu hụt chưa được bù đắp kịp thời của một hoặc nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt và (ii) Sự hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa các cấp quản trị. Để hạn chế rủi ro quản trị, Công ty có các quy định về phân quyền và trách nhiệm cụ thể giữa các thành viên trong bộ máy quản trị Công ty, thực hiện tuân thủ đầy đủ các quy định luật pháp về Quản trị Công ty và áp dụng chế độ báo cáo, công bố thông tin chặt chẽ.

## 7. Rủi ro khác.

Bên cạnh các rủi ro nêu trên, hoạt động kinh doanh của Công ty cũng đối mặt với một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai (hạn hán, lũ lụt), dịch bệnh, hỏa hoạn, biến động chính trị, xã hội ... ảnh hưởng nghiêm trọng đến tài sản và con người của Công ty, đồng thời gây bất ổn định thị trường và làm sụt giảm lợi nhuận của Công ty. Ngoài ra, Công ty có thể gặp phải rủi ro trong quá trình sản xuất như tai nạn lao động hay các sự cố máy móc trong quá trình lao động trong các phân xưởng.

## III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Công ty/ Tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh

Bản cáo bạch : Bản cáo bạch chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh

Điều lệ : Điều lệ Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh





Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

BCTC	: Báo cáo tài chính
CTCP	: Công ty cổ phần
BKS	: Ban Kiểm soát
ĐKKD	: Đăng ký kinh doanh
CMND	: Chứng minh nhân dân
CCCD	: Căn cước công dân
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng quản trị
GCNĐKDN	: Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
ROA	: Tỷ suất lợi nhuận trên Tổng tài sản bình quân
ROE	: Tỷ suất lợi nhuận trên Vốn chủ sở hữu bình quân
Thuế VAT	: Thuế giá trị gia tăng
VCSH	: Vốn chủ sở hữu
VNĐ	: Việt Nam đồng
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TNHH MTV	: Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
DTT	: Doanh thu thuần
LNTT	: Lợi nhuận trước thuế
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
BHYT	: Bảo hiểm y tế
BHXH	: Bảo hiểm xã hội
BHTN	: Bảo hiểm thất nghiệp
PX	: Phân xưởng



#### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

##### 1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

Tên Công ty : Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh  
Tên tiếng Anh : DONG ANH C&F JOINTSTOCK COMPANY  
Tên viết tắt : DFC  
Logo :



Trụ sở chính : Số 11 tổ 47 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội  
Điện thoại : 024 3883 2369  
Fax : 024 3883 5395  
Website : [www.xichlipda.vn](http://www.xichlipda.vn)  
Email : [xichlipda@xichlip.vn](mailto:xichlipda@xichlip.vn)  
Vốn điều lệ đã đăng ký : 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng)  
Vốn điều lệ thực góp : 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng)  
Mã chứng khoán : DFC  
Đăng ký giao dịch tại : UPCoM  
Giấy CNĐKDN số : 0100100696 (số cũ: 0103040295) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 27/08/2009, thay đổi lần thứ 03 ngày 24 tháng 06 năm 2019)

Người đại diện theo pháp luật : Ông Phan Tấn Bình – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngành nghề kinh doanh

Căn cứ giấy CNĐKDN số 0100100696 (Số cũ: 0103040295) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 08 năm 2009, thay đổi lần thứ 03 ngày 24 tháng 06 năm 2019, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
2	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa bằng kim loại	2512
3	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513



4	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
5	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	<b>2592</b> <b>(Chính)</b>
6	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
7	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại	2599
8	Sản xuất bì, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
9	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
10	Sản xuất máy thông dụng khác Chi tiết: Sản xuất dụng cụ đo, máy cầm tay tương tự, dụng cụ cơ khí chính xác (trừ quang học); Sản xuất thiết bị hàn không dùng điện	2819
11	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
12	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Sản xuất xe cút kit, xe kéo tay, xe đẩy trong siêu thị, và tương tự	3099
13	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
14	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
15	Sửa chữa thiết bị điện	3314
16	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Sửa chữa dây, đôn bẫy, buồm, mái che; Sửa chữa các túi để đựng phân bón và hóa chất	3319
17	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
18	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
19	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
20	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
21	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong cửa hàng chuyên doanh	4773



	Chi tiết: Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh	
22	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; máy móc thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; máy móc, thiết bị khác sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác	4659
23	Cho thuê xe có động cơ	7710
24	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
25	Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật	3092
26	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh Bất động sản	6810
27	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
28	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); móc công nghiệp, thương mại và khoa học khác	7730
29	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản (trừ hoạt động tư vấn pháp luật về bất động sản)	6820
30	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
31	Đào tạo trung cấp	8532



## 2. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh là Xí nghiệp Xích lip xe đạp Hà Nội, được thành lập theo quyết định số 222/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 07 năm 1974 với 150 lao động và 2 dây chuyền sản xuất xích và lip xe đạp. Trải qua gần 50 năm phát triển, Công ty đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách nhờ sự đoàn kết của tập thể CBCNV và sự lãnh đạo của Ban lãnh đạo Công ty. Tính đến thời điểm hiện tại, hệ thống máy móc phục vụ sản xuất của Công ty đã được xây dựng khá hoàn chỉnh và đồng bộ, bao gồm 30 máy đột dập từ 10 đến 1000 tấn, 169 máy gia công thủy lực, 32 máy tiện và máy phay CNC và các loại máy khác. Sản phẩm chính của Công ty là các sản phẩm gia công cơ khí các chi tiết trong và ngoài động cơ xe máy; bánh răng, xích công nghiệp, mạ, xử lý nhiệt, sản phẩm bi cầu các loại. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty được tóm tắt dưới đây:

- Từ 1974- : Xí nghiệp Xích Lip Xe đạp, tiền thân của Công ty cổ phần Xích Lip Đông  
1984 Anh được thành lập ngày 17/07/1974 theo quyết định số 222/QĐ-UB của UBND Thành phố Hà Nội, trực thuộc Liên hiệp Xe đạp, Xe máy Hà Nội với 150 lao động và 2 dây chuyền sản xuất xích, lip xe đạp. Đây là giai đoạn phát triển thịnh vượng của Công ty trong nền kinh tế bao cấp, kế hoạch hóa tập trung xã hội chủ nghĩa.
- Từ 1985- : Giai đoạn kinh tế đất nước chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, Nhà  
1997 nước xóa bỏ bao cấp cũng là giai đoạn khó khăn nhất của Công ty. Các sản phẩm xích, lip xe đạp không tiêu thụ được vì không đủ sức cạnh tranh về giá với sản phẩm cùng loại của Trung Quốc; phần lớn CBCNV của Công ty thất nghiệp.
- Từ 1998- : Năm 1998, Xí nghiệp Xích Lip đổi tên thành Công ty Xích Lip Đông Anh  
2000 theo quyết định số 5649/QĐ-UB ngày 30/12/1998 của UBND Thành phố Hà Nội.  
Giai đoạn này, các doanh nghiệp xe máy của nước ngoài bắt đầu lắp ráp xe máy tại Việt Nam và tìm kiếm nhà cung cấp. Với sự nỗ lực của Ban Lãnh đạo và CBCNV của Công ty, Công ty đã trở thành một trong những nhà cung cấp phụ tùng cho Honda Việt Nam, bắt đầu bằng việc sản xuất một số chi tiết đơn giản phục vụ cho hàn dập khung sườn xe máy.
- Từ 2001- : Đây là giai đoạn tăng trưởng vượt bậc của Công ty. Công ty đầu tư thêm  
2005 nhiều máy móc, thiết bị, xây nhà xưởng mới và mở rộng sản xuất.



Năm 2003, Công ty đã sáp nhập thêm 2 công ty là Công ty Bi Hà Nội và Công ty Phụ tùng xe đạp Đông Anh theo quyết định số 2040/QĐ-UB và quyết định số 7862/QĐ-UB của UBND Thành phố Hà Nội.

Năm 2005, Công ty Xích Lip Đông Anh đổi tên thành Công ty TNHH MTV Xích Lip Đông Anh

Từ 2006- 2016 : Công ty tiếp tục đạt mức tăng trưởng cao nhưng không còn quá nóng như giai đoạn trước. Giai đoạn này, Công ty tập trung cải tiến hệ thống quản lý cho phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững.

Năm 2009, Công ty TNHH MTV Xích Lip Đông Anh chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh, hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với vốn điều lệ là 60.000.000.000 đồng.

Trong giai đoạn này, các đối thủ cạnh tranh với Công ty xuất hiện ngày càng nhiều, thêm vào đó là tác động của cuộc Khủng hoảng kinh tế toàn cầu ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

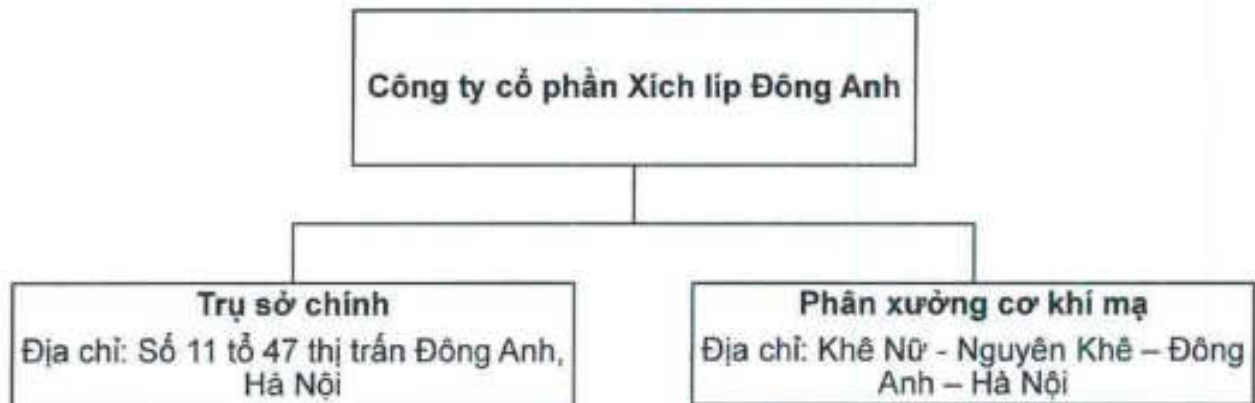
Từ 2017 - nay : Ngày 12/01/2017, Công ty chính thức giao dịch trên sàn UPCoM với mã chứng khoán là DFC.

Tháng 04/2017, UBND Thành phố Hà Nội có văn bản số 1569/UBND-KT về việc thoái toàn bộ vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh. Theo đó, Nhà nước sẽ thoái toàn bộ 3.600.000 cổ phần, tương ứng 60% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh. Việc thoái toàn bộ vốn Nhà nước tại Công ty đã thực hiện xong trong tháng 9 năm 2017.

Từ đó đến nay, Công ty mạnh dạn đầu tư hệ thống thiết bị gia công cơ khí với nhiều chủng loại thiết bị đa dạng, hiện đại, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

### **3. Cơ cấu tổ chức của Công ty**

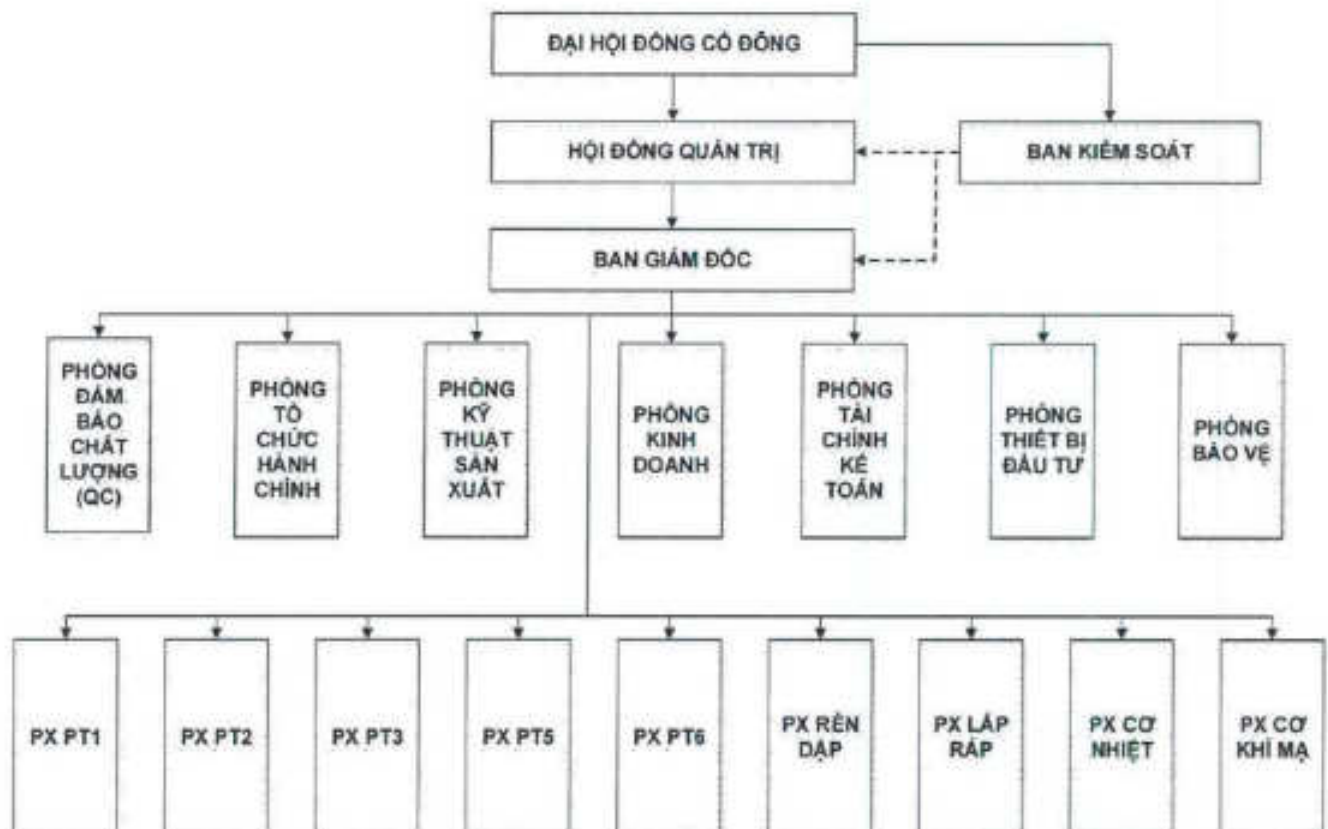
Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh là đơn vị hạch toán độc lập.



*Nguồn: CTCP Xích Lip Đông Anh*

#### 4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty

Hiện tại, Công ty áp dụng mô hình cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển và chiến lược kinh doanh của Công ty, cũng như đảm bảo tuân thủ các quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty.



*Nguồn: CTCP Xích Lip Đông Anh*



**Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có các nhiệm vụ chính như sau:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định mức chi trả cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- Quyết định giao dịch mua hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công ty
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Thông qua Báo cáo tài chính hàng năm;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty và;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

**Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị gồm 05 người, trong đó 01 Chủ tịch và 04 thành viên. Nhiệm kỳ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị tối đa là 05 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
- Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
- Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được ĐHĐCĐ ủy quyền;
- Quyết định mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 (mười hai) tháng;
- Quyết định mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;





- Quyết định giao dịch mua hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công ty; quyết định tất cả các giao dịch khác.

**Ban Kiểm soát:** Ban Kiểm soát có 03 thành viên. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 năm. Các thành viên trong Ban Kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp nhận nhiệm vụ.

Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
- Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- Giám sát tình hình tài chính của Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông;
- Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả; và
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

**Tổng Giám đốc:** Tổng giám đốc là người quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của HĐQT, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý Công ty;



- Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;

- Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

**Kế toán trưởng:** Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Công ty; đề xuất các giải pháp và điều kiện tạo nguồn vốn cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh, đầu tư phát triển Công ty; giúp Tổng giám đốc giám sát tài chính và phát huy các nguồn lực tài chính tại Công ty theo pháp luật về tài chính và kế toán; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

**Phòng Kỹ thuật sản xuất:** Thực hiện công tác kế hoạch sản xuất, kỹ thuật, công nghệ, tính giá thành sản phẩm

**Phòng Kinh doanh:** Cung ứng vật tư, giao hàng, giải quyết khiếu nại giao hàng

**Phòng Thiết bị đầu tư:** Đầu tư, sửa chữa thiết bị, xây dựng cơ bản

**Phòng QC:** Phụ trách công tác bảo đảm chất lượng sản phẩm, giải quyết khiếu nại của khách hàng về chất lượng sản phẩm

**Phòng Tổ chức hành chính:** Phụ trách công tác nhân sự, đào tạo, tiền lương, chế độ chính sách cho người lao động và công tác hành chính.

**Phân xưởng:** Triển khai công tác kế hoạch sản xuất, kỹ thuật công nghệ, chất lượng sản phẩm... tại đơn vị mình quản lý và công tác chế thử sản phẩm mới

**5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Công ty, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty, những công ty mà Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần góp vốn chi phối**

**5.1 Công ty mẹ**

Không có

**5.2. Công ty con**

Không có

**5.3. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty**

Không có

**5.4. Công ty mà Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần góp vốn chi phối**

Không có



### 5.5. Công ty liên doanh, liên kết

Không có

### 6. Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty

Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Xích Lip Đông Anh theo quyết định số 3267/QĐ-UB ngày 01/07/2009 của UBND Thành phố Hà Nội. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100696 (số cũ: 0103040295) cấp lần đầu ngày 27/08/2009, thay đổi lần thứ 03 ngày 24 tháng 06 năm 2019.

Từ khi chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần đến nay, Công ty chưa thực hiện tăng vốn hoặc giảm vốn điều lệ.

### 7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác.

Trong hai năm liên tục liền trước năm 2022, Công ty không có bất cứ khoản góp vốn, thoái vốn nào có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021.

### 8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

#### 8.1. Cổ phiếu phổ thông

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành của Công ty là 6.000.000 cổ phiếu, 100% là cổ phiếu phổ thông.

Cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

**Bảng 1. Cơ cấu cổ đông của Công ty ngày 24/03/2022**

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số CP sở hữu	Tỷ lệ%/VDL
1	<b>Cổ đông trong nước, nước ngoài</b>	<b>740</b>	<b>6.000.000</b>	<b>100%</b>
1	<b>Trong nước</b>	<b>740</b>	<b>6.000.000</b>	<b>100%</b>
1.1	Nhà nước	0	0	0%
1.2	Tổ chức	1	600.000	10%
1.3	Cá nhân	739	5.400.000	90%
2	<b>Nước ngoài</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>
2.1	Tổ chức nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0%



2.2	Cá nhân	0	0	0%
<b>II</b>	<b>Cổ đông lớn, cổ đông khác</b>	<b>740</b>	<b>6.000.000</b>	<b>100%</b>
1	Cổ đông lớn	7	4.146.700	69,11%
2	Cổ đông khác	733	1.853.300	30,89%
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>740</b>	<b>6.000.000</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Danh sách cổ đông DFC chốt tại ngày 24/03/2022

**8.2. Cổ phiếu ưu đãi:** Không có

### **9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài**

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định pháp luật: **0%**(theo công văn số 289/UBCK-PTTT về hồ sơ thông báo tỷ lệ SHNN tối đa của CTCP Xích lip Đông Anh ngày 14/01/2022).

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty: Không quy định

Theo thông tin về số liệu sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, ngày hiệu lực 09/01/2023, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty hiện tại: 0%.

### **10. Hoạt động kinh doanh**

#### **10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh**

##### **❖ Sản phẩm chính**

Sản phẩm chính của Công ty bao gồm các sản phẩm gia công cơ khí các chi tiết trong và ngoài động cơ xe máy bánh răng, xích công nghiệp, mạ, xử lý nhiệt, sản phẩm bi cầu các loại. Công ty hiện có 09 phân xưởng sản xuất. Sản phẩm sản xuất của công ty chủ yếu là phụ tùng xe máy: chi tiết dạng trục, chi tiết cụm ống xả, vòng đệm, long đen, và một số chi tiết cụm động cơ xe máy. Từ năm 2018 đến nay, công ty đã dần chuyển hướng sang lĩnh vực sản xuất chi tiết ô tô: chủ yếu là các sản phẩm giá để hàng, và vỏ ô tô.

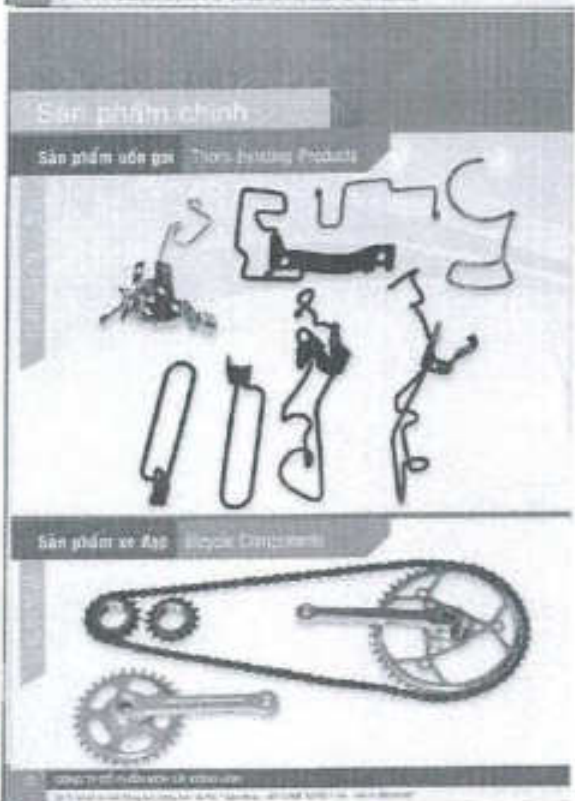
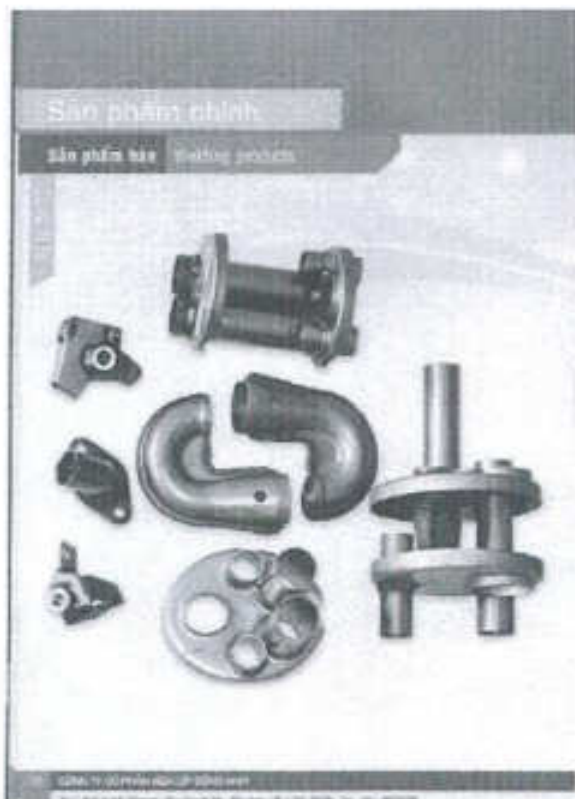
Các sản phẩm của Công ty bao gồm:

- Sản phẩm mạ
- Sản phẩm trong động cơ
- Sản phẩm dập tấm
- Sản phẩm dập hình
- Sản phẩm hàn
- Sản phẩm gia công động cơ

- Sản phẩm uốn gàu
- Sản phẩm trục dập ngang

**Bảng 2. Hình ảnh một số sản phẩm chính của Công ty**







Một số sản phẩm phụ tùng xe máy

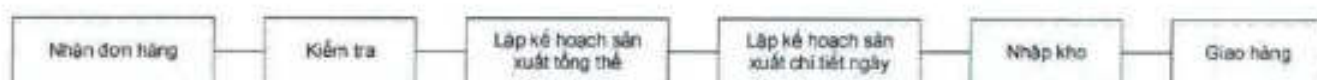


Sản phẩm phụ tùng ô tô

#### ❖ Quy trình sản xuất

Công ty sản xuất theo hình thức công nghiệp phụ trợ, cung cấp đầu vào trung gian (bộ phận, linh kiện và công cụ) để phục vụ ngành công nghiệp lắp ráp, chủ yếu là gia công theo đặt hàng của các khách hàng.

Quy trình nhận đơn hàng của Công ty như sau:



#### ❖ Công nghệ sản xuất

Hiện tại, công ty sản xuất được nhiều dạng công nghệ, gồm: gia công cơ, hàn, dập tấm, dập nguội, dập nóng, mạ phủ, uốn guide, mài, nhiệt luyện.

#### ❖ Tính thời vụ của hoạt động sản xuất

- Công ty sản xuất sản phẩm theo model, chu kỳ 2 năm thay đổi model, thay đổi sản phẩm giá cả phải cạnh tranh khi tham gia tiếp vào model mới.

- Hiện nay với nhu cầu đổi mới liên tục của người tiêu dùng, các khách hàng cũng theo đó thay đổi đời xe liên tục, thời gian sản xuất có xu hướng ngắn lại. Bên cạnh đó thị trường xe máy cũng có xu hướng thu hẹp dần lại, thị trường ô tô cũng đang dần được ưu tiên mở rộng, công ty chủ động tìm thị trường mới, và đã chủ động liên hệ tiếp xúc với các công ty sản xuất ô tô như Honda oto, Hyundai, Vinfast... để giới thiệu về công ty và năng lực sản xuất của công ty, và thu hút được sự chú ý của họ và đã có sản phẩm được tiếp nhận.

#### ❖ Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ:

Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty như sau:



**Bảng 3. Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty**

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Tỷ trọng (%)	Năm 2021	Tỷ trọng (%)	Năm 2022	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu nhượng bán hàng hóa vật tư	80.525.220.121	7,65	75.986.268.094	7,09	127.580.820.988	8,96
2	Doanh thu bán thành phẩm	961.116.588.459	91,36	984.383.749.883	91,82	1.280.104.289.478	89,94
3	Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.410.152.523	0,99	11.711.776.620	1,09	15.547.551.992	1,09
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.052.051.961.103</b>	<b>100</b>	<b>1.072.081.794.597</b>	<b>100</b>	<b>1.423.232.662.458</b>	<b>100</b>

Nguồn: BCTC năm 2020, năm 2021 đã kiểm toán, BCTC năm 2022 của CTCP Xích Lip Đông Anh

Doanh thu bán thành phẩm chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu tổng doanh thu của công ty (chiếm khoảng 90 - 92%), sau đó là doanh thu nhượng bán hàng hóa và vật tư (chiếm khoảng 7-9%) do Công ty chủ yếu thực hiện gia công theo các đơn đặt hàng của Khách hàng. Doanh thu cung cấp dịch vụ chiếm tỷ trọng nhỏ, chủ yếu là nguồn doanh thu đến từ cho thuê mặt bằng, thiết bị máy móc và bán phế liệu.

Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty theo loại hình sản phẩm, dịch vụ như sau:

**Bảng 4. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty**

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Tỷ trọng (%)	Năm 2021	Tỷ trọng (%)	Năm 2022	Tỷ trọng (%)
1	Lợi nhuận gộp nhượng bán hàng hóa vật tư	7.230.114.143	6,67	1.433.846.246	1,48	18.963.067.105	12,18
2	Lợi nhuận gộp bán thành phẩm	101.473.633.553	93,65	91.731.891.708	94,85	132.862.166.343	85,34
3	Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ	(352.489.958)	(0,33)	3.551.369.021	3,67	3.866.120.448	2,48
	<b>Tổng cộng</b>	<b>108.351.257.738</b>	<b>100</b>	<b>96.717.106.975</b>	<b>100</b>	<b>155.691.353.896</b>	<b>10,94</b>

Nguồn: BCTC năm 2020, năm 2021 đã kiểm toán, BCTC năm 2022 của CTCP Xích Lip Đông Anh





Tương tự như cơ cấu doanh thu, lợi nhuận chủ yếu của công ty đến từ lợi nhuận hoạt động bán thành phẩm. Lợi nhuận nhượng bán hàng hóa, vật tư và lợi nhuận cung cấp dịch vụ chiếm tỷ trọng nhỏ không đáng kể trong toàn bộ lợi nhuận gộp của công ty.

Xét biên lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần của Công ty trong 02 năm gần nhất lần lượt là 10,3% và 9,02%. Năm 2021 do ảnh hưởng của dịch Covid 19 nên biên lợi nhuận gộp đã giảm đáng kể so với năm 2020. Lũy kế đến hết Quý IV/2022, tổng lợi nhuận gộp của Công ty ghi nhận trên 150 tỷ đồng, bằng 10,58% trên tổng doanh thu thuần. Đây là nỗ lực đáng kể của Công ty để đưa hoạt động sản xuất kinh doanh trở lại bình thường trong năm 2022 sau những ảnh hưởng tiêu cực của Covid 19 lên thị trường nói chung và hoạt động sản xuất của Công ty nói riêng.

Sản lượng sản xuất một số mặt hàng chủ đạo của công ty trong 2 năm gần nhất và tính đến hết năm 2022 như sau:

**Bảng 5. Sản lượng và giá trị sản xuất một số mặt hàng chủ đạo của Công ty**

STT	Sản phẩm	Sản lượng năm 2020	Giá trị ước tính (ĐV: Triệu Đồng)	Sản lượng năm 2021	Giá trị ước tính (ĐV: Triệu Đồng)	Sản lượng năm 2022	Giá trị ước tính (ĐV: Triệu Đồng)
1	Phụ tùng xe máy (tấn)	15.792	1.041.000	15.581	1.028.000	17.210	1.135.478
2	Khóa KC (bộ)	11.000	758	6.310	616	9.000	725

*Nguồn: Công ty cổ phần Xích Lip Đông Anh*

## 10.2 Tài sản

### 10.2.1. Tài sản cố định

Tình hình tài sản của Công ty như sau:

**Bảng 6. Tình hình tài sản công ty tại 31/12/2020**

*Đơn vị: VND*

STT	Chi tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/Nguyên giá
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>483.849.609.474</b>	<b>103.235.778.907</b>	<b>21,34%</b>
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	129.860.873.502	57.353.143.098	44,17%
2	Máy móc, thiết bị	339.513.119.850	42.262.933.038	12,45%
3	Phương tiện vận tải	11.080.716.460	3.577.697.697	32,29%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.394.899.662	42.005.074	1,24%
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>34.597.224.446</b>	<b>30.730.196.486</b>	<b>88,82%</b>
1	Quyền sử dụng đất	33.775.561.946	30.704.050.265	90,91%
2	Tài sản cố định vô hình khác	821.662.500	26.146.221	3,18%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>518.446.833.920</b>	<b>133.965.975.393</b>	<b>25,84%</b>



Nguồn: BCTC năm 2020 đã kiểm toán CTCP Xích Lip Đông Anh

**Bảng 7. Tình hình tài sản công ty tại 31/12/2021**

Đơn vị: VNĐ

STT	Chi tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/Nguyên giá
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>485.937.021.161</b>	<b>84.810.912.879</b>	<b>17,45%</b>
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	129.860.873.502	53.596.641.036	41,27%
2	Máy móc, thiết bị	341.600.531.537	28.596.887.004	8,37%
3	Phương tiện vận tải	11.080.716.460	2.601.462.849	23,48%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.394.899.662	15.921.990	0,47%
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>34.597.224.446</b>	<b>30.011.415.533</b>	<b>86,75%</b>
1	Quyền sử dụng đất	33.775.561.946	30.007.669.312	88,84%
2	Tài sản cố định vô hình khác	821.662.500	3.746.221	0,46%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>520.534.245.607</b>	<b>114.822.328.412</b>	<b>22,06%</b>

Nguồn: BCTC năm 2021 đã kiểm toán CTCP Xích Lip Đông Anh

**Bảng 8. Tình hình tài sản công ty tại 31/12/2022**

Đơn vị: VNĐ

STT	Chi tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/Nguyên giá
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>501.748.310.895</b>	<b>86.236.586.725</b>	<b>17,19%</b>
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	132.890.948.148	53.187.924.612	40,02%
2	Máy móc, thiết bị	354.381.746.625	31.461.680.372	8,88%
3	Phương tiện vận tải	11.080.716.460	1.583.076.419	14,29%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.394.899.662	3.905.322	0,12%
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>34.597.224.446</b>	<b>29.319.224.251</b>	<b>84,74%</b>
1	Quyền sử dụng đất	33.775.561.946	29.319.224.251	86,81%
2	Tài sản cố định vô hình khác	821.662.500	0	0,00%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>536.345.535.341</b>	<b>115.555.810.976</b>	<b>21,55%</b>

Nguồn: BCTC năm 2022 CTCP Xích Lip Đông Anh

### 10.3. Thị trường hoạt động

Sản phẩm chính của Công ty được tiêu thụ tại thị trường trong nước, chiếm 99% doanh thu bán hàng và tập trung chủ yếu ở miền Bắc Việt Nam. Các khách hàng lớn có thể kể đến như Honda Việt Nam, Yamaha Việt Nam, Piaggio Việt Nam ... Một số khách hàng ở khu vực phía nam như Rheem, VMEP Đồng Nai,... với sản phẩm chủ yếu là chi tiết xe máy.



Công ty trực tiếp xuất khẩu một số lượng nhỏ sản phẩm của Công ty ra thị trường nước ngoài, khoảng 1% doanh thu bán hàng cho một số nước: Thái Lan, Italia, Ấn Độ, Pakistan,... chủ yếu là chi tiết xe máy và chi tiết máy biến thế.

**10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính**

**Bảng 9. Hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty theo doanh thu**

Đơn vị: VNĐ

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2020	Tỷ trọng (%)	Năm 2021	Tỷ trọng (%)	Năm 2022	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.052.051.961.103	99,49	1.072.081.794.597	99,56	1.423.232.662.458	99,62
	Trong đó:						
1.1	Doanh thu nhượng bán hàng hóa vật tư	80.525.220.121	7,62	75.986.268.094	7,06	127.580.820.988	8,93
1.2	Doanh thu bán thành phẩm	961.116.588.459	90,89	984.383.749.883	91,42	1.280.104.289.478	89,61
1.3	Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.410.152.523	0,98	11.711.776.620	1,09	15.547.551.992	1,09
2	Doanh thu hoạt động tài chính	2.434.314.894	0,23	161.309.052	0,01	56.479.812	0,00
3	Thu nhập khác	2.920.239.805	0,28	4.575.957.323	0,42	5.315.339.948	0,37
	<b>TỔNG DOANH THU VÀ THU NHẬP</b>	<b>1.057.406.515.802</b>	<b>100</b>	<b>1.076.819.060.972</b>	<b>100</b>	<b>1.428.604.482.218</b>	<b>100</b>

Nguồn: BCTC năm 2020, năm 2021 đã kiểm toán, BCTC năm 2022 của CTCP Xích Lip Đông Anh

Công tác đầu tư và cơ sở hạ tầng và xây dựng cơ bản giai đoạn năm 2020 – 2021 và kế hoạch năm 2022:

- Do ảnh hưởng dịch bệnh nên một số hạng mục đầu tư trong giai đoạn này phải tạm dừng, Công ty chỉ đầu tư các hạng mục cần thiết, quan trọng. Chi phí cụ thể như sau: Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 là 1,045 tỉ đồng (giảm 68% so với kế hoạch năm), năm 2021 là 0,779 tỉ đồng (giảm 88,4% so với kế hoạch năm), đầu tư mua bổ sung một số thiết bị thiết yếu phục vụ sản xuất năm 2020 là 5,7 tỷ đồng (giảm 31% so với năm 2019), năm 2021 là 2,983 tỷ đồng (giảm 85,7% so với kế hoạch năm).
- Công tác đầu tư thiết bị sản xuất, xây dựng cơ bản và các dự án năm 2022: tổng giá trị đầu tư là 41,56 tỉ đồng. Trong đó: đầu tư thiết bị máy móc là 34,6 tỷ để nâng cao



năng lực cho các sản phẩm trọng điểm và dự án nhà xưởng công nghệ cao, đầu tư xây dựng cơ bản là 6,96 tỷ để cải tạo và nâng cấp các công trình phụ trợ sản xuất, cải tạo khuôn viên Công ty.

### 10.5. Các hợp đồng lớn

**Bảng 10. Một số hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện**

Tên Hợp đồng	Loại/ Giá trị hợp đồng	Thời điểm ký kết	Thời điểm thực hiện	Sản phẩm dịch vụ đầu vào	Sản phẩm dịch vụ đầu ra	Các đối tác tham gia (nếu có)	Mối quan hệ với người nội bộ hoặc cổ đông lớn (nếu có)
Hợp đồng số YAMH-XLĐA 2016.1054	HĐ nguyên tắc	15/1/2016	Từ 15/1/2016 đến nay		Phụ tùng xe máy	Công ty YAMAHA VN	Không có
Hợp đồng NT về mua bán phụ tùng xe máy	HĐ nguyên tắc	16/6/2009	Từ 16/6/2009 đến nay		Phụ tùng xe máy	Công ty Honda VN	Không có
Hợp đồng số 0401/2022/HĐNT/ XLĐA-PTME	HĐ nguyên tắc	4/1/2022	Từ 1/1/2022 đến nay	Thép các loại		Công ty SXKD Thiết bị công nghiệp	Không có
Hợp đồng số HTV-XLĐA/S/697	HĐ nguyên tắc	2/4/2018	Từ 2/4/2018 đến nay	Thép các loại		Công ty Honda Trading	Không có

Nguồn: CTCP Xích lip Đông Anh

### 10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

**Bảng 11. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty**

Tên Khách hàng/ Nhà cung cấp	Giá trị giao dịch trên doanh thu/ doanh số bán hàng dự kiến (Đơn vị: Tỷ đồng/Năm)	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông lớn (nếu có)
<b>Khách hàng</b>				
Honda	+ Năm 2020: 298/1.054 + Năm 2021: 311/1.072 + Năm 2022: 300/1.423	Từ năm 1996 đến nay	Phụ tùng xe máy	Không có
Hitachi Astemo	+ Năm 2020: 169/1.054 + Năm 2021: 177/1.072 + Năm 2022: 177/1.423	Từ năm 2002 đến nay		Không có
Yamaha	+ Năm 2020: 160/1.054 + Năm 2021: 184/1.072 + Năm 2022: 183/1.423	Từ năm 2003 đến nay		Không có
Hitachi Energy	+ Năm 2020: 3/1.054 + Năm 2021: 2,7/1.072 + Năm 2022: 2,5/1.423	Từ năm 2006 đến nay	Phụ tùng máy biến thế	Không có



Tên Khách hàng/ Nhà cung cấp	Giá trị giao dịch trên doanh thu/ doanh số bán hàng dự kiến (Đơn vị: Tỷ đồng/Năm)	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông lớn (nếu có)
Piaggio	+ Năm 2020: 8/1.054 + Năm 2021: 10,7/1.072 + Năm 2022: 10/1.423	Từ năm 2008 đến nay	Phụ tùng xe máy	Không có
Rheem	+ Năm 2020: 6/1.054 + Năm 2021: 11/1.072 + Năm 2022: 11/1.423	Từ năm 2014 đến nay	Chi tiết bình nóng lạnh	Không có
Hyundai	+ Năm 2020: 0,15/1.054 + Năm 2021: 1,8/1.072 + Năm 2022: 0,5/1.423	Từ năm 2018 đến nay	Phụ tùng oto	Không có
Vinfast	+ Năm 2020: 10/1.054 + Năm 2021: 21,7/1.072 + Năm 2022: 12/1.423	Từ năm 2018 đến nay	Phụ tùng xe máy điện Phụ tùng oto	Không có
<b>Nhà cung cấp</b>				
Công ty SXKD Thiết bị công nghiệp	+ Năm 2020: 65,5 tỷ + Năm 2021: 131,8 tỷ + Năm 2022: 134,5 tỷ	Từ đầu năm 2022 đến nay	Thép các loại	Không có
Công ty Honda Trading	+ Năm 2020: 68,3 tỷ + Năm 2021: 84,6 tỷ + Năm 2022: 86,3 tỷ	Từ năm 2018 đến nay	Thép các loại	Không có

*Nguồn: CTCP Xích lip Đông Anh*

### 10.7. Vị thế của Công ty

Hiện nay trên địa bàn Hà Nội nói riêng và cả nước nói chung có rất nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh sản xuất công nghiệp trong lĩnh vực cơ khí chế tạo và sản xuất ra các sản phẩm như phụ tùng xe máy, máy công nghiệp,... như Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Việt Nam, Công ty Xuất nhập khẩu Cơ khí Mecanimex, Công ty Sản xuất cơ khí CNC Việt Nam,... Tuy nhiên, với bề dày kinh nghiệm cũng như uy tín trên thị trường, Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh tự hào là một trong số các đơn vị dẫn đầu trong sản xuất cơ khí chế tạo, luôn được các đối tác tin tưởng và ký kết hợp đồng lâu dài. Một số đối tác lớn của Công ty có thể kể đến như Honda Việt Nam, YAMAHA, Machino auto parts, VAP, Piaggio Việt Nam,...

Để có thể bứt phá, hướng đến vị thế doanh nghiệp hàng đầu trong ngành đòi hỏi Công ty cần nâng cao hơn nữa khả năng cạnh tranh về công nghệ, giá thành và dịch vụ. Đợt chào bán lần này cũng nằm trong mục tiêu phát triển dài hạn của Công ty, hướng đến vị thế doanh nghiệp hàng đầu trong ngành trong tương lai.

### 10.8. Hoạt động marketing

Công ty hoạt động trong ngành sản xuất công nghiệp phụ trợ nên tệp khách hàng chủ yếu là các doanh nghiệp sản xuất và lắp ráp. Hiện nay với nhu cầu đổi mới liên tục của người



tiêu dùng, các khách hàng cũng theo đó thay đổi đòi hỏi xe liên tục, thời gian sản xuất có xu hướng ngắn lại. Thị trường xe máy cũng đang có xu hướng chững lại, thay vào đó thị trường ô tô đang được ưu tiên phát triển hơn. Trong quá trình bán hàng, công ty đã chủ động tìm thị trường mới và liên hệ tiếp xúc với các công ty sản xuất ô tô như Honda ô tô, Hyundai, Vinfast,... để giới thiệu về công ty và năng lực sản xuất của công ty.

#### **10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu**

Hiện tại, Công ty sử dụng một logo chính thức và duy nhất dưới đây. Logo công ty đã được đăng ký bản quyền kể từ năm 2004.



Do đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh là gia công theo đơn đặt hàng của các khách hàng nên hiện tại các sản phẩm của Công ty không in logo của Công ty trên sản phẩm.

#### **10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển**

Để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao, Công ty đặc biệt chú trọng công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới. Cụ thể, chính sách nghiên cứu và phát triển của Công ty tập trung vào các hoạt động sau:

- Đẩy mạnh đầu tư cho các thiết bị nâng cao năng lực sản xuất các sản phẩm quan trọng của Công ty; đầu tư các thiết bị tạo cơ hội cho sản xuất kinh doanh những năm tiếp theo của Công ty;
- Cải tiến dây chuyền sản xuất theo hướng tinh gọn, rút ngắn tối đa thời gian phụ trợ không tạo ra sản phẩm;

Trong năm 2021, Công ty đã triển khai chế thử 193 cụm sản phẩm đưa vào sản xuất hàng loạt 104 sản phẩm. Sản phẩm chế thử chủ yếu hướng đến thị trường xuất khẩu và sản phẩm ô tô nên đòi hỏi đáp ứng về yêu cầu chất lượng cao, tiến độ chính xác, đặc biệt là thiết kế gá, jig kiểm. Đối với các sản phẩm ngoài xe máy, Công ty chế thử thành công 54 sản phẩm. Doanh thu từ những sản phẩm ngoài xe máy đạt 47,32 tỷ đồng tăng 7,5% so với năm 2021.



Cũng trong năm 2021, Công ty đã triển khai 13 dự án, trong đó có 8 dự án đã hoàn thành và 5 dự án tiếp tục triển khai trong năm 2022. Một số dự án trọng điểm tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả quản lý, tiết kiệm chi phí.

Năm 2022, Công ty mục tiêu chế thử trên 100 sản phẩm mới. Bên cạnh đó tập trung cải tiến các sản phẩm có sai hỏng lớn, các sản phẩm đang vướng mắc về chất lượng, các hạng mục công việc có chi phí giá trị lớn để giảm chi phí và giá thành sản phẩm.

#### **10.11. Chiến lược kinh doanh**

##### **❖ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- Phát triển các sản phẩm ngoài xe máy để tăng doanh thu.
- Phát triển các sản phẩm thế mạnh của Công ty như cụm sản phẩm, sản phẩm dập.
- Thực hiện sản xuất tinh gọn để tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận.

##### **❖ Chiến lược phát triển kinh doanh theo ngành hàng:**

Công ty cũng xây dựng chiến lược phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh theo hai ngành hàng chủ đạo của Công ty, bao gồm:

- Đối với ngành hàng xe máy: Công ty tập trung phát triển đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất, giảm giá thành, tăng sự cạnh tranh đối với nhóm các sản phẩm chủ lực là dập và cụm chi tiết.
- Đối với ngành hàng ngoài xe máy: Công ty đẩy mạnh phát triển lĩnh vực sản phẩm ngoài xe máy, đặc biệt là sản phẩm phụ tùng ô tô.

Để thực hiện 2 mục tiêu trên, Công ty chủ trương đầu tư trang thiết bị công nghệ hiện đại, hệ thống quản lý sản xuất tiên tiến, hiện đại theo đúng mục tiêu đã đề ra ở trên

#### **10.12. Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan đến ngành nghề kinh doanh có điều kiện**

Không có.

#### **11. Chính sách đối với người lao động**

Công ty luôn thực hiện tốt các quy định, pháp luật lao động, chính sách bảo xã hội, bảo hiểm y tế, bồi dưỡng nóng, độc hại đối với CBCNV. Ngoài ra, hàng năm Công ty mua bảo hiểm thân thể tự nguyện cho 100% CBCNV, có chế độ khen thưởng, nghỉ mát, thăm hỏi, trợ cấp khó khăn, xây nhà nhân ái cho gia đình CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, tặng quà nhân dịp sinh nhật CBCNV và kỉ niệm ngày thành lập Công ty.

##### **11.1. Số lượng và cơ cấu người lao động trong công ty**

Số lượng và cơ cấu người lao động của công ty tính đến thời điểm 31/12/2022 như sau:



**Bảng 12. Cơ cấu lao động của Công ty**

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>1.345</b>	<b>100</b>
1	Nam	870	64,68
2	Nữ	475	35,32
<b>II</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>1.345</b>	<b>100</b>
1	Số lao động có trình độ Đại học và trên Đại học	197	14,65
2	Số lao động có trình độ Cao đẳng	226	16,80
3	Số lao động có trình độ trung cấp, trung cấp nghề	871	64,76
4	Số lao động phổ thông	51	3,79
<b>III</b>	<b>Theo Hợp đồng lao động</b>	<b>1.345</b>	<b>100</b>
1	Lao động hợp đồng không xác định thời hạn	1.272	94,57
2	Lao động hợp đồng có xác định thời hạn	64	4,76
3	Lao động hợp đồng thời vụ	9	0,67

Nguồn: CTCP Xích Lip Đông Anh

## 11.2. Chính sách nhân sự

### Chế độ làm việc:

*Thời gian làm việc:* Theo quy định của pháp luật về lao động. Khi có yêu cầu đột xuất về tiến độ sản xuất, kinh doanh, các nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ. Công ty đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và có đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

*Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết:* Thực hiện theo Luật Lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng, được nghỉ phép 12 ngày hoặc 14 ngày đối với CBCNV làm việc trong điều kiện nặng nhọc, độc hại và thời gian làm việc không đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Nhân viên được nghỉ lễ, tết theo quy định của Luật Lao động và chế độ lương 1 ngày lễ vào ngày thành lập Công ty.

*Nghỉ ốm, thai sản:* Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

*Điều kiện làm việc:* Trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc. Công ty cũng trang bị đầy đủ dụng cụ và đồ bảo hộ lao động cho CBCNV làm việc trong môi trường có yêu cầu về an toàn lao động. Riêng đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ và





đúng quy định pháp luật các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động nhằm bảo đảm mức độ an toàn cao nhất cho người lao động

**Chính sách lương, thưởng, trợ cấp:**

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động; kịp thời thăm hỏi, động viên người lao động khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Công ty cũng thực hiện chế độ tiền lương, thưởng minh bạch và trả lương đúng hạn. Hiện tại, công tác trả lương, trả thưởng cho người lao động của Công ty được dựa trên đánh giá kết quả hoàn thành công việc thông qua định mức lao động, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc.

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có sáng kiến, giải pháp kỹ thuật đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty. Tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, Công ty sẽ thưởng cho người lao động vào các dịp lễ, tết; thưởng năng suất thưởng định mức. Nhưng cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất theo nội dung thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành.

**Chính sách tuyển dụng:**

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty và thực hiện theo kế hoạch hàng năm. Công ty đề ra tiêu chí tuyển dụng lao động, trong đó ưu tiên lao động địa phương tại các xã, thị trấn xung quanh địa bàn Công ty, lao động có chuyên môn giỏi, kinh nghiệm và năng lực đáp ứng được yêu cầu của Công ty.

**Chính sách đào tạo:**

Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực luôn gắn liền với chiến lược phát triển, mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và luôn được Ban Lãnh đạo quan tâm, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc. Với mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ CBCNV đạt trình độ cao về chuyên môn, nghiệp vụ, chuẩn mực đạo đức, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và tâm huyết với công việc, tại Công ty, tất cả CBCNV đều có cơ hội tham gia các chương trình đào tạo nghiệp vụ theo yêu cầu công việc, theo kế hoạch đào tạo, phát triển hàng năm; Công ty khuyến khích CBCNV chủ động đề xuất tham gia các khóa đào tạo nâng cao chuyên môn trong công việc và được Công ty hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ chi phí.

**Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội, chính sách cho người lao động:**



Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách cho người lao động như: đóng BHXH, BHYT, BHTN đúng quy định. Thực hiện tốt chính sách và đảm bảo quyền lợi cho người lao động khi nghỉ việc.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của CBCNV. Công ty đã xây dựng quỹ khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống. Công ty thực hiện thu và nộp đủ, quyết toán chế độ bảo hiểm đúng thời hạn.

## **12. Chính sách cổ tức**

Căn cứ Điều lệ Công ty, ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận giữ lại. Tình hình chi trả cổ tức của Công ty được thể hiện trong bảng dưới đây:

**Bảng 13. Tình hình chi trả cổ tức của Công ty**

STT	Năm	Tỷ lệ	Hình thức	Thời gian thanh toán
1	2019	13%	Tiền mặt	29/09/2020
2	2020	11%	Tiền mặt	10/09/2021
3	2021	0%	-	-

*Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, 2021, 2022 CTCP Xích Lip Đông Anh*

## **13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất**

Trong 02 năm gần nhất, Công ty không có hoạt động chào bán thêm cổ phiếu để huy động vốn.

## **14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty**

Không có

**15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán**

Không có



**16. Thông tin về cam kết của Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích**

Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh cam kết Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.



## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

### 1. Kết quả hoạt động kinh doanh

#### 1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty trong 02 năm gần nhất

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kết toán là đồng Việt Nam (VNĐ), tuân thủ theo các quy định của Luật Kế toán và các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành ở Việt Nam.

**Bảng 14. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty**

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/giảm	Năm 2022	% tăng/giảm
Tổng tài sản	455.343.774.809	515.293.427.327	13,17%	602.242.244.528	16,87%
Doanh thu thuần	1.052.051.961.103	1.072.081.794.597	1,90%	1.423.232.662.458	32,75%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	18.048.017.406	(3.285.506.508)	-	32.133.914.953	-
Lợi nhuận khác	2.305.249.234	4.463.444.411	93,62%	2.332.632.693	-47,74%
Lợi nhuận trước thuế	20.353.266.640	1.177.937.903	(94,21%)	34.466.547.646	2.826,01%
Lợi nhuận sau thuế	16.144.987.215	456.734.723	(97,17%)	27.573.238.117	5.937,04%
Tỷ lệ LNST/VCSH	10,62%	0,30%	(97,18%)	16,96%	5.563,04%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	40,88%	0,00%	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức	11%	0%	-	-	-

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2021, BCTC năm 2022 CTCP Xích Lip Đông Anh

Quy mô tổng tài sản của Công ty năm 2021 đạt 515,29 tỷ đồng, tăng 13,17% so với năm 2020, chủ yếu do tăng giá trị hàng tồn kho. Doanh thu thuần ghi nhận ở 1.072 tỷ đồng, tăng 1,9% so với doanh thu thực hiện năm 2020, và đạt 99% so với kế hoạch đặt ra đầu năm. Tuy nhiên lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh lại giảm mạnh, ghi nhận lỗ 3,29 tỷ đồng, do chi phí giá vốn hàng bán tăng, lợi nhuận gộp giảm nhưng công ty vẫn phải duy trì chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Nguyên nhân giảm lợi nhuận là do giá sắt



thép tăng quá cao (từ 20 – 40% so với giá năm 2020), tăng chi phí vận chuyển và các chi phí có liên quan khác do ảnh hưởng từ dịch Covid 19. Công ty vẫn duy trì kết quả hoạt động kinh doanh có lãi là do khoản thu nhập khác phát sinh tăng 93,62% so với năm 2020, chủ yếu đến từ hoạt động bán phế liệu, cho thuê mặt bằng, tiền điện máy móc và một số khoản thu khác.

Do kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid 19 và những biến động khó lường về giá nguyên vật liệu nên tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã trình ĐHĐCĐ thông qua phương án không trích lập các quỹ và chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Dự kiến trong năm 2022, khi hoạt động kinh doanh trở lại bình thường và những thuận lợi của nền kinh tế và thị trường ngành, công ty sẽ tiếp tục duy trì chi trả cổ tức cho cổ đông.

Lũy kế đến hết Quý IV năm 2022, Công ty ghi nhận mức doanh thu khoảng 1.423,2 tỷ đồng, tổng lợi nhuận sau thuế 27,57 tỷ đồng. Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu bình quân đạt 16,96% ghi nhận tốc độ phục hồi đáng kể của hoạt động sản xuất kinh doanh công ty trong năm 2022, cao hơn cả năm 2020 – thời điểm trước khi hoạt động kinh doanh của công ty bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19.

### **1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty**

- Năm 2021, ảnh hưởng từ dịch Covid-19 làm cho hoạt động sản xuất của Công ty bị ảnh hưởng mạnh, các khách hàng liên tục cắt giảm hoặc điều chỉnh đơn hàng. Các chính sách của Nhà nước liên quan đến phòng, chống dịch Covid 19 thay đổi liên tục, từ phong tỏa đến thích ứng linh hoạt khiến việc bố trí sản xuất của Công ty ở trạng thái bị động. Các chi phí phát sinh cho hoạt động phòng, chống dịch cũng gia tăng khiến công ty gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, giá cả vật tư, nguyên nhiên vật liệu biến động mạnh, tăng giá cao, việc cung ứng chậm trễ do dịch bệnh ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh. Một số khách hàng đặt hàng với số lượng lớn nhưng sau đó lại cắt giảm làm ảnh hưởng đến sản xuất và tồn kho của Công ty.

- Tuy nhiên đến năm 2022, khi dịch bệnh Covid 19 nhìn chung đã được kiểm soát tại Việt Nam, những chính sách ưu đãi về lãi suất và thuế của Chính phủ, đã tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động kinh doanh của Công ty trở về trạng thái bình thường mới. Một số mặt hàng vật tư, nguyên nhiên vật liệu tuy vẫn còn biến động về giá do ảnh hưởng của việc thị trường Trung Quốc thắt chặt các biện pháp an toàn để phòng chống dịch, nhưng về cơ bản đã được kiểm soát tốt hơn. Số lượng đơn hàng của các khách hàng cũng tăng trở lại so với năm 2021 thời điểm dịch bệnh các khách hàng phải cắt giảm.



## 2. Tình hình tài chính

### 2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

#### 2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

**Bảng 15. Tình hình vốn chủ sở hữu của Công ty**

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	Tăng giảm (%)	31/12/2022	Tăng giảm (%)
Vốn chủ sở hữu	155.614.078.144	149.470.812.867	(3,95)	176.121.412.347	17,83
Vốn góp chủ sở hữu	60.000.000.000	60.000.000.000	0,00	60.000.000.000	0,00
Thặng dư vốn cổ phần	0	0	-	0	
Cổ phiếu quỹ	0	0	-	0	
Quỹ đầu tư phát triển	88.670.836.413	88.670.836.413	0,00	88.670.836.413	0,00
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.943.241.731	799.976.454	(88,48)	27.450.575.934	3331,42

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2021, BCTC năm 2022 CTCP Xích Lip Đông Anh

#### 2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

Khấu hao TSCĐ hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau

Nhà cửa, vật kiến trúc	: 5 – 50 năm
Máy móc thiết bị	: 3 – 15 năm
Phương tiện vận tải	: 6 – 30 năm
Thiết bị văn phòng	: 3 – 10 năm

#### 2.1.3. Mức lương bình quân

Mức lương bình quân của người lao động của Công ty năm 2020, 2021, 2022 như sau:

- Mức lương bình quân năm 2020: 10.400.000 đồng/người/tháng
- Mức lương bình quân năm 2021: 10.500.000 đồng/người/tháng
- Mức lương bình quân năm 2022: 11.000.000 đồng/người/tháng



Công ty đánh giá mức lương bình quân này tương đương với các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn.

#### 2.1.4. Tình hình công nợ

##### a. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty hiện nay không có khoản nợ quá hạn nào, các khoản nợ phải trả ngắn và trung hạn đều được Công ty thanh toán đúng hạn.

##### b. Các khoản phải nộp theo luật định

Các khoản phải nộp theo luật định của Công ty bao gồm: các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân và các khoản thuế khác phải nộp theo quy định của Nhà nước. Công ty luôn nộp đầy đủ và nghiêm túc các khoản thuế theo quy định của Nhà nước, số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty như sau:

**Bảng 16. Số dư phải nộp ngân sách Nhà nước của Công ty**

Đơn vị: VNĐ

Chi tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
Thuế GTGT	2.829.407.183	3.569.268.011	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-
Thuế tài nguyên	712.960	655.140	642.000
Thuế thu nhập cá nhân	226.713.192	455.042.716	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	450.479.380	-	2.282.112.709
Thuế nhà đất	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>3.507.312.715</b>	<b>4.024.965.867</b>	<b>2.282.754.709</b>

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2021, BCTC năm 2023 CTCP Xích Líp Đông Anh  
Quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau, giá trị thuế phải nộp có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

##### c. Các khoản phải thu

**Bảng 17. Các khoản phải thu của Công ty**

Đơn vị: VNĐ



STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
<b>I</b>	<b>Phải thu ngắn hạn</b>	<b>125.363.517.566</b>	<b>126.983.120.175</b>	<b>153.391.759.456</b>
1.1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	123.203.140.356	124.493.209.536	151.504.451.933
1.2	Trả trước cho người bán	1.874.377.105	1.920.506.119	1.693.233.092
1.3	Phải thu ngắn hạn khác	286.000.105	569.404.520	194.074.431
<b>II</b>	<b>Phải thu dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>125.363.517.566</b>	<b>126.983.120.175</b>	<b>153.391.759.456</b>

*Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2021, BCTC năm 2022 CTCP Xích Lip Đông Anh*

Các khoản phải thu của Công ty đều là khoản phải thu ngắn hạn, chủ yếu là Phải thu ngắn hạn của khách hàng như: Công ty Honda Việt Nam, Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam, Công ty TNHH Hitachi Astemo Hà Nội, Công ty TNHH phụ tùng xe máy, ô tô Goshi Thăng Long,... Công ty không có khoản phải thu dài hạn.

**d. Các khoản phải trả**

**Bảng 18. Các khoản phải trả của Công ty**

*Đơn vị: VNĐ*

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>232.801.188.336</b>	<b>322.634.559.732</b>	<b>374.642.795.298</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	85.250.168.049	82.088.331.648	106.952.538.163
2	Người mua trả tiền trước	2.758.771.194	11.809.433	51.713.818
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.507.312.715	4.024.965.867	2.282.754.709
4	Phải trả người lao động	29.554.235.799	30.171.983.418	33.350.560.435
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.600.072.895	3.872.914.194	1.672.098.069
6	Phải trả ngắn hạn khác	3.430.358.498	2.083.647.546	2.389.286.101
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	101.869.440.350	199.838.413.790	227.646.722.167





8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.830.828.836	542.493.836	297.121.836
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>66.928.508.329</b>	<b>43.188.054.728</b>	<b>51.478.036.883</b>
1	Phải trả dài hạn khác	1.314.000.000	1.298.000.000	1.340.000.000
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	65.614.508.329	41.890.054.728	50.138.036.883
	<b>Tổng cộng</b>	<b>299.729.696.665</b>	<b>365.822.614.460</b>	<b>426.120.832.181</b>

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2021, BCTC năm 2022 CTCP Xích Lip Đông Anh

Các khoản phải trả của Công ty chủ yếu là khoản phải trả cho người bán ngắn hạn và các khoản vay và nợ thuê tài chính (cả ngắn hạn và dài hạn). Công ty không có khoản phải trả nào quá hạn thanh toán.

Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính của Công ty như sau:

**Bảng 19. Các khoản vay của Công ty**

Đơn vị: VNĐ

STT	Chi tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022	Mục đích vay
<b>I</b>	<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>101.869.440.350</b>	<b>199.838.413.790</b>	<b>227.646.722.167</b>	
<b>1.1</b>	<b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh</b>	<b>38.327.703.305</b>	<b>110.266.836.210</b>	<b>134.535.661.420</b>	
	Vay ngắn hạn	30.224.982.257	104.865.022.153	134.535.661.420	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động SXKD
	Nợ dài hạn đến hạn trả	8.102.721.048	5.401.814.057	-	
<b>1.2</b>	<b>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh</b>	<b>46.139.732.086</b>	<b>39.405.745.589</b>	<b>91.511.060.747</b>	
	Vay ngắn hạn	33.416.272.086	26.682.285.589	78.787.600.747	Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn phục vụ hoạt động SXKD nhưng không bao gồm đầu tư TSCĐ
	Nợ dài hạn đến hạn trả	12.723.460.000	12.723.460.000	12.723.460.000	
<b>1.3</b>	<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Anh</b>	<b>17.402.004.959</b>	<b>50.165.831.991</b>	<b>1.600.000.000</b>	
	Vay ngắn hạn	16.272.544.859	48.565.831.991	-	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C và thẻ tín dụng doanh nghiệp
	Nợ dài hạn đến hạn trả	1.129.460.100	1.600.000.000	1.600.000.000	



<b>II</b>	<b>Vay dài hạn</b>	<b>65.614.508.329</b>	<b>41.890.054.728</b>	<b>50.138.036.883</b>	
<b>2.1</b>	<b>Vay tổ chức tín dụng</b>	<b>45.195.907.782</b>	<b>25.470.633.725</b>	<b>34.380.839.225</b>	
	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh	5.401.814.057	-	23.233.665.500	
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh	35.138.325.222	22.414.865.222	9.691.405.222	Thanh toán chi phí liên quan đến đầu tư tài sản cố định theo kế hoạch đầu tư năm 2017
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Anh	4.655.768.503	3.055.768.503	1.455.768.503	Đầu tư tài sản cố định năm 2029 phục vụ sản xuất phụ tùng xe máy, ô tô
<b>2.2</b>	<b>Vay cán bộ công nhân viên</b>	<b>20.418.600.547</b>	<b>16.419.421.003</b>	<b>15.757.197.658</b>	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>167.483.948.679</b>	<b>241.728.468.518</b>	<b>277.784.759.050</b>	

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2021, BCTC năm 2022 CTCP Xích Lip Đông Anh

#### e. Trích lập các quỹ theo Luật định

Công ty trích lập và sử dụng các Quỹ theo quy định áp dụng cho doanh nghiệp là CTCP, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Mức trích lập cụ thể theo từng năm do HĐQT quyết định dựa trên đề xuất của HĐQT.

**Bảng 20. Số dư các quỹ của Công ty tại từng thời điểm**

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.830.828.836	542.493.836	297.121.836
2	Quỹ đầu tư phát triển	88.670.836.413	88.670.836.413	88.670.836.413
	<b>Tổng cộng</b>	<b>91.501.665.249</b>	<b>89.213.330.249</b>	<b>88.967.958.249</b>

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2021, BCTC năm 2022 CTCP Xích Lip Đông Anh

#### f. Những biến động lớn xảy ra ảnh hưởng đến tình hình tài chính của TCPH kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty.

#### 2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 21. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**



Các chỉ tiêu	Đơn vị	2020	2021	2022
<b>1. Khả năng thanh toán</b>				
<b>Hệ số thanh toán ngắn hạn</b> ( <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i> )	Lần	1,29	1,17	1,18
<b>Hệ số thanh toán nhanh</b> ( <i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</i> )/Nợ ngắn hạn	Lần	0,76	0,43	0,48
<b>2. Cơ cấu vốn</b>				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,66	0,71	0,71
Hệ số Nợ/VCSH	Lần	1,93	2,45	2,42
<b>3. Năng lực hoạt động</b>				
<b>Vòng quay tổng tài sản</b> ( <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i> )	Vòng	2,13	2,21	2,55
<b>Vòng quay vốn lưu động</b> ( <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân</i> )	Vòng	3,32	3,17	3,48
<b>Vòng quay hàng tồn kho</b> ( <i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i> )	Vòng	7,16	5,42	5,09
<b>4. Khả năng sinh lời</b>				
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b> ( <i>LNST/Doanh thu thuần</i> )	%	1,53	0,04	1,94
<b>Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA)</b> ( <i>LNST/Tổng tài sản bình quân</i> )	%	3,27	0,09	4,93
<b>Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)</b> ( <i>LNST/VCSH bình quân</i> )	%	10,62	0,30	16,94
<b>Thu nhập trên cổ phần (EPS)</b>	Đồng	2.422	76	4.596

Nguồn: Số liệu tính toán căn cứ theo BCTC kiểm toán năm 2019, 2020, 2021 và BCTC năm 2022 của CTCP Xích Líp Đông Anh.

### 3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

Công ty đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020, 2021 theo đúng quy định. Đơn vị thực hiện kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán TTP - Chi nhánh miền Bắc đã đưa ra ý kiến chấp thuận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2020, 2021:



"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".

Ngày 31/10/2022, Công ty đã có công văn số 06/2022/CV-XLĐA và 07/2022/CV-XLĐA để đính chính và bổ sung thông tin cho Báo cáo tài chính năm 2020 và năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP – Chi nhánh Miền Bắc như sau:

**❖ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020**

**Nội dung đã công bố:**

"6. Cấu trúc doanh nghiệp:

- Danh sách công ty con: Không có
- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:
  - + Công ty TNHH Lam Sơn (Giao dịch liên kết)
  - + Công ty cổ phần Thiết bị Công nghiệp Thalad Việt Nam (Giao dịch liên kết);
- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: Không có"

**Nội dung đính chính:**

"6. Cấu trúc doanh nghiệp:

- Danh sách công ty con: Không có
- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết: Không có
- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: Không có
- Danh sách các công ty có mối quan hệ khác:
  - + Công ty TNHH Lam Sơn (Giao dịch liên kết)
  - + Công ty cổ phần Thiết bị Công nghiệp Thalad Việt Nam (Giao dịch liên kết);

**Nội dung bổ sung:**

Tại thời điểm 31/12/2020, tổng số người lao động của Công ty là 1.399 người.

**❖ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021**

**Nội dung đã công bố:**

"6. Cấu trúc doanh nghiệp:

- Danh sách công ty con: Không có
- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:
  - + Công ty TNHH Lam Sơn (Giao dịch liên kết)
  - + Công ty cổ phần Thiết bị Công nghiệp Thalad Việt Nam (Giao dịch liên kết);
  - + Công ty TNHH Linh Trung ES (Giao dịch liên kết – thành viên góp vốn)

**Nội dung đính chính:**

"6. Cấu trúc doanh nghiệp:

- Danh sách công ty con: Không có
- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết: Không có
- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: Không có
- Danh sách các công ty có mối quan hệ khác:
  - + Công ty TNHH Lam Sơn (Giao dịch liên kết)



- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: Không có"

+ Công ty cổ phần Thiết bị Công nghiệp Thalad Việt Nam (Giao dịch liên kết);

+ Công ty TNHH Linh Trung ES (Giao dịch liên kết – Cổ đông lớn)"

**Nội dung bổ sung:**

Tại thời điểm 31/12/2021, tổng số người lao động của Công ty là 1.347 người. Việc đính chính và bổ sung các thông tin trên đây là cần thiết nhằm mục đích cho người đọc hiểu chuẩn xác hơn về nội dung được đề cập trong Báo cáo tài chính và tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam. Các nội dung khác của Báo cáo tài chính kiểm toán cho kỳ kế toán năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và ngày 31/12/2021 của công ty giữ nguyên, không thay đổi so với nội dung đã công bố. Công ty TNHH Kiểm toán TTP – Chi nhánh Miền Bắc xác nhận các nội dung đính chính và bổ sung nêu trên là đúng.

**4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức**

**Bảng 22. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2022 và 2023**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022		Năm 2023 (*)	
	Thực hiện	Kế hoạch	%tăng/ giảm so với năm 2021	Kế hoạch	%tăng/ giảm so với năm 2022
Doanh thu thuần	1.072	1.119	4,38%	1.400	25,11%
Vốn điều lệ	60	114	90,00%	114	0,00%
Lợi nhuận sau thuế	0,4	6,4	1.500,00%	26	306,25%
Tỷ lệ LNST/DTT	0,037%	0,572%	1.432,80%	1,857%	224,71%
Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ	0,667%	5,614%	742,11%	22,807%	306,25%
Tỷ lệ cổ tức (**)	-	-	-	-	-

Nguồn: Báo cáo của Ban Điều hành về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

CTCP Xích Lip Đông Anh tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

**Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên:** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2022.

(\*) Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2023 được Ban Giám đốc xây dựng căn cứ theo kết quả kinh doanh ước tính của năm 2022, dự kiến sẽ trình ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.



(\*) Tỷ lệ cổ tức dự kiến cho năm 2022 chưa được HĐQT trình thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty. Năm 2022, trước những diễn biến còn nhiều phức tạp của thị trường, nếu kết quả kinh doanh khả quan hơn so với năm 2021 và đạt kế hoạch đặt ra, HĐQT Công ty dự kiến sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 mức cổ tức chi trả cho cổ đông là khoảng 10%.

**Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận nói trên:**

- Năm 2022 và năm 2023, Đơn hàng dự kiến của các khách hàng của Công ty vẫn giữ được ở mức tương đương so với năm trước nhưng thêm một số đầu sản phẩm mới sản xuất hàng loạt từ cuối năm 2021 nên doanh thu có thể tăng trưởng tốt hơn.
- Tình hình dịch Covid 19 trong nước và quốc tế đã từng bước được khống chế, Việt Nam đã trong giai đoạn nới lỏng và thích ứng linh hoạt với dịch bệnh nên nền kinh tế đã dần trở lại trạng thái bình thường mới.
- Công ty bắt đầu sản xuất sản phẩm ô tô cho Toyota Việt Nam, số lượng sản phẩm đặt hàng ngày càng nhiều, mở ra cơ hội tăng việc làm và doanh thu cho công nhân.
- Năm 2023, Công ty lựa chọn chủ đề "Cùng nhau nỗ lực vượt qua thử thách" với mong muốn tập thể CBCNV toàn công ty quyết tâm, đồng lòng vượt qua mọi thử thách khó khăn, ổn định phát triển sản xuất và kinh doanh, duy trì việc làm và thu nhập cho người lao động với mục tiêu KPI như sau: Năng suất lao động tăng 5% so với năm 2022, tốc độ tăng trưởng sản phẩm ngoài xe máy tăng 6% so với năm 2022 và tỷ lệ sai hỏng giảm 1% so với năm 2022. Đây là động lực để Ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên công ty phấn đấu để hoàn thành các chỉ tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Tuy nhiên, khi xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2023, Ban lãnh đạo Công ty cũng lường trước một số khó khăn sẽ gặp và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty. Giá nguyên vật liệu sắt, thép, nikel, nhôm,... có tăng mạnh và khan hiếm nguồn do ảnh hưởng của dịch Covid 19 và xung đột giữa Nga và Ukraine. Đơn hàng của khách hàng thay đổi liên tục do nhu cầu xuất khẩu, nhiều sản phẩm tăng đột biến dẫn tới khó khăn trong việc chuẩn bị vật tư sản xuất. Ngoài ra một loạt các thiết bị quan trọng sau gần 20 năm khai thác đã xuống cấp nghiêm trọng, trong khi các sản phẩm mới có yêu cầu cao về chất lượng, nên công ty cần phải đầu tư mua bổ sung, thay thế, dẫn tới chi phí đầu tư sẽ tăng. Số sản phẩm ô tô đưa vào chế thử cũng như sản xuất hàng loạt nhiều, yêu cầu chất lượng cao trong khi công ty đang thiếu thiết bị và việc kiểm soát chất lượng phụ thuộc phần lớn vào kinh nghiệm của kiểm soát chất lượng.



Kết quả thực hiện kế hoạch doanh thu, lợi nhuận lũy kế đến Quý IV năm 2022:

**Bảng 23. Kết quả thực hiện kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2022**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2022	Năm 2022	
		Kế hoạch	% thực hiện so với kế hoạch
Doanh thu thuần	1.423	1.119	127,19%
Vốn điều lệ	60	114	52,63%
Lợi nhuận sau thuế	26,77	6,4	418,28%
Tỷ lệ LNST/DTT	1,881%	0,572%	328,87%
Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ	44,62%	5,614%	794,73%

Nguồn: BCTC Quý IV năm 2022 CTCP Xích lip Đông Anh

**Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty:**

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT đã tiến hành thu thập các thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xích lip Đông Anh. Căn cứ trên năng lực hiện tại và triển vọng phát triển trong tương lai, nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong năm tới là phù hợp và khả thi, kế hoạch trả cổ tức cho cổ đông của Công ty có thể được đảm bảo thực hiện.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.



**VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**1. Thông tin về cổ đông sáng lập**

Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa. Công ty không có cổ đông sáng lập.

**2. Thông tin về cổ đông lớn**

**❖ Danh sách cổ đông lớn của Công ty**

Tại thời điểm hiện tại, Công ty có 07 cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ, thông tin như sau:

**Bảng 24. Danh sách cổ đông lớn của Công ty tại thời điểm 24/03/2022**

STT	Cá nhân/ Tổ chức, Mối quan hệ và chức vụ tại TCPH (nếu có)	Địa chỉ liên lạc/ Trụ sở chính	SLCP năm giữ hiện tại	Tỷ lệ trên vốn điều lệ hiện tại	SLCP năm giữ (dự kiến) sau đợt chào bán	Tỷ lệ trên vốn điều lệ mới
1	Bạch Quốc Trung	Nhà A33 tập thể TW Đoàn, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy Hà Nội	572.775	<b>9,55%</b>	1.088.273	<b>9,55%</b>
<b>Người có liên quan của ông Trung</b>						
1.1	Nguyễn Hữu Thắng (Mối quan hệ: Anh rể)	B10-6, Vinhomes Gardenia, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	290.000	<b>4,83%</b>	551.000	<b>4,83%</b>
2	Lưu Văn Long	Thạch Đà, Mễ Linh, Hà Nội	345.100	<b>5,75%</b>	655.690	<b>5,75%</b>
3	Phan Thanh Việt	Số 11, Tổ 47, Thị trấn Đông Anh, Hà Nội	560.000	<b>9,33%</b>	1.064.000	<b>9,33%</b>
<b>Người có liên quan của ông Việt</b>						
3.1	Phan Tấn Bình (Mối quan hệ: Bố đẻ) – Chủ tịch HĐQT	Tổ 20 Thị trấn Đông Anh, Hà Nội	178.200	<b>2,97%</b>	338.580	<b>2,97%</b>
4	Phạm Đức Hiếu – TV HĐQT, Kế toán trưởng	46 tổ 19 thị trấn Đông Anh, Hà Nội	301.900	<b>5,03%</b>	573.610	<b>5,03%</b>





5	Đặng Thế Nguyễn – Thành viên BKS	Xóm Trong, Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	1.451.325	<b>24,19%</b>	2.757.518	<b>24,19%</b>
6	Nguyễn Minh Tuấn – Thành viên HĐQT	Tổ 21 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội	315.600	<b>5,26%</b>	599.640	<b>5,26%</b>
7	Công ty TNHH Linh Trung ES (*)	Xã Lạc Đạo- Văn Lâm- Hưng Yên	600.000	<b>10,00%</b>	1.140.000	<b>10,00%</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>4.614.900</b>	<b>76,92%</b>	<b>8.768.310</b>	<b>76,92%</b>

*Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 24/03/2022 của CTCP Xích Lip Đông Anh do VSD  
cấp*

**(\*) Thông tin về Công ty TNHH Linh Trung ES:**

Năm thành lập: 2007

Giấy CNĐKKD số 0900232860 (số cũ: 0502000775, cấp ngày 12/12/2007)

Ngành nghề kinh doanh chính: buôn bán, sản xuất vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị điện các loại.

Địa bàn hoạt động: Tỉnh Hưng Yên và khu vực lân cận

Sản phẩm dịch vụ chính: Sản phẩm cơ khí, Sản phẩm điện tử điện lạnh,...

Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn Khuê – Chức vụ: Giám đốc công ty

- ❖ **Giao dịch của Công ty với cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty.**

**Bảng 25. Giao dịch của công ty với cổ đông sở hữu từ 10% và người có liên quan**

STT	Cổ đông nắm giữ từ 10% và người có liên quan	Loại hợp đồng, giao dịch	Giá trị hợp đồng, giao dịch (thực hiện hoặc dự kiến)	Tình trạng thực hiện hợp đồng/ giao dịch	Thẩm quyền chấp thuận đối với các hợp đồng/ giao dịch
1	Đặng Thế Nguyễn	Thủ lao thành viên BKS	Theo quyết định của ĐHĐCĐ hằng năm	Thực hiện thường xuyên trong năm	ĐHĐCĐ
1.1	<b>Người có liên quan của ông Nguyễn:</b>	Hợp đồng mua vật tư, nguyên phụ liệu	Năm 2020: 4,2 tỷ Năm 2021: 5,4 tỷ	Thực hiện thường xuyên trong năm	HĐQT



	Công ty TNHH Lam Sơn (Mối quan hệ: Công ty có ông Đặng Thế Nguyên là Giám đốc)	Hợp đồng mua thành phẩm, hàng hóa	Năm 2020: 138,8 tỷ Năm 2021: 125,4 tỷ Năm 2022: 179 tỷ	Thực hiện thường xuyên trong năm	HĐQT
		Nhượng bán hàng hóa, bán thành phẩm và doanh thu khác	Năm 2020: 61,8 tỷ Năm 2021: 57,5 tỷ Năm 2022: 86,2 tỷ	Thực hiện thường xuyên trong năm	HĐQT
2	Công ty TNHH Linh Trung ES	Hợp đồng mua vật tư, nguyên phụ liệu	Năm 2020: 81 tỷ Năm 2021: 166 tỷ Năm 2022: 198,8 tỷ	Thực hiện thường xuyên trong năm	HĐQT
		Hợp đồng mua thành phẩm, hàng hóa	Năm 2020: 83 tỷ Năm 2021: 87 tỷ	Thực hiện thường xuyên trong năm	HĐQT
		Nhượng bán hàng hóa, bán thành phẩm và doanh thu khác	Năm 2020: 6,3 tỷ Năm 2021: 4,6 tỷ Năm 2022: 3,1 tỷ	Thực hiện thường xuyên trong năm	HĐQT

*Nguồn: CTCP Xích lip Đông Anh*

- ❖ **Lợi ích liên quan của cổ đông lớn đối với Tổ chức phát hành:** Cổ tức cổ đông được nhận theo Nghị quyết ĐHĐCĐ hàng năm của Công ty.
- ❖ **Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:**
  - **Công ty TNHH Linh Trung ES (Cổ đông lớn)**  
 Thông tin đã được nêu trên.  
 Mối quan hệ với tổ chức phát hành: Cổ đông lớn sở hữu 10% vốn điều lệ công ty  
 Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Công ty TNHH Linh Trung ES là cổ đông chiến lược và là đối tác phát sinh giao dịch liên kết với Công ty trong việc sản xuất sản phẩm của công ty theo đơn đặt hàng của Khách hàng. Công ty TNHH Linh Trung ES và Người đại diện TCSH ký kết hợp đồng cam kết báo cáo đầy đủ với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát khi có phát sinh lợi ích có liên quan với Công ty. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các hợp đồng, giao dịch theo đúng thẩm quyền (nếu cần).
  - **Công ty TNHH Lam Sơn (Người có liên quan của cổ đông lớn – ông Đặng Thế Nguyên)**



Năm thành lập: 2000

Địa chỉ trụ sở chính: Lô CN3, Cụm công nghiệp Đông Anh, Xã Nguyên Khê, Huyện Đông Anh, Tp. Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng

Sản phẩm dịch vụ chính: Xây dựng dân dụng, gia công cơ khí phục vụ dân dụng và công nghiệp

Địa bàn hoạt động: Hà Nội và khu vực lân cận

Vốn điều lệ: 21.600.000.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Thế Nguyễn – Chức vụ: Giám đốc

Mối quan hệ với tổ chức phát hành: Người có liên quan của cổ đông lớn - ông Đặng Thế Nguyễn

Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Công ty TNHH Lam Sơn là đối tác phát sinh giao dịch liên kết với Công ty trong việc sản xuất sản phẩm của công ty theo đơn đặt hàng của Khách hàng. Công ty TNHH Lam Sơn và Người đại diện TCPH ký kết hợp đồng cam kết báo cáo đầy đủ với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát khi có phát sinh lợi ích có liên quan với Công ty. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các hợp đồng, giao dịch theo đúng thẩm quyền (nếu cần).

### **3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng**

STT	Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Quốc tịch
<b>Hội đồng quản trị</b>				
1	Ông Phan Tấn Bình	Chủ tịch HĐQT	1960	Việt Nam
2	Ông Phùng Quang Hải	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc	1963	Việt Nam
3	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	1975	Việt Nam
4	Ông Nguyễn Hữu Thắng	Thành viên HĐQT	1976	Việt Nam
5	Ông Phạm Đức Hiếu	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng	1973	Việt Nam
<b>Ban Kiểm soát</b>				
1	Bà Trần Thị Việt Hằng	Trưởng BKS	1981	Việt Nam
2	Ông Đặng Thế Nguyễn	Thành viên BKS	1965	Việt Nam
3	Bà Nguyễn Thị Mùi	Thành viên BKS	1979	Việt Nam



<b>Ban Tổng giám đốc</b>				
1	Ông Phùng Quang Hải	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc	1963	Việt Nam
2	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	1976	Việt Nam
3	Ông Ngô Vinh Tĩnh	Phó Tổng Giám đốc	1978	Việt Nam
<b>Kế toán trưởng</b>				
1	Ông Phạm Đức Hiếu	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng	1973	Việt Nam

### **3.1. Hội đồng quản trị**

STT	Họ tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Phan Tấn Bình	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành
2	Ông Phùng Quang Hải	Thành viên HĐQT	Điều hành
3	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	Điều hành
4	Ông Nguyễn Hữu Thắng	Thành viên HĐQT	Không điều hành
5	Ông Phạm Đức Hiếu	Thành viên HĐQT	Điều hành

#### **3.1.1. Ông Phan Tấn Bình – Chủ tịch HĐQT**

Số CMND : 010753317 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 19/03/2009

Quốc tịch : Việt Nam

Giới tính : Nam

Năm sinh : 11/05/1960

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Tổ 20 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội

Địa chỉ hiện tại : Tổ 20 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Đại học – Chuyên ngành cơ khí

Quá trình công tác  
 Từ 09/2009-09/2017 : Tổ trưởng tổ quản lý vốn, Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh

Từ 10/2017-07/2020 : Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh



Từ 08/2020 - đến nay : Chủ tịch HĐQT CTCP Xích lip Đông Anh

Chức vụ công tác hiện nay : Chủ tịch HĐQT

tại Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại : Không có

tổ chức khác

Số lượng cổ phiếu đang : 178.200 cổ phiếu, chiếm 2,97% vốn điều lệ hiện hành  
nắm giữ

Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu : 178.200 cổ phiếu, chiếm 2,97% vốn điều lệ hiện hành cá nhân sở hữu
- Số lượng cổ phiếu : 0 cổ phiếu đại diện sở hữu

Số lượng cổ phiếu người : Phan Thanh Việt – Mối quan hệ: Con đẻ - SLCP sở  
có liên quan nắm giữ : hữu: 560.000 cổ phiếu , chiếm tỷ lệ 9,33% vốn điều lệ

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi : Không

ích Công ty

Các khoản nợ đối với Công : Không

ty

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

+ Thông tin về hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với TCPH: Khoản cho công ty vay 106.047.840 đồng;

+ Thù lao, tiền lương và lợi ích khác: Thù lao Chủ tịch HĐQT năm 2020, 2021, 2022: 8.000.000 đồng/ tháng;

+ Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là Khách hàng/ nhà cung cấp lớn của TCPH: Không có

### **3.1.2. Ông Phùng Quang Hải – thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc**

Số CMND : 011643970 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 26/09/2005

Quốc tịch : Việt Nam

Giới tính : Nam

Năm sinh : 18/08/1963

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Tổ 49 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội



Địa chỉ hiện tại : Tổ 20 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Đại học – Chuyên ngành: Cơ khí

Quá trình công tác

Từ 2001-07/2009 : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh

Từ 07/2009-2013 : Phó Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT, Thành viên tổ quản lý vốn Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh

Từ 2013-09/2017 : Phó Tổng giám đốc, thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh

10/2017 – 07/2020 : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh

Từ 08/2020 - đến nay : Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không có

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 71.300 cổ phiếu, chiếm 1,19% vốn điều lệ hiện hành

Trong đó :

Số lượng cổ phiếu cá nhân sở hữu : 71.300 cổ phiếu, chiếm 1,19% vốn điều lệ hiện hành

Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu người có liên quan nắm giữ : Đoàn Thị Tâm – Mối quan hệ: Vợ - SLCP sở hữu: 19.200 cổ phiếu , chiếm tỷ lệ 0,32% vốn điều lệ

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

+ Thông tin về hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với TCPH: Khoản cho công ty vay 93.183.905 đồng



+ Thù lao, tiền lương và lợi ích khác: Thù lao Thành viên HĐQT năm 2020, 2021, 2022: 5.000.000 VNĐ/tháng; Lương Tổng Giám đốc: Năm 2020: 463 triệu VNĐ, năm 2021: 545 triệu VNĐ, Năm 2022: 638 triệu VNĐ

+ Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là Khách hàng/ nhà cung cấp lớn của TCPH: Không có

### **3.1.3. Ông Nguyễn Minh Tuấn – thành viên HĐQT**

Số CMND : 001075008986 do Cục Cảnh sát cấp ngày 29/03/2016

Quốc tịch : Việt Nam

Giới tính : Nam

Năm sinh : 21/03/1975

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Tổ 21 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội

Địa chỉ hiện tại : Tổ 21 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ - Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

Từ 07/2005-08/2008 : Phó phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh

Từ 09/2008-07/2013 : Thành viên HĐQT, Phó Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh

Từ 08/2013-01/2014 : Thành viên HĐQT, Quyền Trưởng Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh

Từ 02/2014-07/2020 : Thành viên HĐQT, Trưởng Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh

Từ 08/2020 - đến nay : Thành viên HĐQT, Trưởng Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ : Không có

tại tổ chức khác

Số lượng cổ phiếu : 315.600 cổ phiếu, chiếm 5,26% vốn điều lệ hiện hành đang nắm giữ

Trong đó



Số lượng cổ phiếu cá : 315.600 cổ phiếu, chiếm 5,26% vốn điều lệ hiện hành nhân sở hữu

Số lượng cổ phiếu đại : 0 cổ phiếu  
điện sở hữu

Số lượng cổ phiếu người : 0 cổ phiếu  
có liên quan nắm giữ

Quyền lợi mâu thuẫn : Không  
với lợi ích Công ty

Các khoản nợ đối với : Không  
Công ty

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

+ Thông tin về hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với TCPH: Khoản cho Công ty vay 50.103.538 đồng

+ Thù lao, tiền lương và lợi ích khác: Thù lao Thành viên HĐQT năm 2020, 2021, 2022: 5.000.000 VNĐ/tháng; Lương trưởng phòng kinh doanh: Năm 2020: 249 triệu VNĐ; Năm 2021: 380 triệu VNĐ; Năm 2022: 346 triệu VNĐ

+ Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là Khách hàng/ nhà cung cấp lớn của TCPH: Không có

#### **3.1.4. Ông Nguyễn Hữu Thắng – thành viên HĐQT**

Số CCCD : 011738328 do Công an Hà Nội cấp ngày 10/11/2006

Quốc tịch : Việt Nam

Giới tính : Nam

Năm sinh : 14/01/1976

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Tổ dân phố số 16, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Địa chỉ hiện tại : Tổ dân phố số 16, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư – Chuyên ngành: cơ khí

Quá trình công tác

Từ Tháng 11/ 2021 đến : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần cơ điện Miền Trung

nay Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Xích lip Đông Anh





Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Xích lip Đông Anh tại Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cơ điện Miền Trung tổ chức khác

Số lượng cổ phiếu đang : 290.000 cổ phiếu, chiếm 4,83% vốn điều lệ hiện hành nắm giữ

Trong đó

Số lượng cổ phiếu cá nhân : 290.000 cổ phiếu, chiếm 4,83% vốn điều lệ hiện hành sở hữu

Số lượng cổ phiếu đại diện : 0 cổ phiếu sở hữu

Số lượng cổ phiếu người : Bạch Quốc Trung – Mối quan hệ: Em rể - SLCP sở có liên quan nắm giữ hữ: 572.775 cổ phiếu , chiếm tỷ lệ 9,55% vốn điều lệ

Quyền lợi mâu thuẫn với : Không

lợi ích Công ty

Các khoản nợ đối với Công : Không

ty

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

+ Thông tin về hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với TCPH: Không có

+ Thù lao, tiền lương và lợi ích khác: Thù lao Thành viên HĐQT năm 2020, 2021, 2022: 5.000.000 VNĐ/tháng

+ Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là Khách hàng/ nhà cung cấp lớn của TCPH:

- Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Cơ điện Miền Trung
- Địa điểm Trụ sở chính: KCN Hòa Cẩm, Quận Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và lắp đặt các sản phẩm thiết bị, kết cấu cơ khí
- Địa bàn kinh doanh: Sản phẩm được sản xuất tại địa điểm trụ sở chính của công ty và tại các địa phương lân cận nơi công ty tổ chức thi công công trình. Khách hàng chủ yếu là các đơn vị trực thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam và đơn vị thực hiện đầu tư, xây dựng các dự án thủy điện, nhiệt điện trên cả nước, chủ yếu ở khu vực Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh và khu vực miền Trung Tây Nguyên.



- Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Công ty cổ phần Cơ điện Miền Trung, ông Nguyễn Hữu Thắng và Người đại diện TCPH ký kết hợp đồng cam kết báo cáo đầy đủ với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát khi có phát sinh lợi ích có liên quan với Công ty. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các hợp đồng, giao dịch theo đúng thẩm quyền (nếu cần).

### **3.1.5. Ông Phạm Đức Hiếu – thành viên HĐQT, Kế toán trưởng**

Số CMND : 012060152 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/12/2008

Quốc tịch : Việt Nam

Giới tính : Nam

Năm sinh : 13/12/1973

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Tổ 19 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội

Địa chỉ hiện tại : Tổ 19 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Đại học – Chuyên ngành Kế toán

Quá trình công tác

*Từ 2009-09/2017* : *Thành viên Tổ quản lý vốn, thành viên HĐQT, Trưởng Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh*

*Từ 10/2017-đến nay* : *Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh*

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không có

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 301.900 cổ phiếu, chiếm 5,03% vốn điều lệ hiện hành

*Trong đó* :

*Số lượng cổ phiếu cá nhân sở hữu* : *301.900 cổ phiếu, chiếm 5,03% vốn điều lệ hiện hành*



Số lượng cổ phiếu đại diện : 0 cổ phiếu  
sở hữu

Số lượng cổ phiếu người : 0 cổ phiếu  
có liên quan nắm giữ

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi : Không  
ích Công ty

Các khoản nợ đối với Công : Không  
ty

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

+ Thông tin về hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với TCPH: Khoản cho công ty vay 41.489.793 đồng

+ Thù lao, tiền lương và lợi ích khác: Thù lao Thành viên HĐQT năm 2020, 2021, 2022: 5.000.000 VNĐ/tháng; Lương Kế toán trưởng: Năm 2020: 372 triệu VNĐ, năm 2021: 396 triệu VNĐ, năm 2022: 464 triệu VNĐ

+ Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là Khách hàng/ nhà cung cấp lớn của TCPH: Không có

### **3.2. Ban Kiểm soát**

STT	Họ tên	Chức danh
1	Bà Trần Thị Việt Hằng	Trưởng BKS
2	Ông Đặng Thế Nguyễn	Thành viên BKS
3	Bà Nguyễn Thị Mùi	Thành viên BKS

#### **3.2.1. Bà Trần Thị Việt Hằng – Trưởng BKS**

Số CMND : 001181025933 do Cục Cảnh sát cấp ngày 06/06/2019  
Quốc tịch : Việt Nam  
Giới tính : Nữ  
Năm sinh : 01/11/1981  
Dân tộc : Kinh  
Địa chỉ thường trú : Tổ 21 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội  
Địa chỉ hiện tại : Tổ 21 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội  
Trình độ văn hóa : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân – Chuyên ngành: Kinh tế  
Quá trình công tác



Từ 03/2006-10/2012 : Nhân viên Phòng Kỹ thuật sản xuất Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh

Từ 11/2012-03/2015 : Thành viên BKS, nhân viên Phòng Kỹ thuật Sản xuất Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh

Từ 04/2015-đến nay : Trưởng BKS, nhân viên Phòng Kỹ thuật Sản xuất Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh

Chức vụ công tác hiện nay : Trưởng BKS, nhân viên Phòng Kỹ thuật Sản xuất tại Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại : Không có tổ chức khác

Số lượng cổ phiếu đang : 4.300 cổ phiếu, chiếm 0,07% vốn điều lệ hiện hành nắm giữ

Trong đó :

Số lượng cổ phiếu cá nhân : 4.300 cổ phiếu, chiếm 0,07% vốn điều lệ hiện hành sở hữu

Số lượng cổ phiếu đại diện : 0 cổ phiếu sở hữu

Số lượng cổ phiếu người có : 0 cổ phiếu liên quan nắm giữ

Các khoản nợ đối với Công ty :

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

+ Thông tin về hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với TCPH: Khoản cho công ty vay 5.439.036 đồng

+ Thù lao, tiền lương và lợi ích khác: Thù lao Trưởng BKS năm 2020, 2021, 2022: 3.000.000 VNĐ/ tháng

+ Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là Khách hàng/ nhà cung cấp lớn của TCPH: Không có

### **3.2.2. Ông Đặng Thế Nguyễn – thành viên BKS**

Số CCCD : 001065005101 do Cục Cảnh sát cấp ngày 19/11/2015

Quốc tịch : Việt Nam

Giới tính : Nam

Năm sinh : 03/11/1965



Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Xóm Trong, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, Hà Nội

Địa chỉ hiện tại : Xóm Trong, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, Hà Nội

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Trung cấp kỹ thuật

Quá trình công tác

*Từ 08/2000-09/2009 : Phó Giám đốc Công ty TNHH Lam Sơn*

*Từ 09/2009 - nay : Giám đốc Công ty TNHH Lam Sơn*

*Từ 05/2002 - nay : Giám đốc Công ty Chính Nghĩa*

*Từ 11/2021 - nay : Thành viên BKS CTCP Xích lip Đông Anh*

Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên BKS  
tại Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại : Giám đốc Công ty TNHH Lam Sơn, Giám đốc Công  
tổ chức khác ty Chính Nghĩa

Số lượng cổ phần đang : 1.451.325 cổ phiếu, chiếm 24,19% vốn điều lệ hiện  
nắm giữ hành

*Trong đó :*

*Số lượng cổ phiếu cá nhân : 1.451.325 cổ phiếu, chiếm 24,19% vốn điều lệ hiện*  
*sở hữu hành*

*Số lượng cổ phiếu đại diện : 0 cổ phiếu*  
*sở hữu*

Số lượng cổ phiếu người : 0 cổ phiếu  
có liên quan nắm giữ

Quyền lợi mâu thuẫn với : Không  
lợi ích Công ty

Các khoản nợ đối với : Không  
Công ty

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

+ Thông tin về hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với  
TCPH: Không có

+ Thù lao, tiền lương và lợi ích khác: Thù lao thành viên BKS: 1.500.000 đồng/tháng từ  
khi được bổ nhiệm tháng 11/2021 đến nay



+ Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là Khách hàng/ nhà cung cấp lớn của TCPH: Công ty TNHH Lam Sơn (Thông tin đã được nêu tại mục IV.2. Thông tin về cổ đông lớn.

### 3.2.3. Bà Nguyễn Thị Mùi – thành viên BKS

Số CMND : 001179214077 do Cục Cảnh sát cấp ngày 05/01/2017  
Quốc tịch : Việt Nam  
Giới tính : Nữ  
Năm sinh : 06/08/1979  
Dân tộc : Kinh  
Địa chỉ thường trú : Khu đô thị mới Nguyễn Khê, Nguyễn Khê, huyện Đông Anh, Hà Nội  
Địa chỉ hiện tại : Khu đô thị mới Nguyễn Khê, Nguyễn Khê, huyện Đông Anh, Hà Nội  
Trình độ văn hóa : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh Đại học Quốc gia Hà Nội  
Quá trình công tác  
Từ 02/2015-03/2015 : Phó phòng Tổng hợp Xí nghiệp phụ tùng – Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh  
Từ 04/2015-04/2021 : Thành viên BKS, Trưởng phòng Tổng hợp Xí nghiệp phụ tùng Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh  
Từ 05/2021- nay : Thành viên BKS, Phó quản đốc phân xưởng Cơ khí Mạ - Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh  
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên Ban Kiểm soát, Trưởng phòng Tổng hợp Xí nghiệp phụ tùng  
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không có  
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 2.000 cổ phiếu, chiếm 0,03% vốn điều lệ hiện hành  
Trong đó :  
Số lượng cổ phiếu cá nhân sở hữu : 2.000 cổ phiếu, chiếm 0,03% vốn điều lệ hiện hành  
Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu



Số lượng cổ phiếu người : 0 cổ phiếu

có liên quan nắm giữ

Quyền lợi mâu thuẫn với : Không

lợi ích Công ty

Các khoản nợ đối với : Không

Công ty

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

+ Thông tin về hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với

TCPH: Khoản cho công ty vay 8.403.255 đồng

+ Thù lao, tiền lương và lợi ích khác: Thù lao thành viên BKS năm 2020, 2021, 2022:

1.500.000 đồng/tháng

+ Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc

là Khách hàng/ nhà cung cấp lớn của TCPH: Không có

### 3.3. Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ tên	Chức danh
1	Ông Phùng Quang Hải	Tổng Giám đốc
2	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Ngô Vĩnh Tĩnh	Phó Tổng Giám đốc

#### 3.3.1. Ông Phùng Quang Hải – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Thông tin lý lịch liên quan tương tự trình bày tại Mục 3.1. b

#### 3.3.2. Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Phó Tổng Giám đốc

Số CMND : 011827793 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày  
03/12/2014

Quốc tịch : Việt Nam

Giới tính : Nữ

Năm sinh : 16/06/1976

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Tổ 13 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội

Địa chỉ hiện tại : Tổ 13 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Đại học quản trị kinh doanh, Ngoại ngữ

Quá trình công tác



*Từ 06/2006-09/2014 : Phó phòng Tổ chức hành chính CTCP Xích Líp Đông Anh*

*Từ 10/2014-28/11/2016 : Trưởng phòng Tổ chức hành chính CTCP Xích Líp Đông Anh*

*Từ 29/11/2016-đến nay : Phó Tổng Giám đốc CTCP Xích Líp Đông Anh*

Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng Giám đốc

tại Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại : Không có

tổ chức khác

Số lượng cổ phiếu đang : 7.100 cổ phiếu, chiếm 0,12% vốn điều lệ hiện hành nắm giữ

Trong đó

*Số lượng cổ phiếu cá nhân : 7.100 cổ phiếu, chiếm 0,12% vốn điều lệ hiện hành sở hữu*

*Số lượng cổ phiếu đại diện : 0 cổ phiếu sở hữu*

Số lượng cổ phiếu người : 0 cổ phiếu có liên quan nắm giữ

Quyền lợi mâu thuẫn với : Không lợi ích Công ty

Các khoản nợ đối với : Công ty

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

+ Thông tin về hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với TCPH: Khoản cho công ty vay 8.611.219 đồng

+ Thù lao, tiền lương và lợi ích khác: Lương Phó Tổng Giám đốc: Năm 2020: 432 triệu VNĐ, Năm 2021: 442 triệu VNĐ, năm 2022: 543 triệu VNĐ

+ Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là Khách hàng/ nhà cung cấp lớn của TCPH: Không có

### **3.3.3. Ông Ngô Vĩnh Tinh – Phó Tổng Giám đốc**

Số CCCD : 001078003401 do Cục cảnh sát cấp ngày 03/12/2014

Quốc tịch : Việt Nam

Giới tính : Nam





Năm sinh : 25/12/1978  
Dân tộc : Kinh  
Địa chỉ thường trú : Thụy Lôi, Thụy Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội  
Địa chỉ hiện tại : Thụy Lôi, Thụy Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội  
Trình độ văn hóa : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Đại học - Cơ khí, Thạc sỹ - Quản trị kinh doanh quốc tế  
Quá trình công tác  
Từ 2007-2009 : Phó phòng Thiết bị đầu tư CTCP Xích Lip Đông Anh  
Từ 2009-05/2010 : Phụ trách chung phòng Thiết bị đầu tư CTCP Xích Lip Đông Anh  
Từ 05/2020-03/2015 : Trưởng phòng Thiết bị đầu tư CTCP Xích Lip Đông Anh  
Từ 04/2015-09/2015 : Trưởng phòng Thiết bị đầu tư CTCP Xích Lip Đông Anh  
Từ 10/2015-đến nay : Phó Tổng giám đốc CTCP Xích Lip Đông Anh  
Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng Giám đốc  
tại Công ty  
Chức vụ đang nắm giữ tại : Không có  
tổ chức khác  
Số lượng cổ phiếu đang : 5.900 cổ phiếu, chiếm 0,10% vốn điều lệ hiện hành  
nắm giữ  
Trong đó :  
Số lượng cổ phiếu cá nhân : 5.900 cổ phiếu, chiếm 0,10% vốn điều lệ hiện hành  
sở hữu  
Số lượng cổ phiếu đại diện : 0 cổ phiếu  
sở hữu  
Số lượng cổ phiếu người : 0 cổ phiếu  
có liên quan nắm giữ  
Quyền lợi mâu thuẫn với : Không  
lợi ích Công ty  
Các khoản nợ đối với : Không  
Công ty  
Lợi ích liên quan đối với Công ty:  
+ Thông tin về hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với  
TCPH: Khoản cho công ty vay: 34.658.188 đồng



+ Thù lao, tiền lương và lợi ích khác: Lương Phó Tổng Giám đốc: Năm 2020: 394 triệu VNĐ, Năm 2021: 490 triệu VNĐ, năm 2022: 550 triệu VNĐ

+ Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là Khách hàng/ nhà cung cấp lớn của TCPH: Không có

### 3.4. Kế toán trưởng

STT	Họ tên	Chức danh
1	Ông Phạm Đức Hiếu	Kế toán trưởng

Thông tin lý lịch liên quan tương tự trình bày tại Mục 3.1. e

## VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

### 1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

### 2. Mệnh giá cổ phiếu

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu

### 3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành

Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành: 5.400.000 cổ phiếu

### 4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 54.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tư tỷ đồng)

### 5. Giá chào bán dự kiến

Giá chào bán cổ phiếu: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu

### 6. Phương pháp tính giá

Nguyên tắc xác định giá căn cứ theo Giá trị sổ sách và giá trị trường của cổ phiếu DFC tại thời điểm trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 phương án chào bán, cụ thể:

- Giá trị sổ sách cổ phiếu DFC tại thời điểm 31/12/2020 trên BCTC năm 2020 đã được kiểm toán là:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}} \\ &= \frac{155.614.078.144}{6.000.000} \\ &= 25.936 \text{ đồng/cổ phiếu} \end{aligned}$$



- Giá trị thị trường của cổ phiếu DFC là giá đóng của bình quân tối thiểu 20 phiên gần nhất trên sàn UPCoM tại thời điểm HĐQT xây dựng tờ trình ĐHĐCĐ (từ ngày 28/09/2021 đến ngày 25/10/2021) là 26.360 đồng/cổ phiếu.

Tuy nhiên, đây là đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, để bảo vệ lợi ích của cổ đông và nâng cao tỷ lệ chào bán thành công của đợt chào bán, đảm bảo nguồn vốn và kế hoạch sử dụng vốn, HĐQT Công ty đã trình ĐHĐCĐ thông qua mức giá chào bán là 10.000 đồng/ cổ phiếu.

### 7. Phương thức phân phối

Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua

Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:9 (01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua, 10 quyền mua được mua 09 cổ phiếu mới). Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu, cổ đông A sở hữu 125 cổ phần, tương ứng với 125 quyền mua. Số lượng cổ phiếu cổ đông A được mua thêm trong đợt chào bán là:  $125 \times 9/10 = 112,5$  cổ phiếu, làm tròn xuống hàng đơn vị là 112 cổ phiếu. Như vậy cổ đông A được mua 112 cổ phiếu chào bán thêm

### 8. Đăng ký mua cổ phiếu

**Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu:** thời gian cụ thể sẽ được thông báo sau khi có chấp thuận của UBCKNN và đảm bảo tối thiểu là 20 ngày.

**Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu:** Không giới hạn số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu

**Phương thức xử lý cổ phần còn lại chưa phân phối hết:** Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu do các cổ đông hiện hữu từ chối thực hiện quyền mua hoặc chỉ mua một phần, cổ phiếu không chào bán hết sẽ được ủy quyền cho HĐQT thực hiện phân phối cho các đối tượng khác với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu, trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết nêu trên khi chào bán cho đối tượng khác theo quyết định của HĐQT sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

**Phương thức thanh toán:** Trong thời hạn tối thiểu 20 ngày kể từ ngày quyền mua có hiệu lực, cổ đông thuộc danh sách người sở hữu quyền mua sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần và nộp tiền theo tỷ lệ được mua đã quy định. Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký



cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần tại thành viên lưu ký đó. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán sẽ đăng ký thực hiện quyền mua tại trụ sở Công ty và nộp tiền mua cổ phần vào tài khoản phong tỏa.

**Chuyển giao cổ phiếu:** Sau khi Công ty hoàn thành đợt chào bán và hoàn thành thay đổi lưu ký chứng khoán; toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thêm sẽ được Trung tâm Lưu ký chứng khoán phân bổ vào tài khoản chứng khoán của các cổ đông đã lưu ký chứng khoán; các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán sẽ nhận được giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu phát hành thêm tại trụ sở của Công ty, hoặc bổ sung thông tin về số cổ phiếu mới vào Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần đã cấp

**Phương thức xử lý trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu:** Đợt chào bán không quy định tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu.

### 9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối trong năm 2022 và sau khi được UBCKNN cấp giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định, Thời gian phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán do UBCKNN cấp có hiệu lực. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán trong thời hạn này, Công ty sẽ xin phép UBCKNN gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán của UBCKNN có hiệu lực

Dự kiến thời gian phân phối cổ phiếu như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
1	Nhận giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN	D
2	Gửi hồ sơ đến VSD, HNX, thông báo về việc thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông gồm thông tin các ngày cụ thể như: ngày đăng ký cuối cùng, thời gian chuyển nhượng quyền, thời gian đăng ký mua	D+1 đến D+3
3	Công bố thông tin theo quy định	D đến D+7
4	Công ty nhận danh sách tổng hợp người sở hữu được phân bổ quyền	D+13



5	Các cổ đông tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phần	D+15 đến D+40
6	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu. Lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT quyết định phương thức xử lý đối với số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không mua hết và thực hiện xử lý cổ phần lẻ và số cổ phần không chào bán hết (nếu cần thiết)	D+41 đến D+50
7	Báo cáo kết quả phát hành; chuyển giao cổ phiếu và hoàn tất thủ tục lưu ký và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu	D+51 đến D+70

(Trong đó D là ngày làm việc)

#### 10. Phương thức thực hiện quyền

**Điều kiện thực hiện quyền:** Các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách người sở hữu cuối cùng tại ngày chốt danh sách phân bổ quyền mua.

**Thời gian thực hiện quyền:** Theo thời gian nêu trong lịch trình dự kiến ở trên

**Phương thức thực hiện quyền:** Cổ đông đã lưu ký chứng khoán đăng ký mua cổ phần, chuyển nhượng quyền mua cổ phần tại thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản chứng khoán. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán sẽ thực hiện các quyền tương tự trên tại Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh.

**Quyền lợi của người mua cổ phiếu:** Cổ đông hiện hữu có quyền mua hoặc từ chối quyền mua hoặc chuyển nhượng quyền mua của mình trong thời gian quy định. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình (nhưng chỉ được chuyển nhượng một lần – người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho người thứ ba) cho người khác theo giá thỏa thuận giữa Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng. Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng quyền.

#### 11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

Các cổ đông có quyền mua hoặc từ chối quyền mua hoặc chuyển nhượng quyền mua của mình trong thời gian quy định. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình nhưng chỉ được chuyển nhượng một lần và người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho bên thứ ba.

Cổ đông không được chuyển nhượng quyền mua cho cổ đông nước ngoài.



Số lượng cổ phiếu phát hành là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phân phối.

Số cổ phần còn lại chưa phân phối sau khi chào bán cho cổ đông hiện hữu bao gồm:

- Số cổ phần còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua
  - Số cổ phần phát sinh do làm tròn khi tính toán cổ phần được mua của cổ đông hiện hữu
- Số cổ phần còn lại này sẽ được HĐQT chào bán cho các nhà đầu tư khác với giá không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu hoặc được hủy và kết thúc đợt chào bán.

## **12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu**

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu, chi tiết như sau:

Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh

Số tài khoản: 110602050368

Ngân hàng mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh

## **13. Biện pháp bảo đảm tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài**

Tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty được xác định là 0%

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 24/03/200, Công ty không có cổ đông nước ngoài, chiếm 0% vốn điều lệ. Đối tượng chào bán của đợt chào bán là cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua nên 100% là cổ đông trong nước. Đồng thời, theo phương án triển khai chi tiết của HĐQT ban hành theo Nghị quyết Số: 05/2022/NQ-HĐQT, cổ đông nước ngoài không được nhận chuyển nhượng quyền mua từ cổ đông hiện hữu của Công ty. Do đó, đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty.

Trường hợp phát sinh cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết, HĐQT không phân phối cho cổ đông nước ngoài để đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 0% theo đúng quy định.

## **14. Các loại thuế có liên quan**

### **14.1. Đối với Công ty**

#### **14.1.1 Thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế



#### **14.1.2. Thuế Giá trị gia tăng (VAT)**

Thuế suất thuế VAT áp dụng cho hoạt động kinh doanh của Công ty theo quy định hiện hành của pháp luật.

#### **14.1.3. Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định của Pháp luật hiện hành

### **14.2. Đối với nhà đầu tư**

#### **14.2.1. Đối với nhà đầu tư cá nhân**

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

**Đối với nhà đầu tư trong nước:** Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần được quy định tại Điểm 2 Điều 16 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Thuế.

#### **14.2.2. Đối với Nhà đầu tư tổ chức**

**Đối với tổ chức trong nước:** Theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%

### **15. Thông tin về các cam kết**

Công ty cam kết thực hiện đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu chào bán thêm trên hệ thống giao dịch chứng khoán, đảm bảo tuân thủ quy định, đồng thời Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

**16. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt**  
Không có.

## **VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN**

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng vào các mục đích sau:

- Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
- Tái cơ cấu lại các khoản nợ vay nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho Công ty.

## **IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN**

Theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Xích lip Đông Anh thông qua điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu

1/2022/1/31



thêm ra công chúng để tăng vốn điều lệ, toàn bộ số vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tối đa là 54.000.000.000 đồng (Năm mươi tư tỷ đồng) được sử dụng vào các mục đích sau:

**Bảng 26. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán**

Đơn vị: VNĐ

STT	Mục đích sử dụng vốn	Thời gian dự kiến sử dụng	Số tiền sử dụng từ vốn thu được từ đợt chào bán
<b>1</b>	<b>Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty</b>		<b>30.000.000.000</b>
	<i>Chi tiền lương cho cán bộ nhân viên của Công ty</i>	<i>Trong Quý IV/2022 và Quý I/2023</i>	30.000.000.000
<b>2</b>	<b>Tái cơ cấu lại các khoản nợ vay nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho công ty</b>		<b>24.000.000.000</b>
	<i>Trả nợ vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Đông Anh</i>	<i>Trong Quý IV/2022 và Quý I/2023</i>	24.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>54.000.000.000</b>

Nguồn: CTCP Xích líp Đông Anh

- ❖ Mục đích chi trả tiền lương cho cán bộ nhân viên của Công ty trong Quý I năm 2023:

**Bảng 27. Kế hoạch chi trả lương cho cán bộ nhân viên Công ty trong Quý I/2023**

STT	ĐƠN VỊ	SỐ LAO ĐỘNG BÌNH QUÂN (Người)	TỔNG LƯƠNG DỰ KIẾN CHI TRẢ 01 THÁNG (Triệu đồng)	TỔNG LƯƠNG DỰ KIẾN CHI TRẢ 03 THÁNG (Triệu đồng)
1	P. Tổ chức hành chính	31	397	1.191
2	P. Kỹ thuật sản xuất	54	892	2.676
3	P. Kinh doanh	75	703	2.109
4	P. Thiết bị đầu tư	56	829	2.487
5	P. Kế toán	6	108	324
6	P. QC	100	1.186	3.558
7	P. Bảo vệ	32	335	1.005





8	PX. Lắp ráp	96	858	2.574
9	PX. Phụ tùng 1	93	879	2.637
10	PX. Phụ tùng 2	81	752	2.256
11	PX. Phụ tùng 3	116	1.199	3.597
12	PX. Phụ tùng 5	110	1.040	3.120
13	PX. Phụ tùng 6	128	1.217	3.651
14	PX. Cơ nhiệt	102	1.325	3.975
15	PX Rèn dập	107	994	2.982
16	PX. Cơ khí - Mạ	146	1.320	3.960
17	Vệ sinh công nghiệp	7	25	75
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.340</b>	<b>14.059</b>	<b>42.177</b>

Nguồn: CTCP Xích lip Đông Anh

❖ **Mục đích trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank)  
– Chi nhánh Đông Anh trong Quý I/2023**

Thông tin hợp đồng cho vay hạn mức của Công ty với Ngân hàng Vietinbank – CN Đông Anh như sau:

**(\*) Hợp đồng cho vay hạn mức số 09/2022-HĐCVHM/NHCT144-XLĐA với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Đông Anh:**

- Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 đồng
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh
- Lãi suất: Được xác định và điều chỉnh theo từng Giấy nhận nợ
- Thời hạn vay: Theo Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng
- Ngày trả lãi: Ngày 25 hàng tháng
- Biện pháp đảm bảo: Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 43/2013/HĐTCQĐN/NHCT144-XICHLIP ngày 28/11/2013; Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 56/2019/HĐBĐ/NHCT144-XLĐA ngày 12/11/2019; Hợp đồng thế chấp Hàng tồn kho số 57/2019/HĐBĐ/NHCT144-XLĐA ngày 12/11/2019.

❖ **Phương án xử lý trong trường hợp số tiền thu được không đủ sử dụng cho mục đích dự kiến**

Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ theo dự kiến, do khi hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định nhưng Công ty vẫn còn cổ phiếu chưa chào bán hết và HĐQT quyết định hủy và kết thúc đợt chào bán, HĐQT theo ủy quyền của ĐHĐCĐ sẽ điều chỉnh lại phương án sử dụng vốn, Công ty sẽ ưu tiên sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán theo



thứ tự như sau: (1) Bổ sung vốn lưu động chi trả lương cho người lao động và (2) Trả nợ vốn vay ngân hàng, đồng thời cân đối với các nguồn khác như vay cá nhân, vay tổ chức tài chính, tài trợ,... để không ảnh hưởng đến mục đích sử dụng vốn đã được thông qua.



## X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

### 1. Tổ chức tư vấn

#### Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Địa chỉ trụ sở chính: 52 Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại: 1900 6446

Fax: 024 3773 9058

Website: [www.fpts.com.vn](http://www.fpts.com.vn)

### 2. Tổ chức kiểm toán

#### Công ty TNHH Kiểm toán TTP – Chi nhánh Miền Bắc

Địa chỉ trụ sở chính: số 560A Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, Hà Nội

Điện thoại: 0913 030 199

Website: [www.kiemtoanitp.com](http://www.kiemtoanitp.com)

## XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.



XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG)

Hà Nội, ngày 10 tháng 2 năm 2023

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LIP ĐÔNG ANH  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHAN TẤN BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHÙNG QUANG HẢI

PHẠM ĐỨC HIẾU

TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT  
GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP



NGUYỄN THỊ HẠNH



### XIII. PHỤ LỤC

**1. Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

**2. Phụ lục II:**

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 23/11/2021 thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, kèm biên bản họp và Tờ trình phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu số 02/TTr/ĐHĐCĐBT;

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2022, kèm Biên bản họp và Báo cáo của HĐQT, Báo cáo của Ban Điều hành tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;

**3. Phụ lục III:**

- Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 05/2022/NQ-HĐQT ngày 30/06/2022 thông qua triển khai chi tiết phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng; Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/2022/NQ-HĐQT ngày 30/06/2022 thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng; Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/2022/NQ-HĐQT ngày 21/11/2022 thông qua điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu thêm ra công chúng để tăng vốn điều lệ;

**4. Phụ lục IV:** Điều lệ Công ty

**5. Phụ lục V:** Báo cáo tài chính năm 2020, 2021 được kiểm toán, Báo cáo tài chính năm 2022;

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0100100696

Đăng ký lần đầu: ngày 27 tháng 08 năm 2009

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 24 tháng 06 năm 2019

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP ĐÔNG ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DONG ANH C&F JOINT STOCK  
COMPANY

Tên công ty viết tắt: DFC

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

Số 11, tổ 47, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.38832369/ 024.38832200/ Fax:  
024.38822648

Email: xichlipda@xichlip.vn

Website: xichlipda.vn

**3. Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 6.000.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: PHAN TẤN BÌNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 11/05/1960 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001060003291

Ngày cấp: 12/03/2015 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về  
dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 20, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông  
Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ dân phố 20, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà  
Nội, Việt Nam

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày: 01-07-2022

Số chứng thực: 3686 Quyển số: 01-SCT/BA

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



PHÓ CHỦ TỊCH  
Ngô Văn Hạnh



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
Nguyễn Xuân Thịnh

**NGHỊ QUYẾT  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2021  
CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LIP ĐÔNG ANH**

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày 22 tháng 4 năm 2021;
- Căn cứ kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội cổ đông bất thường ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1:** Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 thông qua các nội dung sau:

**1.1 Thông qua bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:**

**DANH MỤC NGÀNH NGHỀ BỔ SUNG:**

STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành, nghề
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
2	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc chỉ đạo hoàn thiện, thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty và sửa đổi bổ sung nội dung liên quan đến ngành nghề kinh doanh và phạm vi hoạt động tại Điều 3 Điều lệ Công ty.

**1.2. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Bạch Quốc Trung, miễn nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát đối với ông Phạm Hồng Trung; bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị và 01 thành viên Ban kiểm soát của Công ty cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2019-2024.**

Danh sách trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2019-2024 như sau:

- Hội đồng quản trị: **Nguyễn Hữu Thắng**
- Ban Kiểm soát: **Đặng Thế Nguyễn**

**1.3. Thông qua phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ, cụ thể:**

<b>Tên cổ phiếu:</b>	<b>Cổ phiếu Công ty cổ phần Xích Líp Đông Anh</b>
<b>Mã chứng khoán:</b>	DFC
<b>Loại cổ phiếu chào bán:</b>	Cổ phiếu phổ thông
<b>Mệnh giá cổ phiếu:</b>	10.000 đồng/cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành:</b>	6.000.000 cổ phiếu (Sáu triệu cổ phiếu)
<b>Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán:</b>	5.400.000 cổ phiếu (Năm triệu bốn trăm nghìn cổ phiếu)
<b>Tổng giá trị chào bán dự kiến (tính theo mệnh giá)</b>	54.000.000.000 đồng (Năm mươi tư tỷ đồng)
<b>Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký chào bán thêm trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành:</b>	90% (Chín mươi phần trăm)
<b>Phương thức chào bán:</b>	Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua
<b>Đối tượng chào bán:</b>	Cổ đông hiện hữu của Công ty có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm
<b>Tỷ lệ thực hiện quyền:</b>	10:9 (01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua, 10 quyền mua được mua 09 cổ phiếu mới) Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
<b>Giá chào bán:</b>	10.000 đồng/cổ phiếu

Phương án chi tiết theo Tờ trình số 02/TTtr/ĐHĐCĐBT ngày 23/11/2021 đính kèm Nghị quyết này.

**Điều 2:** Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua toàn văn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 công ty cổ phần Xích Líp Đông Anh ngày 23/11/2021. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và các phòng, ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký/.

**T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA CHỦ TỊCH HĐQT**

**CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
XÍCH LÍP  
ĐÔNG ANH**

**Phan Tấn Bình**



**BIÊN BẢN**  
**HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP ĐÔNG ANH**

Hôm nay, ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại Hội trường tầng 3 - Nhà văn phòng - Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh.

Số điện thoại: 024 3883 2369

Mã số doanh nghiệp: 0100100696

Địa chỉ: Số 11, Tổ 47, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội

Đã diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 theo sự triệu tập của Chủ tịch Hội đồng quản trị là ông Phan Tân Bình, thời gian tiến hành cuộc họp bắt đầu từ 8h00' đến 10h20'.

**I - PHẦN NGHI THỨC VÀ THỦ TỤC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI**

**1. Thành phần tham dự Đại hội gồm:**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành, cổ đông của công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh và đại diện ủy quyền tham dự Đại hội theo danh sách đăng ký chi tiết đính kèm.

**2. Kiểm tra tư cách cổ đông và điều kiện tiến hành Đại hội.**

\* Ông Đào Mạnh Tùng thay mặt Ban tổ chức đọc Quyết định triệu tập Đại hội, Quyết định thành lập Ban thẩm tra tư cách cổ đông gồm:

1. Bà Trần Thị Việt Hằng	Trưởng ban Kiểm soát	Trưởng ban
2. Bà Đặng Thúy Luyến	Trưởng Phòng KTSX	Ủy viên
3. Bà Nguyễn Thị Mùi	Thành viên BKS	Ủy viên

Bà Trần Thị Việt Hằng - Trưởng ban thẩm tra tư cách cổ đông trình bày biên bản kiểm tra tư cách cổ đông. Cụ thể như sau:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 6.000.000 cổ phần

- Tổng số cổ đông và đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội: 24 người, đại diện cho 4.999.100 cổ phần, tương đương 4.999.100 phiếu biểu quyết, chiếm 83,32% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông công ty.

Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông được biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng hình thức giơ phiếu với tỷ lệ biểu quyết như sau:

- + Tán thành: 4.999.100 phiếu biểu quyết, chiếm 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
- + Không Tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

- + Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ công ty, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 của công ty cổ phần Xích Líp Đông Anh là hợp pháp và đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

\* Ông Đào Mạnh Tùng giới thiệu danh sách Chủ tọa Đại hội gồm:

1. Ông Phan Tân Bình                      Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Ông Phùng Quang Hải                  Thành viên Hội đồng quản trị
3. Ông Nguyễn Minh Tuấn                Thành viên Hội đồng quản trị

Danh sách Chủ tọa Đại hội được biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng hình thức giơ phiếu với tỷ lệ biểu quyết như sau:

- + Tán thành: 4.999.100 phiếu biểu quyết, chiếm 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
- + Không Tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
- + Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

Ban thư ký được Chủ tọa Đại hội cử gồm:

1. Ông Nguyễn Bình An                    Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính
2. Bà Vũ Thị Hiền                          Nhân viên Phòng Tổ chức Hành chính

Danh sách Thư ký được biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng hình thức giơ phiếu với tỷ lệ biểu quyết như sau:

- + Tán thành: 4.999.100 phiếu biểu quyết, chiếm 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
- + Không Tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
- + Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

Ban kiểm Thẻ biểu quyết được Chủ tọa Đại hội cử gồm:

1. Bà Nguyễn Thu Hà                      Nhân viên Phòng TCHC - Trưởng ban
2. Bà Hồ Minh Yến                        Nhân viên Phòng TCHC - Ủy viên

Danh sách Ban kiểm Thẻ biểu quyết được biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng hình thức giơ phiếu với tỷ lệ biểu quyết như sau:

- + Tán thành: 4.999.100 phiếu biểu quyết, chiếm 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
- + Không Tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

- + Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

## II- NỘI DUNG ĐẠI HỘI

1. Ông Nguyễn Minh Tuấn - Thay mặt Chủ tọa thông qua chương trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 gồm:

- Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
- Đọc Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 của công ty.
- Đọc tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh;
- Đọc tờ trình về việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ;
- Đọc Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019 - 2024;
- Đọc quy chế ứng cử, bầu cử thành viên HĐQT, BKS;
- Công bố danh sách ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS;
- Bầu Ban bầu cử;
- Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2019 - 2024.
- Thảo luận;
- Biểu quyết các nội dung Đại hội.

Nội dung chương trình được biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng hình thức giơ phiếu với tỷ lệ biểu quyết như sau:

- + Tán thành: 4.999.100 phiếu biểu quyết, chiếm 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
- + Không Tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
- + Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

2. Ông Nguyễn Minh Tuấn - thay mặt Chủ tọa trình bày Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 của công ty.

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường được biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng hình thức giơ phiếu với tỷ lệ biểu quyết như sau:

- + Tán thành: 4.999.100 phiếu biểu quyết, chiếm 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
- + Không Tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
- + Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

3. Ông Phạm Đức Hiếu - Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng công ty trình bày Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và Tờ trình về việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ công ty.

4. Ông Phùng Quang Hải - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc công ty, thay mặt Chủ tọa đọc tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2019 - 2024 và được biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng hình thức giơ phiếu với tỷ lệ biểu quyết như sau:

4.1- Miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với ông Bạch Quốc Trung và bầu bổ sung 1 thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2019 - 2024.

- + Tán thành: **4.999.100** phiếu biểu quyết, chiếm 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
- + Không Tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
- + Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

4.2- Miễn nhiệm chức danh thành viên BKS đối với ông Phạm Hồng Trung và bầu bổ sung 1 thành viên BKS cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2019 - 2024.

- + Tán thành: **4.999.100** phiếu biểu quyết, chiếm 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
- + Không Tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
- + Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

5. Ông Phùng Quang Hải - thay mặt Chủ tọa đọc Quy chế ứng cử, đề cử, bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2019-2024 và được biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng hình thức giơ phiếu với tỷ lệ biểu quyết như sau:

- + Tán thành: **4.999.100** phiếu biểu quyết, chiếm 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
- + Không Tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
- + Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

6. Ông Phùng Quang Hải công bố danh sách ứng viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024 như sau:

\* **Danh sách được đề cử làm thành viên Hội đồng quản trị: 1 ứng viên**

1. Ông Nguyễn Hữu Thắng

\* **Danh sách ứng cử làm thành viên Hội đồng quản trị: 0 ứng viên**

\* **Danh sách được đề cử làm thành viên Ban kiểm soát: 1 ứng viên**

1. Ông Đặng Thế Nguyễn

\* **Danh sách ứng cử làm thành viên Ban kiểm soát: 0 ứng viên**

7. Đại hội đã bầu Ban bầu cử gồm:

- |                             |            |
|-----------------------------|------------|
| 1. Bà Nguyễn Thị Thu Hà     | Trưởng Ban |
| 2. Bà Nguyễn Thị Diệu Hương | Ủy viên    |

- |                      |         |
|----------------------|---------|
| 3. Bà Lê Chinh Anh   | Ủy viên |
| 4. Bà Lê Thị Vân Anh | Ủy viên |
| 5. Bà Phùng Thị Loan | Ủy viên |

Kết quả biểu quyết thông qua Ban bầu cử như sau:

- + Tán thành: 4.999.100 phiếu biểu quyết, chiếm 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
- + Không Tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
- + Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Trưởng Ban bầu cử hướng dẫn cụ thể cách thức bầu cử cho toàn thể đại biểu có mặt tại Đại hội.

8. Đại hội tiến hành bỏ phiếu bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024.

9. Đại hội thảo luận và nghỉ giải lao.

10. Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Trưởng ban bầu cử đọc biên bản kiểm phiếu bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024. Cụ thể như sau:

**1. Kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:**

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu (phiếu)
1	Ông Nguyễn Hữu Thắng	4.996.300

**2. Kết quả bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát:**

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu (phiếu)
1	Ông Đặng Thế Nguyễn	4.996.300

Ông Phùng Quang Hải lấy ý kiến Đại hội về kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT và BKS: Không đại biểu nào có ý kiến thắc mắc.

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát mới ra mắt Đại hội.

11. Ông Phùng Quang Hải, thay mặt Chủ tọa biểu quyết các vấn đề của Đại hội.

Các vấn đề của Đại hội được biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng hình thức giơ phiếu với tỷ lệ biểu quyết từng nội dung cụ thể như sau:

**Nội dung 1: Thông qua tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty:**

- + Tán thành: 4.999.100 phiếu biểu quyết, chiếm 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
- + Không Tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
- + Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

Như vậy, Nội dung 1 được thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

**Nội dung 2: Thông qua tờ trình về việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ công ty**

- + Tán thành: 4.999.100 phiếu biểu quyết, chiếm 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
- + Không Tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
- + Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

Như vậy, Nội dung 2 được thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

### **III. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT, BIÊN BẢN CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2021 VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI.**

Ông Nguyễn Bình An thay mặt Ban Thư ký đọc Nghị quyết và Biên bản cuộc họp.

Đại hội biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 với tỷ lệ tán thành là 100 % tổng phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp tại Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản Đại hội đồng cổ bất thường năm 2021 với tỷ lệ tán thành là 100% tổng phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp tại Đại hội.

Ông Đào Mạnh Tùng bế mạc Đại hội.

Đại hội kết thúc vào hồi 10 giờ 20 phút cùng ngày.

**THƯ KÝ ĐẠI HỘI**



**Nguyễn Bình An**

**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



**Phan Tấn Bình**

## TỜ TRÌNH

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2021

V/v Chào bán cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ

#### Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được Chính phủ thông qua ngày 31 tháng 12 năm 2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xích Líp Đông Anh;

Hội đồng Quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét và thông qua phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Xích Líp Đông Anh như sau:

#### I. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU

##### 1. Thông tin cổ phiếu chào bán

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty cổ phần Xích Líp Đông Anh
Mã chứng khoán:	DPC
Loại cổ phiếu chào bán:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phiếu:	10.000 đồng/cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành:	6.000.000 cổ phiếu (Sáu triệu cổ phiếu)

##### Trong đó:

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	6.000.000 cổ phiếu (Sáu triệu cổ phiếu)
Cổ phiếu quỹ:	0 cổ phiếu (Không)

##### 2. Phương án chào bán

Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán:	5.400.000 cổ phiếu (Năm triệu bốn trăm nghìn cổ phiếu)
Tổng giá trị chào bán dự kiến (tính theo mệnh giá)	54.000.000.000 đồng (Năm mươi tư tỷ đồng)
Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký chào bán thêm trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành:	90% (Chín mươi phần trăm)
Phương thức chào bán:	Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu



AUDITING COMPANY  
NORTHERN BRANCH

CHI NHÁNH MIỀN BẮC - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TẬP THỂ  
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH

**BẢN SAO**

**BẢN SAO**

CHI NHÁNH MIỀN BẮC - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TẬP THỂ  
**BẢN GỐC**  
Số: 04/10.....  
Ngày phát hành 24/05/2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LIP ĐÔNG ANH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

kèm theo

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**CHI NHÁNH MIỀN BẮC - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TẬP THỂ**

HÀ NỘI - NĂM 2021



**NỘI DUNG**

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2-4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5-6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7-10
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	11
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	12-13
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14-45



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xích lip Đông Anh trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xích lip Đông Anh (gọi tắt là: Công ty) chuyển đổi mô hình từ Xí nghiệp Xích lip xe đạp Hà Nội sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối từ năm 2009.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc thoái vốn Nhà nước giai đoạn 2017-2020, trong năm 2017, Công ty đã hoàn thành việc thoái 3.600.000 cổ phần Nhà nước, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, tương ứng 36.000.000.000 đồng, chiếm 60% vốn điều lệ tại Công ty.

Việc thoái vốn được thực hiện trên cơ sở được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội bằng văn bản số 1569/UBND-KT ngày 05/4/2017. Theo đó, Nhà nước đã hoàn thành việc thoái toàn bộ phần vốn Nhà nước tại Công ty vào tháng 9/2017.

Địa chỉ của Công ty tại: Số 11, tổ 47, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng).

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp, tương đương 6.000.000 cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh chính: Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và Tên	Chức danh
Ông Phan Tấn Bình	Chủ tịch HĐQT
Ông Phùng Quang Hải	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Bạch Quốc Trung	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Đức Hiếu	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và Tên	Chức danh
Ông Phan Tấn Bình	Chủ tịch HĐQT; Tổng Giám đốc - miễn nhiệm ngày 01/08/2020).
Ông Phùng Quang Hải	Thành viên HĐQT; Tổng Giám đốc - bổ nhiệm từ ngày 01/08/2020 theo QĐ 71/2020/QĐNS-XL ngày 31/07/2020.
Ông Ngô Vĩnh Tinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Họ và Tên	Chức danh
Bà Trần Thị Việt Hằng	Trưởng BKS
Ông Phạm Hồng Trung	Thành viên BKS
Bà Nguyễn Thị Mùi	Thành viên BKS

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020 của Công ty Cổ phần Xích lip Đông Anh đã được kiểm toán bởi Chi nhánh miền Bắc - Công ty TNHH Kiểm toán TTP, đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020. Trong quá trình lập báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính năm tài chính 2020 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LIP ĐÔNG ANH**

Địa chỉ: Số 11, tổ 47, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP Hà Nội

**Cam kết khác**

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 thay thế cho Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán và Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021, thay thế Thông tư 96/2016/TT-BTC.

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Thay mặt và đại diện  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LIP ĐÔNG ANH**  
Chủ tịch HĐQT



**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày: 01-07-2022

Số chứng thực: 3683 Quyển số: 07-SCT/BS

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



**PHÓ CHỦ TỊCH**  
*Ngô Văn Khanh*

Số: 05/2021/TTPMB/BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020  
của Công ty Cổ phần Xích lập Đông Anh

**Kính gửi:** Quý cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xích lập Đông Anh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xích lập Đông Anh, được lập ngày 24 tháng 03 năm 2021, từ trang 07 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc*

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xích lập Đông Anh tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Thay mặt và đại diện

CHÍNH SỞ KIỂM TOÁN MIỀN BẮC  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP



*Trần Thu Hà*

**BÙI THANH TRANG**

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1790-2018-133-1

**TRẦN THU HÀ**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1989-2018-133-1

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày: 01-07-2022

Số chứng thực: 3684 Quyển số: 07-SCT/BS

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



**PHÓ CHỦ TỊCH**  
*Ngô Văn Thanh*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢN SAO**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>299.855.547.652</b>	<b>334.028.849.702</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>50.523.565.038</b>	<b>48.971.534.353</b>
1. Tiền	111		50.523.565.038	48.971.534.353
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>125.363.517.566</b>	<b>144.019.538.928</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02a	123.203.140.356	141.453.929.109
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.874.377.105	1.905.579.663
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03a	286.000.105	660.030.156
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>123.621.908.233</b>	<b>140.081.731.105</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	123.621.908.233	140.081.731.105
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>346.556.815</b>	<b>956.045.316</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08a	346.556.815	956.045.316
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.09a	-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>155.488.227.157</b>	<b>198.892.110.902</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02b	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.03b	-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

Báo cáo tài chính này cần được đọc cùng với các thuyết minh kèm theo

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020  
(liếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>133.965.975.393</b>	<b>151.852.742.688</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	103.235.778.907	120.403.765.234
- Nguyên giá	222		483.849.609.474	476.892.259.558
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(380.613.830.567)	(356.488.494.324)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	30.730.196.486	31.448.977.454
- Nguyên giá	228		34.597.224.446	34.597.224.446
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3.867.027.960)	(3.148.246.992)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>190.775.000</b>	<b>552.736.000</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.07	190.775.000	552.736.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>21.331.476.764</b>	<b>46.486.632.214</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08b	5.173.496.764	6.269.108.214
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.09b	16.157.980.000	40.217.524.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>455.343.774.809</b>	<b>532.920.960.684</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>299.729.696.665</b>	<b>384.444.150.032</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>232.801.188.336</b>	<b>294.868.373.404</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10a	85.250.168.049	106.975.775.516
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.758.771.194	87.689.263
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	3.507.312.715	2.992.330.504
4. Phải trả người lao động	314		29.554.235.799	27.897.484.840
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11a	3.600.072.895	1.968.583.015
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	3.430.358.498	2.971.496.026
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	101.869.440.350	146.768.061.126
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.830.828.836	5.206.953.114
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>66.928.508.329</b>	<b>89.575.776.628</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.10b	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.11b	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	1.314.000.000	1.360.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	65.614.508.329	88.215.776.628
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>155.614.078.144</b>	<b>148.476.810.572</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>155.614.078.144</b>	<b>148.476.810.572</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		88.670.836.413	73.424.969.347
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.943.241.731	15.051.841.225
- LNST chưa phân phối lấy kể đến cuối kỳ trước	421a		785.246.846	295.187.253
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.157.994.885	14.756.653.972
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>455.343.774.809</b>	<b>532.920.960.604</b>

Người lập biểu

PHẠM THỊ THÚY

Kế toán trưởng

PHẠM ĐỨC HIẾU

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2021



PHAN TÂN BÌNH

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.054.401.562.871	1.294.921.884.928
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	2.349.601.768	77.271.727
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.03	1.052.051.961.103	1.294.844.612.201
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	943.700.703.365	1.180.353.804.714
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		108.351.257.738	114.490.807.487
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	2.434.314.894	171.600.903
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	15.455.658.021	17.535.985.033
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.397.020.005	17.489.044.778
8. Chi phí bán hàng	25	VI.07b	14.432.800.936	16.201.047.905
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07a	62.849.096.269	57.838.582.966
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		18.048.017.406	23.086.792.486
11. Thu nhập khác	31	VI.08	2.920.239.805	3.934.085.852
12. Chi phí khác	32	VI.09	614.990.571	310.374.370
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.305.249.234	3.623.711.482
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		20.353.266.640	26.710.503.968
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	4.208.279.425	6.215.151.229
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		16.144.987.215	20.495.352.739
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.11	2.421,75	3,074,30
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

PHẠM THỊ THỦY

PHẠM ĐỨC HIẾU



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020  
(phương pháp trực tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>				
- Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.180.496.909.460	1.421.104.928.847
- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(838.478.493.650)	(1.067.712.129.863)
- Tiền chi trả cho người lao động	03		(193.144.322.451)	(210.366.576.085)
- Tiền chi trả lãi vay	04		(15.410.687.844)	(17.509.194.984)
- Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(4.479.173.008)	(4.069.953.543)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		30.491.737.707	1.329.961.612
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(77.515.431.961)	(78.009.780.999)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>81.960.538.253</b>	<b>44.767.254.985</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư</b>				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(5.533.540.355)	(10.125.763.783)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	856.817.600
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ các đơn vị khác	23		-	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		79.902.400	81.452.850
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(5.453.637.955)</b>	<b>(9.187.493.333)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính</b>				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhập vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của các doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	VII.01	394.096.839.826	463.271.307.133
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII.02	(461.596.728.901)	(446.059.035.572)
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.446.007.500)	(18.909.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(74.945.896.575)</b>	<b>(1.696.728.439)</b>

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

(phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		1.561.003.723	33.883.033.213
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		48.971.534.353	15.077.276.481
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(8.973.038)	11.224.659
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.01	50.523.565.038	48.971.534.353

Người lập biểu

PHẠM THỊ THÚY

Kế toán trưởng

PHẠM ĐỨC HIẾU

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2021



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xích lip Đông Anh (gọi tắt là: Công ty) có quá trình hình thành và phát triển như sau: Công ty tiền thân là Xi nghiệp Xích lip xe đạp Hà Nội được thành lập theo quyết định số 222/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 17/07/1974.

Năm 2009, Công ty hoàn thành công tác chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối. Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần Xích Lip Đông Anh theo Quyết định số 3267/QĐ-UBND ngày 01/07/2009 của UBND thành phố Hà Nội và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103040295 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 27/08/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 19/11/2014.

Tháng 4 năm 2017, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có văn bản số 1569/UBND-KT thông báo về việc thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Xích lip Đông Anh. Theo đó, Nhà nước sẽ thoái toàn bộ 3.600.000 cổ phần, tương ứng 36.000.000.000 đồng, chiếm 60% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Xích lip Đông Anh theo phương thức khớp lệnh trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Việc thoái toàn bộ phần vốn Nhà nước tại Công ty đã thực hiện xong trong tháng 9 năm 2017.

Địa chỉ của Công ty tại: Số 11, tổ 47, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng).

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp, tương đương 6.000.000 cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính: Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;

Ngành nghề kinh doanh đăng ký: Sản xuất các loại cầu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa bằng kim loại; Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm); Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại; Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (chính) Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn. Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại); Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận chuyển động và truyền chuyển động; Sản xuất lò nung, lò luyện, lò nung; Sản xuất máy thông dụng khác (Chi tiết: Sản xuất dụng cụ đo, máy cầm tay tương tự, dụng cụ cơ khí chính xác (trừ quang học); Sản xuất thiết bị hàn không dùng điện); Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất xe cút kít, xe kéo tay, xe đẩy trong siêu thị, và tương tự); Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thiết bị khác (Chi tiết: Sửa chữa dây, đôn bẫy, buồm,

mũi che; Sửa chữa các túi đồ đựng phần bón và hoá chất); Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; - Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; máy móc, thiết bị khác sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; Cho thuê xe có động cơ; Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác; Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); máy móc công nghiệp, thương mại và khoa học khác); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh); Đào tạo trung cấp.

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Công ty chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

Trong năm tài chính 2020, Công ty không có biến động đặc biệt gì trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### 6. Cấu trúc doanh nghiệp:

- Danh sách các công ty con: Không có
- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:
  - + Công ty TNHH Lam Sơn (giao dịch liên kết);
  - + Công ty CP Thiết bị Công nghiệp Thalad Việt Nam (giao dịch liên kết).
- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách phát nhân hạch toán phụ thuộc: Không có.

#### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo so sánh là báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh miền Bắc - Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/IT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Công cụ tài chính

*Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

*Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty sử dụng tỷ giá thực tế và tỷ giá ghi sổ trong việc hạch toán các giao dịch phát sinh liên quan đến ngoại tệ

*Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:*



- Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

*Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:*

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.
- Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính, các khoản mục có gốc tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá mua của Ngân hàng giao dịch. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào kết quả kinh doanh thông qua hạch toán trên tài khoản doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

#### 4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
  - Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

#### 5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn

nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### 7. Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình:

(i) Nguyên giá của TSCĐ hữu hình bao gồm: Bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: Chi phí chuẩn bị mặt bằng; Chi phí vận chuyển và bốc xếp ban đầu; Chi phí lắp đặt, chạy thử (trừ (-) các khoản thu hồi về sản phẩm, phế liệu do chạy thử); Chi phí chuyển giao và các chi phí liên quan trực tiếp khác; Các trường hợp cụ thể khác được xác định theo quy định tại Chuẩn mực số 03 - Tài sản cố định hữu hình;

Tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ hữu hình được xác định trong từng trường hợp cụ thể theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 03 và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình:

(ii) Nguyên giá của TSCĐ vô hình bao gồm: Giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng theo dự tính; các trường hợp cụ thể khác được xác định theo quy định tại Chuẩn mực số 04 - Tài sản cố định vô hình;

Tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình được xác định trong từng trường hợp cụ thể theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 04 và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

(iii) Phương pháp khấu hao tài sản cố định

Khấu hao TSCĐ hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	3 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	6 - 30 năm
- Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm

#### 8. Chi phí trả trước

Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước: Chi phí trả trước là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Các khoản chi phí trả trước được phân bổ vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 3 năm.

Chi phí trả trước bao gồm:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh và liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước;

Chi phí trả trước dài hạn: Là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh và liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước.

#### 9. Các khoản nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay:

Chi phí đi vay phải ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó (i) và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy (ii).

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ:

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

#### 10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ

lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

## 11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Chi phí này còn phản ánh cả các khoản phải trả cho người lao động trong kỳ như phải trả về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước, như:

- Chi phí trong thời gian doanh nghiệp ngừng sản xuất theo mùa, vụ có thể xây dựng được kế hoạch ngừng sản xuất. Kế toán tiến hành tính trước và hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ những chi phí sẽ phải chi trong thời gian ngừng sản xuất, kinh doanh.
- Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả trong trường hợp vay trả lãi sau, lãi trái phiếu trả sau (khi trái phiếu đáo hạn).

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả: Chi phí phải trả được phân loại, ghi nhận như sau:

Giá trị các khoản nợ còn phải trả do đã nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa có hóa đơn hoặc các khoản chi phí của kỳ báo cáo chưa có đủ hồ sơ, tài liệu nhưng chắc chắn sẽ phát sinh cần phải được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh và sẽ phải thanh toán trong vòng 12 tháng hoặc trong chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tiếp theo tại thời điểm báo cáo, như trích trước tiền lương nghỉ phép, lãi vay phải trả... được ghi nhận là khoản phải trả ngắn hạn;

Giá trị các khoản nợ còn phải trả do đã nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa có hóa đơn hoặc các khoản chi phí của kỳ báo cáo chưa có đủ hồ sơ, tài liệu nhưng chắc chắn sẽ phát sinh cần phải được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh và chỉ phải thanh toán sau 12 tháng hoặc sau chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tiếp theo tại thời điểm báo cáo, như lãi vay phải trả của kỳ báo cáo nhưng chỉ phải thanh toán khi hợp đồng vay dài hạn đáo hạn... được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

## 12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ. Năm 2020, tại Công ty không phát sinh nghiệp vụ này.

**13. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**14. Doanh thu*****Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### **15. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### **16. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ.

#### **17. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### ***18.1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả***

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

**18.2. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

**19. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mỗi quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Tiền	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
- Tiền mặt		146.254.577		374.523.170
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		50.377.310.461		48.597.011.183
+ Tiền gửi VND		49.498.820.749		48.332.502.812
+ Tiền gửi bằng ngoài tệ		878.489.712		264.508.371
- Tiền đang chuyển		-		-
<b>Cộng</b>		<b>50.523.565.038</b>		<b>48.971.534.353</b>

2. Phải thu của khách hàng	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dư phòng VND	Giá trị VND	Dư phòng VND
a) Ngắn hạn	123.203.140.356	-	141.453.929.109	-
<i>Các bên liên quan</i>	7.397.955.700	-	9.543.969.287	-
- Công ty TNHH Linh Trung ES	437.820.456	-	49.417.637	-
- Công ty TNHH Lam Sơn	6.960.135.244	-	9.494.551.650	-
<i>Các đối tượng khác</i>	115.805.184.656	-	131.909.959.822	-
- Công ty HONDA Việt Nam	38.917.547.926	-	36.423.045.939	-
- Công ty TNHH YAMAHA MOTOR Việt Nam	20.878.543.730	-	24.678.050.021	-
- Công ty TNHH phụ tùng xe máy, ô tô GOSHI Thăng Long	17.144.062.399	-	24.094.201.938	-
- Công ty TNHH Phụ tùng xe máy ô tô Showa VN	19.720.595.744	-	22.334.525.196	-
- Các đơn vị khác	19.144.434.857	-	24.380.136.728	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>123.203.140.356</b>	<b>-</b>	<b>141.453.929.109</b>	<b>-</b>

3. Các khoản phải thu khác	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dư phòng VND	Giá trị VND	Dư phòng VND
a) Ngắn hạn	286.000.105	-	660.030.156	-
- Thuế TNCN phải thu của cán bộ nhân viên	185.467.214	-	370.598.514	-
- Phải thu khác (VAT chưa kê khai khấu trừ)	83.396.891	-	269.931.642	-
- Tạm ứng của cán bộ nhân viên	17.136.000	-	19.500.000	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>286.000.105</b>	<b>-</b>	<b>660.030.156</b>	<b>-</b>

## 4. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Hàng đang đi đường	-	-	20.217.040	-
- Nguyên liệu, vật liệu	57.280.757.002	-	67.037.191.518	-
- Công cụ, dụng cụ	45.362.447.063	-	37.660.844.200	-
- Chi phí SX kinh doanh dở dang	8.338.705.079	-	8.641.702.168	-
- Thành phẩm	12.639.999.084	-	26.721.776.179	-
<b>Cộng</b>	<b>123.621.908.233</b>	<b>-</b>	<b>140.081.731.105</b>	<b>-</b>

- Hàng tồn kho bị giảm giá, mất phẩm chất, chậm luân chuyển tại thời điểm 31/12/2020: 0 đồng.

## 5. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

<u>Khoản mục</u>	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số dư đầu năm	128.939.918.786	333.512.774.650	11.080.716.460	3.358.849.662	476.892.259.558
- Mua trong kỳ	-	6.000.345.200	-	36.050.000	6.036.395.200
- Đầu tư XD CB hoàn thành	920.954.716	-	-	-	920.954.716
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	129.860.873.502	339.513.119.850	11.080.716.460	3.394.899.662	483.849.609.474
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	68.371.700.910	278.405.409.493	6.403.450.579	3.307.933.342	356.488.494.324
- Khấu hao trong năm	4.136.029.494	18.844.777.319	1.099.568.184	44.961.246	24.125.336.243
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	72.507.730.404	297.250.186.812	7.503.018.763	3.352.894.588	380.613.830.567
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	60.568.217.876	55.107.365.157	4.677.265.881	50.916.320	120.403.765.234
Tại ngày cuối năm	57.353.143.098	42.262.933.038	3.577.697.697	42.005.074	103.235.778.907

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/12/2020: 305.419.356.246 đồng.

- Nguyên giá tài sản cố định cầm cố, thế chấp tại ngày 31/12/2020: 163.304.212.178 đồng.

## 6. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

<u>Khoản mục</u>	<u>Quyền sử dụng đất</u> <u>VND</u>	<u>TSCĐ vô hình khác</u> <u>VND</u>	<u>Tổng cộng tài sản</u> <u>VND</u>
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu năm	33.775.561.946	821.662.500	34.597.224.446
- Mua trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối năm	33.775.561.946	821.662.500	34.597.224.446
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.363.120.533	785.126.459	3.148.246.992
- Khấu hao trong năm	696.380.964	22.400.004	718.780.968
Số dư cuối năm	3.059.501.497	807.526.463	3.867.027.960
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	31.412.441.413	36.536.041	31.448.977.454
Tại ngày cuối năm	30.716.060.449	14.136.037	30.730.196.486

## 7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
- Triển khai phần mềm	190.775.000	190.775.000
- Lắp đặt hệ thống giếng khoan D125-XNPT	-	42.664.000
- Lắp đặt thang máy tải hàng	-	145.000.000
- Hệ thống bể mạ	-	174.297.000
<b>Cộng</b>	<b>190.775.000</b>	<b>552.736.000</b>

## 8. Chi phí trả trước

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
<b>a) Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>346.556.815</b>	<b>956.045.316</b>
- Công cụ, dụng cụ phục vụ hoạt động chung (bàn ghế, dụng cụ khác)	14.703.399	864.920.316
- Công cụ, dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất (biển tần, xi lanh, băng tải...)	331.853.416	91.125.000
<b>b) Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>5.173.496.764</b>	<b>6.269.108.214</b>
- Công cụ, dụng cụ phục vụ hoạt động chung (máy in, điều hòa...)	2.060.379.536	2.306.191.257
- Công cụ, dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất (khuôn dập, nồi nấu kim loại, ổn áp...)	3.113.117.228	3.962.916.957
<b>Cộng</b>	<b>5.520.053.578</b>	<b>7.225.153.530</b>

9. Tài sản dài hạn khác	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>VND</u>		<u>VND</u>	
a) Ngắn hạn				
b) Dài hạn	16.157.980.000		40.217.524.000	
- Các khoản đầu tư dài hạn khác	16.157.980.000		40.217.524.000	
<b>Cộng</b>	<b>16.157.980.000</b>		<b>40.217.524.000</b>	

10. Phải trả người bán	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Số có khả năng</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Số có khả năng</u>
	<u>VND</u>	<u>trả nợ</u>	<u>VND</u>	<u>trả nợ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn	85.250.168.049	85.250.168.049	106.975.775.516	106.975.775.516
<i>Các bên liên quan</i>	<i>37.448.116.203</i>	<i>37.448.116.203</i>	<i>41.211.758.027</i>	<i>41.211.758.027</i>
- Công ty TNHH Lam Sơn	12.908.120.143	12.908.120.143	19.918.833.242	19.918.833.242
- Công ty CP Thiết bị Công nghiệp ThuLad Việt Nam	2.518.659.990	2.518.659.990	1.797.860.175	1.797.860.175
- Công ty TNHH Linh Trung ES	22.021.336.070	22.021.336.070	19.495.064.610	19.495.064.610
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>47.802.051.846</i>	<i>47.802.051.846</i>	<i>65.764.017.489</i>	<i>65.764.017.489</i>
- Công ty Cổ phần SXKD VTTB Công Nghiệp	13.563.000.798	13.563.000.798	15.995.073.897	15.995.073.897
- TORY LTD	5.931.503.335	5.931.503.335	12.227.249.784	12.227.249.784
- Công ty Cổ phần Nam Thiên	10.925.265.472	10.925.265.472	11.599.802.098	11.599.802.098
- Các đối tượng khác	17.382.282.241	17.382.282.241	25.941.891.710	25.941.891.710
b) Dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>85.250.168.049</b>	<b>85.250.168.049</b>	<b>106.975.775.516</b>	<b>106.975.775.516</b>

11. Chi phí phải trả	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>VND</u>		<u>VND</u>	
a) Ngắn hạn	3.600.072.895		1.968.583.015	
- Trích trước chi phí lãi vay	685.389.957		803.247.386	
- Trích trước tiền ăn ca giữm tháng	2.097.377.500		471.004.500	
- Chi phí bán hàng, quản lý, sản xuất chung khác	817.305.438		694.331.129	
b) Dài hạn				
<b>Cộng</b>	<b>3.600.072.895</b>		<b>1.968.583.015</b>	

12. Phải trả khác	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
a) Ngắn hạn	3.430.358.498	2.971.496.026
- Kinh phí công đoàn	1.394.385.777	1.373.197.376
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	17.373.150	191.679.982
- Chế độ bảo hiểm phải trả cho người lao động	372.205.371	-
- Các khoản phải trả phải nộp khác	1.646.394.200	1.406.618.668
b) Dài hạn	1.314.000.000	1.360.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.314.000.000	1.360.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.744.358.498</b>	<b>4.331.496.026</b>

**13. Vay và nợ thuê tài chính**

**a) Vay ngắn hạn**

(\*) Hợp đồng cho vay hạn mức số 66/2019-HĐCVHM/NHCT144-XLDA ngày 15/11/2019:

- Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Ngày trả lãi: 25 hàng tháng, lãi suất chi tiết theo từng giấy nhận nợ;
- Biện pháp đảm bảo: Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 43/2013/HĐTCQDN/NHCT144-XICHLIP ngày 28/11/2013; Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 56/2019/HĐBĐ/NHCT144-XLDA ngày 12/11/2019; Hợp đồng thế chấp hàng tồn kho số 57/2019/HĐBĐ/NHCT144-XLDA ngày 12/11/2019.

(\*\*) Hợp đồng cho vay hạn mức số 20021/HM/HĐTD.DAH ngày 27/02/2020:

- Hạn mức tín dụng: 90.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Ngày trả lãi: 26 hàng tháng, lãi suất chi tiết theo từng giấy nhận nợ.

(\*\*\*) Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2020/11891384/HĐTD ngày 28/7/2020:

- Hạn mức tín dụng: 65.000.000.000 đồng
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C và thẻ tín dụng doanh nghiệp;
- Ngày trả lãi: 10 hàng tháng, lãi suất chi tiết theo từng giấy nhận nợ;

**b) Vay dài hạn**

(\*\*\*\*) Hợp đồng tín dụng số 12/2015-HĐTD TDH/NHCT144-XLDA ngày 21/07/2015:

- Hạn mức tín dụng: 55.000.000.000 đồng, không vượt quá 61,05% tổng giá trị đầu tư thực tế đã bao gồm VAT;
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của dự án "Đầu tư xây dựng nhà xưởng và mua sắm máy móc thiết bị mở rộng sản xuất Công ty Cổ phần Xích lip Đông Anh - Giai đoạn 1", mua sắm trang thiết bị phục vụ dự án;
- Thời hạn cho vay: 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất cho vay: Theo từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng là 8%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh ngay tại thời điểm ký kết hợp đồng;
- Thời hạn điều chỉnh lãi suất và ngày xác định lãi suất: 25 hàng tháng;

- Biện pháp đảm bảo: cấp tín dụng có bảo đảm một phần bằng tài sản hình thành trong tương lai. Đối với tài sản đảm bảo không đủ điều kiện nhận theo quy định Bên Vay phải hoàn thiện hồ sơ pháp lý của tài sản và cung cấp cho Bên Cho Vay để Bên Cho Vay nhận bảo đảm bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định;

Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm theo Hợp đồng đảm bảo tài sản bị suy giảm giá trị và/hoặc bên bảo lãnh suy giảm khả năng tài chính theo đánh giá của Bên Cho Vay, Bên Vay sẽ bổ sung thêm tài sản bảo đảm khác hoặc giảm dư nợ vay tương ứng khi Bên Cho Vay yêu cầu.

(\*\*\*\*\*) Hợp đồng tín dụng số 17175/DH/HĐTD.DAH ngày 24 tháng 05 năm 2017 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam:

- Hạn mức tín dụng: 68.771.000.000 đồng;

- Thời hạn vay: 84 tháng;

- Mục đích vay: Thanh toán một phần các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến đầu tư tài sản cố định theo kế hoạch đầu tư năm 2017;

- Ngày trả lãi: 26 hàng tháng, lãi suất chỉ tiết theo từng giấy nhận nợ.

(\*\*\*\*\*) Hợp đồng tín dụng số 02/2019/11891384/HĐTD ký ngày 16/07/2019 và phụ lục hợp đồng số 01.PL/02/2019/11891384/HĐTD ngày 31/12/2019:

- Hạn mức tín dụng: 11.000.000.000 đồng;

- Mục đích vay: Đầu tư tài sản cố định năm 2019 phục vụ sản xuất phụ tùng xe máy, ô tô;

- Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;

- Biện pháp đảm bảo: Đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản khác thay thế tài sản hình thành từ vốn vay với điều kiện giá trị và tính thanh khoản của tài sản thay thế phải tối thiểu tương đương tài sản hình thành từ vốn vay, tài sản thay thế có hệ số giá trị tài sản đảm bảo từ 0,7 trở lên theo quy định về giao dịch bảo đảm trong cho vay hiện hành của BIDV;

+ Bảo đảm bằng toàn bộ số dư bằng tiền VND và ngoại tệ của Bên vay tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác;

+ Bảo đảm các khoản thu nhập hợp pháp khác mà Bên vay là người thụ hưởng;

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2019/11891384/HĐBĐ ngày 16/07/2019 và văn bản sửa đổi bổ sung số 01.1/2019/11891384/PLHĐBĐ ngày 24/12/2019.

## Vay và nợ thuế tài chính (tiếp)

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	101.869.440.350	101.869.440.350	414.783.020.874	459.681.641.650	146.768.061.126	146.768.061.126
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	38.327.703.305	38.327.703.305	268.202.449.061	357.932.779.204	128.058.033.448	128.058.033.448
+ Vay ngắn hạn (*)	30.224.982.257	30.224.982.257	260.099.728.013	349.830.058.156	119.955.312.400	119.955.312.400
+ Nợ dài hạn đến hạn trả	8.102.721.048	8.102.721.048	8.102.721.048	8.102.721.048	8.102.721.048	8.102.721.048
- Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	46.139.732.086	46.139.732.086	125.184.181.289	97.074.476.881	18.030.027.678	18.030.027.678
+ Vay ngắn hạn (**)	33.416.272.086	33.416.272.086	112.460.721.289	84.351.016.881	5.306.567.678	5.306.567.678
+ Nợ dài hạn đến hạn trả	12.723.460.000	12.723.460.000	12.723.460.000	12.723.460.000	12.723.460.000	12.723.460.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	17.402.004.959	17.402.004.959	21.396.390.524	4.674.385.565	680.000.000	680.000.000
- Chi nhánh Đông Anh	16.272.544.859	16.272.544.859	20.266.930.424	3.994.385.565	-	-
+ Vay ngắn hạn (***)	1.129.460.100	1.129.460.100	1.129.460.100	680.000.000	680.000.000	680.000.000
+ Nợ dài hạn đến hạn trả						

## Vay và nợ thuê tài chính (tiếp)

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
b) Vay dài hạn	65.614.508.329	65.614.508.329	1.269.460.100	23.870.728.399	88.215.776.628	88.215.776.628
- Vay tổ chức tín dụng	45.195.907.782	45.195.907.782	769.460.100	22.915.641.148	67.342.088.830	67.342.088.830
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (*****)	5.401.814.057	5.401.814.057	-	8.102.721.048	13.504.535.105	13.504.535.105
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (*****)	35.138.325.222	35.138.325.222	-	12.723.460.000	47.861.785.222	47.861.785.222
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (*****)	4.655.768.503	4.655.768.503	769.460.100	2.089.460.100	5.975.768.503	5.975.768.503
- Vay các bộ công nhân viên	20.418.600.547	20.418.600.547	500.000.000	955.087.251	20.873.687.798	20.873.687.798
<b>Cộng</b>	<b>167.483.948.679</b>	<b>167.483.948.679</b>	<b>416.052.480.974</b>	<b>483.552.370.049</b>	<b>234.983.837.754</b>	<b>234.983.837.754</b>



## 14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Chi tiết	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số cuối năm	
	Số phải thu	Số phải nộp		Số phải thu	Số phải nộp
- Thuế giá trị gia tăng	-	875.602.058	30.985.220.499	29.031.415.374	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	5.252.179.868	5.252.179.868	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-	1.803.315.728	1.803.315.728	-
- Thuế tài nguyên	-	670.080	7.584.240	7.541.360	712.960
- Thuế thu nhập cá nhân	-	687.906.323	754.144.113	1.215.337.244	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.428.152.043	3.501.500.345	4.479.173.008	226.713.192
- Thuế nhà, thuế đất	-	-	1.660.179.026	1.660.179.026	450.479.380
- Các loại thuế khác	-	-	432.506.309	432.506.309	-
+ Phí cấp quyền khai thác nước	-	-	26.956.800	26.956.800	-
+ Phí chậm nộp thuế	-	-	402.549.509	402.549.509	-
+ Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	-	<b>2.992.330.504</b>	<b>44.396.630.128</b>	<b>43.881.647.917</b>	<b>3.507.312.715</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. **Vốn chủ sở hữu**

a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu năm trước	60.000.000.000	70.350.666.436	20.095.187.253	150.445.853.689
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	20.495.352.739	20.495.352.739
- Tăng khác	-	3.074.302.911	-	3.074.302.911
+ <i>Tăng từ phân phối lợi nhuận</i>	-	3.074.302.911	-	3.074.302.911
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	25.538.698.767	25.538.698.767
- <i>Chi cổ tức năm 2018</i>	-	-	19.800.000.000	19.800.000.000
- <i>Trích quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	3.074.302.911	3.074.302.911
- <i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ ban điều hành</i>	-	-	2.664.395.856	2.664.395.856
Số dư cuối năm trước	60.000.000.000	73.424.969.347	15.051.841.225	148.476.810.572
Số dư đầu năm nay	60.000.000.000	73.424.969.347	15.051.841.225	148.476.810.572
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	16.144.987.215	16.144.987.215
- Tăng khác	-	15.245.867.066	706.779.080	15.952.646.146
+ <i>Tăng từ phân phối lợi nhuận năm 2019, 2020</i>	-	15.245.867.066	-	15.245.867.066
+ <i>Tăng khác</i>	-	-	706.779.080	706.779.080
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	24.960.365.789	24.960.365.789
- <i>Chi cổ tức năm 2019</i>	-	-	7.800.000.000	7.800.000.000
- <i>Trích quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	15.245.867.066	15.245.867.066
- <i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ ban điều hành</i>	-	-	1.914.498.723	1.914.498.723
Số dư cuối năm nay	60.000.000.000	88.670.836.413	6.943.241.731	155.614.078.144

Lợi nhuận năm 2019 đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 ngày 15/4/2020 thông qua việc phân phối như sau:

- + Chi cổ tức mức 1:300 đồng/cổ phần;
- + Trích quỹ đầu tư phát triển: 50%
- + Trích quỹ thưởng ban điều hành: 3%
- + Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 10%.

Lợi nhuận sau thuế năm 2020 đang được tạm phân phối vào các quỹ Đầu tư phát triển, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành với tỷ lệ lần lượt là 50%, 10% và 300.000.000 đồng. Mức trích và tỷ lệ trích cụ thể sẽ được quyết định thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Công ty TNHH Linh Trung ES	6.000.000.000	6.000.000.000
- Các cá nhân khác	54.000.000.000	54.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>	60.000.000.000	60.000.000.000
+ <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	-
+ <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
+ <i>Vốn góp cuối năm</i>	60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	7.800.000.000	19.800.000.000

d) Cổ phiếu	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	6.000.000	6.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.000.000	6.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.000.000	6.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng/ cổ phiếu	-	-

e) Các quỹ của Công ty	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	88.670.836.413	73.424.969.347
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.830.828.836	5.206.953.114
+ <i>Quỹ khen thưởng</i>	<i>1.114.023.507</i>	<i>2.336.223.507</i>
+ <i>Quỹ phúc lợi</i>	<i>1.413.676.647</i>	<i>2.253.700.925</i>
+ <i>Quỹ thưởng ban điều hành</i>	<i>303.128.682</i>	<i>617.028.682</i>
<b>Cộng</b>	<b>91.501.665.249</b>	<b>78.631.922.461</b>

16. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thuê ngoài	-	-
- Tài sản nhận giữ hộ	-	-
- Ngoại tệ các loại (USD)	38.203,51	11.447,11
- Kim khí, đá quý	-	-
- Nợ khó đòi đã xử lý	-	-

**17. Công cụ tài chính**

Các công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
- Tiền và các khoản tương đương tiền	50.523.565.038	-	48.971.534.353	-
- Phải thu khách hàng, phải thu khác	123.489.140.461	-	142.113.959.265	-
- Các khoản cho vay	-	-	-	-
- Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
- Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>174.012.705.499</b>	<b>-</b>	<b>191.085.493.618</b>	<b>-</b>
Nợ phải trả tài chính	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
- Vay và nợ	167.483.948.679	-	234.983.837.754	-
- Phải trả người bán, phải trả khác	89.994.526.547	-	111.307.271.542	-
- Chi phí phải trả	3.600.072.895	-	1.968.583.015	-
<b>Cộng</b>	<b>261.078.548.121</b>	<b>-</b>	<b>348.259.692.311</b>	<b>-</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải

thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

#### Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

#### Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	50.523.565.038	-	-	50.523.565.038
- Phải thu khách hàng, phải thu khác	123.489.140.461	-	-	123.489.140.461
- Các khoản cho vay	-	-	-	-
- Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
- Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>174.012.705.499</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>174.012.705.499</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số đầu năm</b>				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	48.971.534.353	-	-	48.971.534.353
- Phải thu khách hàng, phải thu khác	142.113.959.265	-	-	142.113.959.265
- Các khoản cho vay	-	-	-	-
- Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
- Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>191.085.493.618</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>191.085.493.618</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
- Vay và nợ	101.869.440.350	25.074.369.050	40.540.139.279	167.483.948.679
- Phải trả người bán, phải trả khác	88.680.526.547	1.314.000.000	-	89.994.526.547
- Chi phí phải trả	3.600.072.895	-	-	3.600.072.895
<b>Cộng</b>	<b>194.150.039.792</b>	<b>26.388.369.050</b>	<b>40.540.139.279</b>	<b>261.078.548.121</b>
<b>Số đầu năm</b>				
- Vay và nợ	146.768.061.126	26.849.456.301	61.366.320.327	234.983.837.754
- Phải trả người bán, phải trả khác	109.947.271.542	1.360.000.000	-	111.307.271.542
- Chi phí phải trả	1.968.583.015	-	-	1.968.583.015
<b>Cộng</b>	<b>258.683.915.683</b>	<b>28.209.456.301</b>	<b>61.366.320.327</b>	<b>348.259.692.311</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH.**

<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b><u>Năm nay</u></b>	<b><u>Năm trước</u></b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
- Doanh thu nhượng bán hàng hóa, vật tư	80.525.220.121	107.154.326.690
- Doanh thu bán thành phẩm	963.466.190.227	1.187.767.558.238
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.410.152.523	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.054.401.562.871</u></b>	<b><u>1.294.921.884.928</u></b>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b><u>Năm nay</u></b>	<b><u>Năm trước</u></b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
- Giảm giá hàng bán	2.349.601.768	77.272.727
<b>Cộng</b>	<b><u>2.349.601.768</u></b>	<b><u>77.272.727</u></b>
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b><u>Năm nay</u></b>	<b><u>Năm trước</u></b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
- Doanh thu nhượng bán hàng hóa, vật tư	80.525.220.121	107.154.326.690
- Doanh thu bán thành phẩm	961.116.588.459	1.187.690.285.511
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.410.152.523	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.052.051.961.103</u></b>	<b><u>1.294.844.612.201</u></b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b><u>Năm nay</u></b>	<b><u>Năm trước</u></b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
- Giá vốn nhượng bán hàng hóa, vật tư	73.295.105.978	100.072.978.172
- Giá vốn bán thành phẩm	859.642.954.906	1.080.280.826.542
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	10.762.642.481	-
<b>Cộng</b>	<b><u>943.700.703.365</u></b>	<b><u>1.180.353.804.714</u></b>
<b>5. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b><u>Năm nay</u></b>	<b><u>Năm trước</u></b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	79.902.400	62.474.646
- Lãi đầu tư	2.186.860.800	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	167.551.694	107.247.198
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	-	1.879.059
<b>Cộng</b>	<b><u>2.434.314.894</u></b>	<b><u>171.600.903</u></b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

6. Chi phí tài chính	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
- Lãi tiền vay	15.397.020.005	17.489.044.778
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	53.812.898	35.596.961
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	4.825.118	11.343.294
<b>Cộng</b>	<b>15.455.658.021</b>	<b>17.535.985.033</b>
7. Chi phí quản lý, chi phí bán hàng	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
<b>a) Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>62.849.096.269</b>	<b>57.838.582.966</b>
- Chi phí lương và các khoản trích theo lương	47.474.452.113	44.023.914.472
- Chi phí khấu hao tài sản cố định, phân bổ	4.020.240.260	3.396.145.708
- Thuế, phí lệ phí	1.705.871.466	1.702.034.386
- Các khoản chi phí khác (điện thoại, tiếp khách, chi phí công tác...)	9.648.532.430	8.716.488.400
<b>b) Chi phí bán hàng</b>	<b>14.432.800.936</b>	<b>16.201.047.905</b>
- Chi phí lương và các khoản trích theo lương	10.565.171.102	10.710.852.325
- Chi phí vận chuyển, xuất khẩu hàng	3.478.436.506	4.901.294.536
- Chi phí khác	389.193.328	588.901.044
<b>Cộng</b>	<b>77.281.897.205</b>	<b>74.039.630.871</b>
8. Thu nhập khác	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
- Thanh lý nhượng bán tài sản, công cụ dụng cụ	657.602.000	778.925.091
- Thu từ bán phế liệu	1.189.680.000	2.272.748.138
- Thu từ cho thuê mặt bằng, tiền điện, máy móc...	664.298.039	751.596.121
- Các khoản khác	408.659.766	130.816.502
<b>Cộng</b>	<b>2.920.239.805</b>	<b>3.934.085.852</b>
9. Chi phí khác	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
- Bồi thường, bị phạt	587.007.988	310.303.664
- Chi phí khác	27.982.583	70.706
<b>Cộng</b>	<b>614.990.571</b>	<b>310.374.370</b>



10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.189.793.061	6.103.272.043
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	18.486.364	111.879.186
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>4.208.279.425</b>	<b>6.215.151.229</b>
<i>Chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</i>	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>20.353.266.640</b>	<b>26.710.503.968</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>595.698.667</b>	<b>3.805.856.246</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng	595.698.667	3.805.856.246
+ <i>Chi phí không hợp lệ</i>	595.698.667	3.805.856.246
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Lợi nhuận chịu thuế</b>	<b>20.948.965.307</b>	<b>30.516.360.214</b>
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động thông thường	20.948.965.307	30.516.360.214
- Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
- Thu nhập tính thuế	20.948.965.307	30.516.360.214
<b>Thuế suất hiện hành</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>
- Thuế suất hoạt động chịu thuế thông thường	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>4.189.793.061</b>	<b>6.103.272.043</b>
- Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh thông thường	4.189.793.061	6.103.272.043
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	18.486.364	111.879.186
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>4.208.279.425</b>	<b>6.215.151.229</b>
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
- Lợi nhuận thuần sau thuế	16.144.987.215	20.495.352.739
- Các khoản điều chỉnh	1.614.498.722	2.049.535.274
+ <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	1.614.498.722	2.049.535.274
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	14.530.488.493	18.445.817.465
- Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	6.000.000	6.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.421,75</b>	<b>3.074,30</b>

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	302.783.516.543	342.359.510.864
Chi phí nhân công	213.468.100.312	242.811.422.048
Chi phí khấu hao TSCĐ	24.844.117.211	29.199.909.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài	179.068.888.729	114.029.379.845
Chi phí bằng tiền khác	21.954.981.090	6.566.183.334
<b>Cộng</b>	<b>742.119.603.885</b>	<b>734.966.405.727</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

1. Số tiền đi vay thực tế thu trong năm	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	394.096.839.826	463.271.307.133
<b>Cộng</b>	<b>394.096.839.826</b>	<b>463.271.307.133</b>

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	461.596.728.901	446.059.035.572
<b>Cộng</b>	<b>461.596.728.901</b>	<b>446.059.035.572</b>

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các giao dịch phi tiền tệ khác		
- Tiền vay nhận được chuyển trả trực tiếp cho nhà cung cấp	393.596.839.826	458.162.135.847
<b>Cộng</b>	<b>393.596.839.826</b>	<b>458.162.135.847</b>

**2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2020.

**3. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước) Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

	<i>Kinh doanh hàng hóa</i> VND	<i>Tổng</i> VND
Doanh thu thuần ra bên ngoài	1.052.051.961.103	1.052.051.961.103
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>1.052.051.961.103</b>	<b>1.052.051.961.103</b>
Chi phí bộ phận	943.700.703.365	943.700.703.365
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>108.351.257.738</b>	<b>108.351.257.738</b>
<b>Các chi phí không phân bổ theo bộ phận</b>		<b>77.281.897.205</b>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		18.048.017.406
Doanh thu hoạt động tài chính		2.434.314.894
Chi phí tài chính		15.455.658.021
Thu nhập khác		2.920.239.805
Chi phí khác		614.990.571
Thuế TNDN hiện hành		4.208.279.425
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>		<b>16.144.987.215</b>

#### 4. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan đã được thuyết minh tại các phần thuyết minh nêu trên, ngoài ra còn có một số giao dịch sau:

a) Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	408.000.000	316.400.000

#### b) Số dư với các bên liên quan

Số dư phải thu, phải trả chi tiết tại thuyết minh V.2 và V.10.

#### b) Giao dịch mua bán trong kỳ

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
<b>Mua hàng</b>			
- Công ty TNHH Linh Trung ES	Thành viên góp vốn	163.971.397.076	196.653.242.875
+ Mua vật tư, nguyên phụ liệu, thành phẩm, hàng hóa		163.971.397.076	196.653.242.875
- Công ty TNHH Lam Sơn	Bên liên quan	143.219.878.938	191.827.646.126
+ Mua vật tư, nguyên phụ liệu, thành phẩm, hàng hóa		143.219.878.938	191.827.646.126
- Công ty CP TBCN ThuLad Việt Nam	Bên liên quan	18.970.614.318	19.056.482.594
+ Mua vật tư, nguyên phụ liệu, thành phẩm, hàng hóa		16.872.452.318	18.526.082.594
+ Mua tài sản cố định		2.098.162.000	530.400.000

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
<b>Bán hàng</b>			
- Công ty TNHH Linh Trung ES	Thành viên góp vốn	6.333.883.658	3.849.073.333
+ Doanh thu nhượng bán hàng hóa, vật tư		5.727.116.304	3.058.541.500
+ Doanh thu bán thành phẩm		362.640.798	790.531.833
+ Doanh thu khác		244.126.556	-
- Công ty TNHH Lam Sơn	Bên liên quan	61.854.334.590	93.076.892.873
+ Doanh thu nhượng bán hàng hóa, vật tư		61.058.204.418	92.248.841.278
+ Doanh thu bán thành phẩm		708.600.172	810.111.595
+ Doanh thu khác		87.530.000	17.940.000
- Công ty CP TBCN ThaLad Việt Nam	Bên liên quan	6.890.869.205	4.239.717.946
+ Doanh thu nhượng bán hàng hóa, vật tư		312.000.000	-
<b>Thu tiền</b>			
- Công ty TNHH Linh Trung ES	Thành viên góp vốn	6.578.869.205	4.239.717.946
- Công ty TNHH Lam Sơn	Bên liên quan	70.560.483.142	102.275.060.957
- Công ty CP TBCN ThaLad Việt Nam		343.200.000	-
<b>Trả tiền</b>			
- Công ty TNHH Linh Trung ES	Thành viên góp vốn	177.842.265.335	220.945.231.770
- Công ty TNHH Lam Sơn	Bên liên quan	164.552.579.933	213.376.666.903
- Công ty CP TBCN ThaLad Việt Nam		20.146.875.936	19.997.124.139
<b>c) Phải trả tiền vay</b>			
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
- Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	50.103.538	50.103.538
- Phạm Đức Hiếu	Thành viên HĐQT	41.489.793	41.489.793
- Phùng Quang Hải	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	93.183.905	93.183.905
- Trần Thị Việt Hằng	Trưởng BKS	5.439.036	5.439.036
- Ngô Vĩnh Tĩnh	Phó Tổng Giám đốc	34.658.188	34.658.188
- Phan Tấn Bình	Chủ tịch HĐQT	106.047.840	106.047.840
- Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	8.611.219	8.611.219
- Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	11.362.956	11.362.956
- Nguyễn Thị Mùi	Thành viên BKS	8.403.255	8.403.255
<b>Cộng</b>		<b>359.299.730</b>	<b>359.299.730</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

5. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm nay	Năm trước
<b>I</b>	<b>Bố trí cơ cấu nguồn vốn</b>			
1	Bố trí cơ cấu tài sản			
1.1	Tài sản cố định và đầu tư dài hạn / Tổng tài sản	%	29,42	28,49
1.2	Tài sản lưu động / Tổng tài sản	%	65,85	62,68
2	Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
2.1	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	65,82	72,14
2.2	Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	34,18	27,86
<b>II</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
1	Khả năng thanh toán công nợ ngắn hạn	lần	1,29	1,13
2	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,22	0,17
<b>III</b>	<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
1	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Doanh thu thuần	%	1,93	2,06
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	1,53	1,58
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	10,38	13,80
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn	%	3,55	3,85

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



PHẠM THỊ THÚY

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH**

PHẠM ĐỨC HIẾU

PHAN TẤN BÌNH

Ngày: 01-07-2022

Số chứng thực: 3685 Quyển số: 01 SCT/ĐS

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



PHÓ CHỦ TỊCH

*Ngô Văn Thanh*



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính



AUDITING COMPANY  
NORTHERN BRANCH

**BẢN SAO**

**CHI NHÁNH MIỀN BẮC - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**

**CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH**

CHI NHÁNH MIỀN BẮC - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

**BẢN GỐC**

Số: 07/110

Ngày phát hành: 28/1/2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP ĐÔNG ANH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

kèm theo

*Lưu*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**CHI NHÁNH MIỀN BẮC - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**

**HÀ NỘI - NĂM 2022**

**NỘI DUNG**

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	2 - 4
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	5 - 6
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 10
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	11
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	12 - 13
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14 - 43



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xích lip Đông Anh trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xích lip Đông Anh (gọi tắt là: Công ty) chuyển đổi mô hình từ Xi nghiệp Xích lip xe đạp Hà Nội sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối từ năm 2009.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc thoái vốn Nhà nước giai đoạn 2017-2020, trong năm 2017, Công ty đã hoàn thành việc thoái 3.600.000 cổ phần Nhà nước, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, tương ứng 36.000.000.000 đồng, chiếm 60% vốn điều lệ tại Công ty.

Việc thoái vốn được thực hiện trên cơ sở được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội bằng văn bản số 1569/UBND-KT ngày 05/4/2017. Theo đó, Nhà nước đã hoàn thành việc thoái toàn bộ phần vốn Nhà nước tại Công ty vào tháng 9/2017.

Công ty Cổ phần Xích lip Đông Anh được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0100100696 cấp lần đầu ngày 27/08/2009, thay đổi lần thứ 3 (ba) ngày 24/06/2019 và được cấp giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 08/12/2021.

Địa chỉ của Công ty tại: Số 11, tổ 47, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng).

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp, tương đương 6.000.000 cổ phần.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Tấn Bình - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính: Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và Tên	Chức danh
Ông Phan Tấn Bình	Chủ tịch HĐQT
Ông Phùng Quang Hải	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Thắng	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Đức Hiếu	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và Tên	Chức danh
Ông Phùng Quang Hải	Tổng Giám đốc - bổ nhiệm từ ngày 01/08/2020 theo QĐ 71/2020/QĐNS-XL ngày 31/07/2020.
Ông Ngô Vĩnh Tinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc

2020  
CHI  
MIẾ  
CÔNG  
KIẾP  
7  
ĐÔNG ANH



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LIP ĐÔNG ANH**

Địa chỉ: Số 11, tổ 47, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP Hà Nội

**Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:**

Họ và Tên	Chức danh
Bà Trần Thị Việt Hằng	Tướng BKS
Ông Đặng Thế Nguyễn	Thành viên BKS
Bà Nguyễn Thị Mùi	Thành viên BKS

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2021 của Công ty Cổ phần Xích lip Đông Anh đã được kiểm toán bởi Chi nhánh miền Bắc - Công ty TNHH Kiểm toán TTP, đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH.**

Trong năm tài chính 2021, giá đầu vào nguyên vật liệu chính của ngành là thép tăng cao trong khi giá đầu ra không thay đổi. Bên cạnh đó chi phí liên quan đến ứng phó với dịch Covid 19 lớn làm ảnh hưởng không nhỏ tới kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban điều hành đã tìm các giải pháp tích cực hướng tới bình ổn quá trình sản xuất trong năm 2021 để cải thiện kết quả kinh doanh như đàm phán tăng giá bán, nhập trước nguyên vật liệu để bình ổn giá thành sản xuất.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021. Trong quá trình lập báo cáo tài chính cho năm tài chính 2021, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính năm tài chính 2021 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động

QUY  
ĐỊNH  
BÁO CÁO  
TÀI CHÍNH  
KIỂM TOÁN  
TTP  
ĐÔNG ANH

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP ĐÔNG ANH**

Địa chỉ: Số 11, tổ 47, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP Hà Nội

kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Cam kết khác**

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP ĐÔNG ANH**

Chủ tịch HĐQT



**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày: 01-07-2022

Số chứng thực: 3682 Quyển số: 1 SCT/ES

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



**PHÓ CHỦ TỊCH**  
*Ngô Văn Khanh*



AUDITING COMPANY  
NORTHERN BRANCH

CHI NHÁNH MIỀN BẮC - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH

**BẢN SAO**

Số: 0103/2022/TTPMB/BCKJT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021  
của Công ty Cổ phần Xích lập Đông Anh

Kính gửi:

Quý cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xích lập Đông Anh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xích lập Đông Anh, được lập ngày 25 tháng 03 năm 2022, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc*

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

*Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xích lập Đông Anh tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Thay mặt và đại diện

**CHI NHÁNH MIỀN BẮC  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**



**BÙI THANH TRANG**

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số 1790-2018-133-1

**ĐỖ NGỌC AN**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số 1332-2018-133-1

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày: 01-07-2022

Số chứng thực: 368-1 Quyển số: 1-SCT/BS

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**



**PHÓ CHỦ TỊCH**  
*Ngô Văn Hân*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BẢN SAO**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>376.192.963.700</b>	<b>299.855.547.652</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>11.826.741.721</b>	<b>50.523.565.038</b>
1. Tiền	111		11.826.741.721	50.523.565.038
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>126.983.120.175</b>	<b>125.363.517.566</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02a	124.493.209.536	123.203.140.356
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.920.506.119	1.874.377.105
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03a	569.404.520	286.000.105
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>236.570.276.747</b>	<b>123.621.908.233</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	236.570.276.747	123.621.908.233
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>812.825.057</b>	<b>346.556.815</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08a	594.028.237	346.556.815
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	218.796.820	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.09a	-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>139.100.463.627</b>	<b>155.488.227.157</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02b	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.03b	-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		114.822.328.412	133.965.975.393
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	84.810.912.879	103.235.778.907
- Nguyên giá	222		485.937.021.161	483.849.609.474
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(401.126.108.282)	(380.613.830.567)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	30.011.415.533	30.730.196.486
- Nguyên giá	228		34.597.224.446	34.597.224.446
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(4.585.808.913)	(3.867.027.960)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	240		263.356.818	190.775.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.07	263.356.818	190.775.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	260		24.014.778.397	21.331.476.764
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08b	4.030.982.397	5.173.496.764
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.09b	19.983.796.000	16.157.980.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	270		<b>515.293.427.327</b>	<b>455.343.774.809</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>365.822.614.460</b>	<b>299.729.696.665</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>322.634.559.732</b>	<b>232.801.188.336</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10a	82.088.331.648	85.250.168.049
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.809.433	2.758.771.194
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	4.024.965.867	3.507.312.715
4. Phải trả người lao động	314		30.171.983.418	29.554.235.799
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11a	3.872.914.194	3.600.072.895
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	2.083.647.546	3.430.358.498
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	199.838.413.790	101.869.440.350
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15e	542.493.836	2.830.828.836
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>43.188.054.728</b>	<b>66.928.508.329</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.10b	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.11b	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	1.298.000.000	1.314.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	41.890.054.728	65.614.508.329
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>149.470.812.867</b>	<b>155.614.078.144</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>149.470.812.867</b>	<b>155.614.078.144</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		88.670.836.413	88.670.836.413
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		799.976.454	6.943.241.731
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		343.241.731	785.246.846
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		456.734.723	6.157.994.885
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>515.293.427.327</b>	<b>455.343.774.809</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



PHẠM THỊ THÚY

Kế toán trưởng



PHẠM ĐỨC HIẾU





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL01	1.072.081.794.597	1.054.401.562.871
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL02	-	2.349.601.768
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VL03	1.072.081.794.597	1.052.051.961.103
4. Giá vốn hàng bán	11	VL04	975.364.687.622	943.700.703.365
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		96.717.106.975	108.351.257.738
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL05	161.309.052	2.434.314.894
7. Chi phí tài chính	22	VL06	11.527.855.997	15.455.658.021
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.470.254.117	15.397.020.005
8. Chi phí bán hàng	25	VL07b	16.847.448.761	14.432.800.936
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL07a	71.788.617.777	62.849.096.269
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		(3.285.506.508)	18.048.017.406
11. Thu nhập khác	31	VL08	4.575.957.323	2.920.239.805
12. Chi phí khác	32	VL09	112.512.912	614.990.571
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		4.463.444.411	2.305.249.234
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.177.937.903	20.353.266.640
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VL10	721.203.180	4.208.279.425
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		456.734.723	16.144.987.215
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VL11	76,12	2.421,75
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

PHẠM THỊ THÚY

Kế toán trưởng

PHẠM ĐỨC HIẾU

Chủ tịch HĐQT



PHAN TÂN BÌNH

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021  
(phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>				
- Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.178.624.821.019	1.180.496.909.460
- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(997.195.254.706)	(838.478.493.650)
- Tiền chi trả cho người lao động	03		(214.448.835.609)	(193.144.322.451)
- Tiền chi trả lãi vay	04		(11.436.500.060)	(15.410.687.844)
- Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.390.479.380)	(4.479.173.008)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.620.056.068	30.491.737.707
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(59.673.082.647)	(77.515.431.961)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(102.899.275.315)</b>	<b>81.960.538.253</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư</b>				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(3.937.890.000)	(5.533.540.355)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		66.727.500	-
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ các đơn vị khác	23		-	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		73.162.228	79.902.400
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3.798.000.272)</b>	<b>(5.453.637.955)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính</b>				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhập vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của các doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	VIL01	488.255.295.083	394.096.839.826
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VIL02	(414.010.775.242)	(461.596.728.901)
- Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.298.981.500)	(7.446.007.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính</b>	<b>40</b>		<b>67.945.538.341</b>	<b>(74.945.896.575)</b>

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

(phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(38.751.737.246)	1.561.003.723
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		50.523.565.038	48.971.534.353
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		54.913.929	(8.973.038)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.01	11.826.741.721	50.523.565.038

Người lập biểu

PHẠM THỊ THÚY

Kế toán trưởng

PHẠM ĐỨC HIẾU

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xích lip Đông Anh (gọi tắt là: Công ty) có quá trình hình thành và phát triển như sau: Công ty tiền thân là Xí nghiệp Xích lip xe đạp Hà Nội được thành lập theo quyết định số 222/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 17/07/1974.

Năm 2009, Công ty hoàn thành công tác chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối. Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh theo Quyết định số 3267/QĐ-UBND ngày 01/07/2009 của UBND thành phố Hà Nội và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103040295 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 27/08/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 19/11/2014.

Tháng 4 năm 2017, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có văn bản số 1569/UBND-KT thông báo về việc thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Xích lip Đông Anh. Theo đó, Nhà nước sẽ thoái toàn bộ 3.600.000 cổ phần, tương ứng 36.000.000.000 đồng, chiếm 60% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Xích lip Đông Anh theo phương thức khớp lệnh trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Việc thoái toàn bộ phần vốn Nhà nước tại Công ty đã thực hiện xong trong tháng 9 năm 2017.

Địa chỉ của Công ty tại: Số 11, tổ 47, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng).

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp, tương đương 6.000.000 cổ phần.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Tấn Bình - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính: Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;

Ngành nghề kinh doanh đăng ký: Sản xuất các loại cầu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa bằng kim loại; Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm); Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại; Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (chính); Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu (Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn. Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại); Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động; Sản xuất lò nướng, lò luyện, lò nung; Sản xuất máy thông dụng khác (Chi tiết: Sản xuất dụng cụ đo, máy cầm tay tương tự, dụng cụ cơ khí chính xác (trừ quang học); Sản xuất thiết bị hàn không dùng điện); Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại; Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đầu (Chi tiết: Sản xuất xe cút kít, xe kéo tay, xe đẩy trong siêu thị, và tương tự); Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác (Chi tiết: Sửa chữa dây, đôn bẫy, buồm, mái che; Sửa chữa các túi để đựng phân bón và hoá chất); Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ

phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; (Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; máy móc, thiết bị khác sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác); Cho thuê xe có động cơ; Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác; Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); máy móc công nghiệp, thương mại và khoa học khác); Tư vấn, môi giới, đấu giá Bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Tư vấn, môi giới Bất động sản (trừ hoạt động tư vấn pháp luật về Bất động sản); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh); Đào tạo trung cấp.

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Công ty chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm tài chính 2021, giá đầu vào nguyên vật liệu chính của ngành là thép tăng cao trong khi giá đầu ra không thay đổi. Bên cạnh đó chi phí liên quan đến ứng phó với dịch Covid 19 lớn làm ảnh hưởng không nhỏ tới kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban điều hành đã tìm các giải pháp tích cực hướng tới bình ổn quá trình sản xuất trong năm 2021 để cải thiện kết quả kinh doanh như đàm phán tăng giá bán, nhập trước nguyên vật liệu để bình ổn giá thành sản xuất.

#### 6. Cấu trúc doanh nghiệp:

- Danh sách các công ty con: Không có
- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:
  - + Công ty TNHH Lam Sơn (giao dịch liên kết);
  - + Công ty CP Thiết bị Công nghiệp Thalad Việt Nam (giao dịch liên kết);
  - + Công ty TNHH Linh Trung ES (giao dịch liên kết - thành viên góp vốn).
- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách phát nhân hạch toán phụ thuộc: Không có.

#### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo so sánh là báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh miền Bắc - Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Công cụ tài chính

*Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

*Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty sử dụng tỷ giá thực tế và tỷ giá ghi sổ trong việc hạch toán các giao dịch phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

*Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:*

- Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

*Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:*

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.
- Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính, các khoản mục có gốc tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá mua của Ngân hàng giao dịch. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào kết quả kinh doanh thông qua hạch toán trên tài khoản doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại

thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa của niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

#### 5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các chế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:



Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 7. Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình:

(i) Nguyên giá của TSCĐ hữu hình bao gồm: Bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: Chi phí chuẩn bị mặt bằng; Chi phí vận chuyển và bốc xếp ban đầu; Chi phí lắp đặt, chạy thử (trừ (-) các khoản thu hồi về sản phẩm, phế liệu do chạy thử); Chi phí chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác; Các trường hợp cụ thể khác được xác định theo quy định tại Chuẩn mực số 03 - Tài sản cố định hữu hình;

Tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ hữu hình được xác định trong từng trường hợp cụ thể theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 03 và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình:

(ii) Nguyên giá của TSCĐ vô hình bao gồm: Giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng theo dự tính; các trường hợp cụ thể khác được xác định theo quy định tại Chuẩn mực số 04 - Tài sản cố định vô hình;

Tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình được xác định trong từng trường hợp cụ thể theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 04 và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

(iii) Phương pháp khấu hao tài sản cố định

Khấu hao TSCĐ hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	3 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	6 - 30 năm
- Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm

## 8. Chi phí trả trước

Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước: Chi phí trả trước là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Các khoản chi phí trả trước được phân bổ vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 3 năm.

Chi phí trả trước bao gồm:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh và liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước;

Chi phí trả trước dài hạn: Là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh và liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước.

**9. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

**10. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Chi phí này còn phản ánh cả các khoản phải trả cho người lao động trong kỳ như phải trả về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước, như:

- Chi phí trong thời gian doanh nghiệp ngừng sản xuất theo mùa, vụ có thể xây dựng được kế hoạch ngừng sản xuất. Kế toán tiến hành tính trước và hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ những chi phí sẽ phải chi trong thời gian ngừng sản xuất, kinh doanh.

- Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả trong trường hợp vay trả lãi sau, lãi trái phiếu trả sau (khi trái phiếu đáo hạn).

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả: Chi phí phải trả được phân loại, ghi nhận như sau:

Giá trị các khoản nợ còn phải trả do đã nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa có hóa đơn hoặc các khoản chi phí của kỳ báo cáo chưa có đủ hồ sơ, tài liệu nhưng chắc chắn sẽ phát sinh cần phải được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh và sẽ phải thanh toán trong vòng 12 tháng hoặc trong chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tiếp theo tại thời điểm báo cáo, như trích trước tiền lương nghỉ phép, lãi vay phải trả... được ghi nhận là khoản phải trả ngắn hạn;

Giá trị các khoản nợ còn phải trả do đã nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa có hóa đơn hoặc các khoản chi phí của kỳ báo cáo chưa có đủ hồ sơ, tài liệu nhưng chắc chắn sẽ phát sinh cần phải được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh và chỉ phải thanh toán sau 12 tháng hoặc sau chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tiếp theo tại thời điểm báo cáo, như lãi vay phải trả của kỳ báo cáo nhưng chỉ phải thanh toán khi hợp đồng vay dài hạn đáo hạn... được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

theo phương thức thực hiện quyền mua

Đối tượng chào bán:

Cổ đông hiện hữu của Công ty có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm

Tỷ lệ thực hiện quyền:

10:9 (01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua, 10 quyền mua được mua 09 cổ phiếu mới)

Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

*Vi dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu, cổ đông A sở hữu 125 cổ phần, tương ứng với 125 quyền mua. Số lượng cổ phiếu cổ đông A được mua thêm trong đợt chào bán là:  $125 \times 9/10 = 112,5$  cổ phiếu, làm tròn xuống hàng đơn vị là 112 cổ phiếu.*

*Như vậy cổ đông A được mua 112 cổ phiếu chào bán thêm.*

Nguyên tắc xác định giá chào bán:

Căn cứ theo giá trị sổ sách và giá trị thị trường của cổ phiếu DFC, cụ thể:

- Giá trị sổ sách cổ phiếu DFC tại thời điểm 31/12/2020 trên BCTC năm 2020 đã được kiểm toán là:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ} & & & \text{Vốn chủ sở hữu} \\ \text{sách của cổ} & = & & \text{Số lượng cổ phiếu đang lưu} \\ \text{phiếu} & & & \text{hành} \\ & & & 155.614.078.144 \\ & = & & \text{-----} \\ & & & 6.000.000 \\ & = & & 25.936 \text{ đồng/cổ phiếu} \end{aligned}$$

- Giá trị thị trường của cổ phiếu DFC là giá đóng của bình quân tối thiểu 20 phiên gần nhất trên sàn UPCoM tại thời điểm HĐQT xây dựng tờ trình ĐHĐCĐ (từ ngày 28/09/2021 đến ngày 25/10/2021) là 26.360 đồng/cổ phiếu.

Tuy nhiên, đây là đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, để bảo vệ lợi ích của cổ đông và nâng cao tỷ lệ chào bán thành công của đợt chào bán, đảm bảo nguồn vốn và kế hoạch sử dụng vốn, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua mức giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Giá chào bán:

10.000 đồng/cổ phiếu

Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu:

Cổ đông được phép chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác nhưng chỉ được chuyển nhượng 01 lần trong thời gian quy định. Người nhận chuyển nhượng

quyền mua không được chuyển nhượng quyền mua đó cho người thứ 3.

Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không chào bán hết:

Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu do các cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua hoặc chỉ mua một phần, cổ phiếu không chào bán hết sẽ được ủy quyền cho HĐQT thực hiện phân phối cho các đối tượng khác với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu).

Trường hợp cổ đông/nhà đầu tư mua cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không chào bán hết dẫn đến đạt hoặc vượt các tỷ lệ sở hữu theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 thì không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai. Cổ đông/ Nhà đầu tư phải công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu theo các quy định có liên quan.

Trường hợp hết hạn phân phối theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa chào bán hết thì số lượng cổ phiếu này được hủy và HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán. Trường hợp này, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh phương án sử dụng vốn và/hoặc cân đối các nguồn khác để không ảnh hưởng đến mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

Hạn chế chuyển nhượng:

- Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền (kể cả cổ phiếu chào bán cho người được cổ đông chuyển nhượng quyền mua) được tự do chuyển nhượng.

- Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh và không chào bán hết được HĐQT phân phối cho các đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

Thời gian thực hiện dự kiến:

Dự kiến trong Quý I, II/2022, sau khi được chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

Ủy quyền cho HĐQT xây dựng phương án đảm bảo việc chào bán đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty.

Đăng ký chứng khoán, đăng ký giao dịch bổ sung

Số lượng cổ phiếu chào bán thêm sẽ được đăng ký chứng khoán và đăng ký giao dịch bổ sung sau khi kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định hiện hành.

### 3. Mức độ rủi ro pha loãng sau đợt chào bán

Khi chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, có thể xuất hiện rủi ro pha loãng bao gồm:

- Pha loãng Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần:

$$\text{Thu nhập cơ bản trên mỗi CP (EPS)} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Số lượng CP đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Sau đợt chào bán, số lượng CP đang lưu hành của Công ty tăng lên có thể làm giảm EPS nếu tốc độ tăng lợi nhuận thấp hơn tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu.

- **Pha loãng Giá trị sổ sách:**

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu (BV)} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, BV có thể bị ảnh hưởng nếu giá chào bán thấp hơn giá trị sổ sách của cổ phiếu tại thời điểm chào bán.

- **Pha loãng giá cổ phiếu:**

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu, giá của cổ phiếu được điều chỉnh theo công thức:

$$\text{Giá thị trường} = \frac{\text{Pr}(t-1) + I * \text{Pr}}{1 + I}$$

Trong đó:

Pr(t-1): Giá giao dịch cổ phiếu tại ngày giao dịch trước ngày giao dịch không hưởng quyền

Pr: Giá chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu

I: Tỷ lệ vốn tăng

- **Pha loãng về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết**

Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt chào bán này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua).

**II. MỤC ĐÍCH VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VỐN**

Số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, tăng cường năng lực tài chính và nâng cao khả năng cạnh tranh, cụ thể:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền sử dụng
1	Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty	24.000.000.000
2	Tái cơ cấu lại các khoản nợ vay nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho công ty	30.000.000.000

<b>Tổng cộng</b>	<b>54.000.000.000</b>
------------------	-----------------------

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch sử dụng vốn chi tiết tùy vào tình hình thực tế tại thời điểm chào bán cổ phiếu. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo với cổ đông tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

### III. CÁC NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan đến đợt chào bán như sau:

- Xây dựng phương án chào bán cổ phiếu chi tiết để trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền;
- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- Lựa chọn thời điểm chào bán phù hợp với nhu cầu của Công ty trên cơ sở đảm bảo tuân quy định của pháp luật;
- Lựa chọn đơn vị tư vấn chào bán, đơn vị bảo lãnh chào bán (nếu xét thấy cần thiết)
- Bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi phương án phát hành (nếu thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước) đảm bảo việc phát hành cổ phiếu được thực hiện hợp pháp, đảm bảo hoàn thành việc tăng vốn đúng theo kế hoạch sử dụng vốn đã xây dựng.
- Chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành. Trong trường hợp cần điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, HĐQT thực hiện điều chỉnh và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty cổ phần Xích Líp Đông An các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu và thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tại cơ quan có thẩm quyền ghi nhận số vốn điều lệ thực tế sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu;
- Thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết để đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung trên Sở giao dịch chứng khoán;
- Thực hiện các công việc, thủ tục khác mà Hội đồng Quản trị thấy cần thiết để hoàn tất việc phát hành theo phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phê duyệt nêu trên.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

**Trân trọng cảm ơn !**

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- TV Hội đồng quản trị;
- TV Ban Kiểm soát;
- UBCKNN, Sở Giao dịch;
- Lưu VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Phan Tấn Bình**

Số: 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ

Đông Anh, ngày 26 tháng 4 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022  
CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP ĐÔNG ANH**

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 23 tháng 11 năm 2021;
- Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1:** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua các nội dung sau:

1.1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị công ty cổ phần Xích Lip Đông Anh trình tại Đại hội đồng cổ đông với mục tiêu sản xuất kinh doanh chính năm 2022 như sau:

- Kế hoạch tổng doanh thu toàn Công ty dự kiến: 1.119 tỷ đồng
- Kế hoạch lợi nhuận sau thuế toàn Công ty dự kiến: 6,4 tỷ đồng

1.2. Thông qua Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, mục tiêu, nhiệm vụ năm 2022.

1.3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình tại Đại hội đồng cổ đông.

1.4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán lập ngày 28/03/2022

1.5. Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022: **Công ty TNHH Kiểm toán TTP- Chi nhánh miền Bắc.**

1.6. Thông qua tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2021, kế hoạch chi trả cổ tức và trích lập các quỹ: Lợi nhuận đạt được năm 2021 là 456.734.723 đồng sẽ không trích lập các quỹ và chia cổ tức mà để lại ở tài khoản 421 "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối"

1.7. Thông qua Tờ trình thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022.

\* Thù lao Hội đồng quản trị:

- Thù lao của Chủ tịch HĐQT là: 8.000.000 đồng/tháng
- Thù lao của thành viên HĐQT là: 5.000.000 đồng/người/tháng

\* Thù lao của Ban kiểm soát:

- Thù lao của Trưởng Ban kiểm soát là: 3.000.000 đồng/tháng
- Thù lao của Kiểm soát viên là: 1.500.000 đồng/người/tháng

1.8. Thông qua sửa đổi điều lệ Công ty như nêu trong tờ trình tại Đại hội.

**Điều 2:** Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn văn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 26/04/2022. Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các phòng, ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA - CHỦ TỊCH HĐQT**



**Phan Tấn Bình**

**BIÊN BẢN**  
**HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP ĐÔNG ANH**

Hôm nay, vào lúc 08h15' ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường tầng 3 - Nhà văn phòng - Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh, địa chỉ: Số 11 - Tổ 47 Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội đã diễn ra Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh.

**I - PHẦN NGHI THỨC VÀ THỦ TỤC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI**

**1. Thành phần tham dự Đại hội gồm:**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành, cổ đông của công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh và đại diện ủy quyền tham dự Đại hội theo danh sách đăng ký chi tiết đính kèm.

**2. Kiểm tra tư cách cổ đông và điều kiện tiến hành Đại hội.**

\* Ông Đào Mạnh Tùng, thay mặt Ban tổ chức đọc Quyết định triệu tập Đại hội, Quyết định thành lập Ban thẩm tra tư cách cổ đông gồm:

- |                          |                      |            |
|--------------------------|----------------------|------------|
| 1. Bà Trần Thị Việt Hằng | Trưởng ban Kiểm soát | Trưởng ban |
| 2. Bà Đặng Thúy Luyến    | Trưởng Phòng KTSX    | Ủy viên    |
| 3. Bà Nguyễn Thị Mùi     | Phó Quản đốc PXCKM   | Ủy viên    |

\* Ông Đào Mạnh Tùng giới thiệu danh sách Chủ tọa Đại hội gồm:

- |                         |                              |
|-------------------------|------------------------------|
| 1. Ông Phan Tấn Bình    | Chủ tịch Hội đồng quản trị   |
| 2. Ông Phùng Quang Hải  | Thành viên Hội đồng quản trị |
| 3. Ông Nguyễn Minh Tuấn | Thành viên Hội đồng quản trị |

**Ban thư ký được Chủ tọa Đại hội cử gồm:**

- |                       |                      |
|-----------------------|----------------------|
| 1. Ông Nguyễn Bình An | Trưởng Phòng TCHC    |
| 2. Bà Phùng Thị Loan  | Nhân viên Phòng TCHC |

Danh sách Thư ký được biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng hình thức giơ phiếu với tỷ lệ biểu quyết như sau:

- |                 |   |       |
|-----------------|---|-------|
| Tán thành       | : | 100 % |
| Không tán thành | : | 0 %   |
| Không có ý kiến | : | 0 %   |



## **Ban kiểm phiếu biểu quyết được Chủ tọa Đại hội cử gồm:**

1. Bà Nguyễn Thu Hà Nhân viên Phòng TCHC - Trưởng ban
- 2 Bà Hồ Minh Yến Nhân viên Phòng TCHC - Ủy viên

Danh sách Ban kiểm phiếu được biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng hình thức giơ phiếu với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Tán thành : 100 %  
Không tán thành : 0 %  
Không có ý kiến : 0 %

## **II- NỘI DUNG ĐẠI HỘI**

1. Bà Trần Thị Việt Hằng - Trưởng ban thẩm tra tư cách cổ đông trình bày biên bản kiểm tra tư cách cổ đông. Cụ thể như sau:

- Tổng số cổ phần của Công ty: 6.000.000 cổ phần
- Tổng số cổ đông và đại diện được ủy quyền tham dự đại hội: 24 người, đại diện cho 5.029.000 cổ phần chiếm 83,8% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông được biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng hình thức giơ phiếu với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Tán thành : 100 %  
Không tán thành : 0 %  
Không có ý kiến : 0 %

Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của công ty cổ phần Xích Líp Đông Anh là hợp pháp và đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

2. Ông Nguyễn Minh Tuấn - Thay mặt Chủ tọa thông qua chương trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 gồm:

- Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội.
- Đọc Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của công ty.
- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2022 của Ban điều hành;
- Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022;
- Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022
- Đọc Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022;
- Đọc báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021;
- Đọc Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2021, chi trả cổ tức và trích lập các quỹ.
- Đọc Tờ trình thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021.
- Tờ trình sửa đổi điều lệ Công ty.

Nội dung chương trình được biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng hình thức giơ phiếu với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Tán thành : 100 %

Không tán thành : 0 %

Không có ý kiến : 0 %

3. Ông Nguyễn Minh Tuấn - thay mặt Chủ tọa trình bày Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của công ty.

Quy chế tổ chức Đại hội được biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng hình thức giơ phiếu với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Tán thành : 100 %

Không tán thành : 0 %

Không có ý kiến : 0 %

4. Ông Phùng Quang Hải - Tổng Giám đốc, thay mặt Ban điều hành đọc báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2022.

5. Ông Phan Tấn Bình - Chủ tịch Hội đồng quản trị, thay mặt Hội đồng quản trị đọc Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 của Hội đồng Quản trị công ty.

6. Bà Trần Thị Việt Hằng - Trưởng Ban kiểm soát trình bày các nội dung sau:

- Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022.

- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.

7. Ông Phạm Đức Hiếu - Kế toán trưởng trình bày những nội dung sau:

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021.

- Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2021, chi trả cổ tức và trích lập các quỹ.

- Tờ trình thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2022.

8. Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Thư ký HĐQT đọc tờ trình sửa đổi điều lệ Công ty.

9. Ông Phùng Quang Hải, thay mặt Chủ tọa biểu quyết các vấn đề của Đại hội.

Các vấn đề của Đại hội được biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng hình thức giơ phiếu với tỷ lệ biểu quyết từng nội dung cụ thể như sau:

TT	Nội dung biểu quyết	Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết tán thành	Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết không tán thành	Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết không có ý kiến
1	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2022 của Ban điều hành.	100%	0 %	0 %
2	Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty.	100%	0 %	0 %

TT	Nội dung biểu quyết	Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết tán thành	Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết không tán thành	Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết không có ý kiến
3	Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban kiểm soát	100%	0 %	0 %
4	Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022	100%	0 %	0 %
5	Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021	100%	0 %	0 %
6	Phân phối lợi nhuận năm 2021, chi trả cổ tức và trích lập các quỹ.	100%	0 %	0 %
7	Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2022	100%	0 %	0 %
8	Sửa đổi điều lệ Công ty	100%	0 %	0 %

### III. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT, BIÊN BẢN CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022 VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI.

Ông Nguyễn Bình An thay mặt Ban Thư ký đọc Nghị quyết và Biên bản cuộc họp.

Đại hội biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 với tỷ lệ tán thành là 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 với tỷ lệ tán thành là 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Ông Đào Mạnh Tùng bế mạc Đại hội.

Đại hội kết thúc vào hồi 10 giờ 35 phút cùng ngày.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Nguyễn Bình An



Phan Tấn Bình

Đông Anh, ngày 30 tháng 3 năm 2022

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT  
KINH DOANH NĂM 2021, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM 2022**  
**PHẦN THỨ NHẤT**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021**

Năm 2021, là năm nền kinh tế thế giới và Việt Nam tiếp tục chịu những ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19, đây cũng là nguyên nhân chính dẫn tới giảm sút về sản xuất và doanh thu. Trước tình hình đó, HĐQT, Ban điều hành Công ty cùng với các tổ chức đoàn thể đã tập trung lãnh chỉ đạo thực hiện các biện pháp ưu tiên việc phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn, sức khỏe cho người lao động và tập trung tối đa cho SXKD.

**1- ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

- Dịch bệnh Covid-19 khiến các khách hàng liên tục cắt giảm hoặc điều chỉnh đơn hàng, ảnh hưởng đến sản xuất của Công ty và thu nhập của người lao động.

- Các chính sách của Nhà nước liên quan đến phòng chống dịch Covid-19 thay đổi liên tục, từ phong tỏa đến thích ứng linh hoạt khiến việc bố trí sản xuất của Công ty luôn ở trạng thái bị động. Các chi phí phát sinh cho phòng chống dịch bệnh gia tăng khiến Công ty gặp nhiều khó khăn.

- Giá cả vật tư, nguyên nhiên vật liệu biến động mạnh, tăng giá cao, việc cung ứng chậm chễ do dịch bệnh gây ảnh hưởng đến SXKD.

- Số lượng sản phẩm chế thử nhiều, thời gian ngắn dẫn đến khó khăn trong quản lý sản xuất. Một số sản phẩm vẫn còn vướng mắc về công nghệ trong quá trình đưa vào sản xuất loạt, phải tạm chấp nhận giao hàng.

- Đầu ra sản phẩm của Công ty gặp nhiều khó khăn, đơn hàng có nhiều biến động dẫn đến sản xuất khó tăng trưởng.

- Công ty tiếp tục thực hiện việc tái cấu trúc lại toàn Công ty đặc biệt là đội ngũ quản lý công tác chất lượng sản phẩm PQC để nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng sản phẩm.

**2- KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH:**

**- Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:**

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2021	So với kế hoạch 2021 (%)	So với năm 2020 (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1072	99,2	102
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,1	6	5,4
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,4	6	2,8
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	20,8	56,2	56,9
5	Thu nhập bình quân người/tháng	Triệu đồng	10,5	100	100

TT	Các chỉ tiêu	DVT	Thực hiện 2021	So với kế hoạch 2021 (%)	So với năm 2020 (%)
6	Số lao động	Người	1347	97,4%	96,3

Về thực hiện các mục tiêu KPI: có 69/120 chỉ tiêu có kết quả thực hiện đạt mục tiêu đề ra. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu quan trọng như sau:

- Năng suất lao động: tăng 10% so với 2020, đạt mục tiêu.
- Tỷ lệ sai hỏng sản phẩm: giảm 8% so với 2020, không đạt mục tiêu.
- Tiêu hao điện năng (KW/1 nghìn đồng doanh thu): tăng 6,6% so với 2020, không đạt mục tiêu.
- Tỷ lệ chi phí vật tư chính/doanh thu: tăng 2,7% so với 2020, không đạt mục tiêu.

### 2.1- Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và chế tạo, quản lý thiết bị

Năm 2021, công tác đầu tư đã được triển khai theo đúng chủ trương “thực sự cần thiết”. Tổng giá trị đầu tư thiết bị là 2,983 tỷ (giảm 47,67% so với năm 2020). Công ty chỉ đầu tư bổ sung 02 máy đập 300T tại PXRĐ. Đây mạnh việc tự chế tạo 09 thiết bị phục vụ sản xuất (vượt 50% mục tiêu năm).

Trong năm, Công ty tạm dừng triển khai các hạng mục đầu tư xây dựng cơ bản mà chỉ thực hiện các công việc liên quan đến bàn giao mặt bằng làm đường giao thông cho UBND Huyện: xây tường rào, văn phòng bảo vệ, hệ thống cống thoát nước... Đồng thời bám sát và đôn đốc các công việc duy tu, bảo dưỡng nhà xưởng.

Tổng giá trị đầu tư xây dựng cơ bản: 0,779 tỷ đồng (giảm 25,4 % so với năm 2020). Chi phí phục vụ duy tu, bảo dưỡng nhà xưởng là: 1,585 tỷ đồng (giảm 24,2% so với năm 2020).

Thời điểm kế hoạch giảm, cũng là thời điểm thích hợp để Công ty thực hiện tổ chức, sắp xếp lại dây chuyền sản xuất nhằm tiết kiệm thời gian luân chuyển, vật tư và chi phí. Trong năm đã thực hiện di chuyển và sắp xếp lại 223 thiết bị, tiết kiệm không gian sản xuất, dành ra được 1 nhà xưởng 3000m<sup>2</sup> sau khi sáp nhập PX Xích và giải thể PX Líp để sẵn sàng mở rộng sản xuất.

### 2.2- Công tác kế hoạch - điều hành sản xuất:

Công tác kế hoạch sản xuất thực hiện tương đối tốt trong 2 năm trở lại đây với tỷ lệ bình quân hoàn thành kế hoạch đạt 101%.

Do ảnh hưởng của Covid-19, đặc biệt từ cuối tháng 8 đến tháng 10 khách hàng giảm đơn hàng vì giãn cách xã hội, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty tụt giảm mạnh, Công ty phải thực hiện sản xuất 3 tại chỗ để đảm bảo giao hàng cho khách hàng. Đến tháng 11, 12 sản xuất tăng cao, tuy nhiên, khách hàng thay đổi đơn hàng liên tục do xuất hiện những ca nhiễm Covid-19, phải điều chỉnh lại dây chuyền sản xuất dẫn đến chủng loại sản phẩm, model sản xuất thay đổi liên tục, đột ngột.

Một số khách hàng thường xuyên bổ sung đơn hàng dẫn đến việc bố trí sản xuất bị động, nhiều sản phẩm đòi hỏi độ chính xác cao và chất lượng nghiêm ngặt phải làm lại nhiều lần. Nhiều khách hàng đặt hàng số lượng lớn, sau đó lại cắt giảm làm ảnh hưởng đến sản xuất và tồn kho của công ty.

Bên cạnh đó Ban điều hành chủ động xây dựng các phương án ứng phó với các tình huống phòng chống dịch để giảm thiểu tối đa ảnh hưởng tới SXKD của Công ty và giao hàng cho khách hàng.

### **2.3- Công tác chế thử sản phẩm và đưa vào sản xuất loạt:**

Trong năm 2021 đã triển khai chế thử 193 cụm sản phẩm (tăng 2% so với năm 2020), đưa vào sản xuất loạt 104 sản phẩm (giảm 30% so với năm 2020). Sản phẩm chế thử chủ yếu hướng đến thị trường xuất khẩu và sản phẩm ô tô đòi hỏi đáp ứng yêu cầu chất lượng cao, tiến độ chính xác đặc biệt về thiết kế gá, jig kiểm. Đặc biệt, số lượng sản phẩm ô tô chế thử tăng 13 sản phẩm, dự kiến số lượng sản phẩm ô tô sẽ tăng trong thời gian tới.

Đối với các sản phẩm ngoài xe máy, Công ty chế thử thành công 54 sản phẩm. Doanh thu từ những sản phẩm ngoài xe máy đạt 47,32 tỷ tăng 7,5% so với năm 2021.

### **2.4- Công tác sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, công nghệ:**

Năm 2021, số sáng kiến đạt 210 sáng kiến tăng 4,5% so với 2020. Giá trị làm lợi từ sáng kiến đạt 1,155 tỷ đồng tăng 5% so với mục tiêu năm 2020, giúp tiết kiệm vật tư, tăng năng suất lao động, giảm chi phí nhân công, giảm tỷ lệ sai hỏng sản phẩm...

Trong năm, đã triển khai 13 dự án, trong đó 08 dự án đã hoàn thành và 05 dự án tiếp tục triển khai trong năm 2022. Một số dự án trọng điểm tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả quản lý, tiết kiệm chi phí: “Máy tiện thủy lực cấp phối tự động”, “Layout sản xuất” bố trí máy móc thiết bị theo đường đi của sản phẩm, giảm thời gian/quãng đường vận chuyển; tồn kho công đoạn... “Tái chế dầu nhiệt luyện” giúp giảm chi phí dầu nhiệt luyện, nâng cao hiệu quả sử dụng dầu,...

### **2.5- Công tác quản lý chất lượng sản phẩm:**

Nhìn chung, công tác chất lượng sản phẩm của Công ty năm 2021 tích cực hơn năm 2020. Tuy nhiên, vẫn còn xuất hiện những tồn tại trong công tác quản lý chất lượng: các đơn vị chưa kiểm soát kỹ lưỡng trong việc xây dựng tiêu chuẩn công nghệ, thực hiện chưa đúng theo quy trình sản xuất. Công tác quản lý của PQC còn yếu, không kiểm soát hết được những thay đổi của chất lượng, không chuyển hóa được những yêu cầu từ khách hàng thành những biện pháp, hành động cụ thể trong Công ty. Hoạt động chất lượng chỉ tập trung vào thống kê số liệu mà chưa đưa ra được các chương trình, kế hoạch để nâng cao chất lượng, ngăn chặn và giảm lỗi chất lượng trong hệ thống. Đánh giá kết quả cụ thể: Tỷ lệ sai hỏng theo số lượng toàn công ty năm 2021: 0,226%; Thực tế đạt được 0,2283%, không đạt mục tiêu (cao hơn 1,02% so với mục tiêu và ít hơn 8,05% so với năm 2020).

Trong năm, Công ty đã thực hiện cơ cấu lại nhân sự PQC và luân chuyển toàn bộ lực lượng kiểm soát chất lượng sản phẩm tại công đoạn sản xuất từ các đơn vị về PQC quản lý để thuận lợi hơn trong kiểm soát chất lượng sản phẩm.

Hoạt động Công nhân chất lượng, Tổ chất lượng được củng cố, đi vào chiều sâu. Trong năm số lượng công nhân đạt danh hiệu “Công nhân chất lượng” tăng thêm 63 người và 3 tổ sản xuất được chứng nhận “Tổ chất lượng”.

### **2.6- Công tác quản lý tài chính:**

Năm 2021 là một năm đặc biệt khó khăn với Công ty, mặc dù ngay từ đầu năm, HĐQT đã nhận định được trước những khó khăn đó, đưa ra 1 số giải pháp như:

hoãn toàn bộ đầu tư trung, dài hạn, tập trung vốn phục vụ SXKD, đảm bảo chế độ người lao động và thanh toán nợ vay ngân hàng... Tuy nhiên chi phí phát sinh do dịch bệnh: sản xuất 3 tại chỗ, chi phí kit xét nghiệm Covid-19... và đặc biệt là giá sắt thép năm 2021 tăng quá cao từ 30% - 50% so với năm 2020. Do đó kết quả SXKD năm 2021 gần như không có lãi.

Tuy vậy, Công ty vẫn cố gắng đảm bảo đầy đủ chế độ cho người lao động, đảm bảo các khoản thanh toán nợ vay với ngân hàng.

## **2.7- Công tác quản lý Lao động - Tiền lương - Chế độ chính sách cho người lao động**

Công tác tái cấu trúc của Công ty được thực hiện nghiêm túc, khẩn trương. Trong năm, đã sáp nhập phân xưởng Xích vào phân xưởng PT6, giải thể PX Líp. Việc luân chuyển cán bộ cũng được thực hiện đồng bộ. Các cán bộ quản lý đã phát huy vai trò, năng lực của mình với nhiệm vụ mới để hỗ trợ Ban điều hành nhanh chóng ổn định sản xuất đối với các phân xưởng sau sáp nhập tránh ảnh hưởng đến tình hình SXKD của Công ty.

Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu của Công ty và thu nhập của CBCNV. Tuy nhiên, Công ty vẫn cố gắng đảm bảo việc làm cho hơn 1300 CBCNV với mức thu nhập bình quân hơn 10,5 triệu đồng/người/tháng; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, chế độ chính sách, phúc lợi đối với người lao động, đóng bảo hiểm xã hội cho 100% CBCNV.

Ban điều hành đã xây dựng các quy định linh hoạt về chế độ làm việc, chế độ hỗ trợ người lao động trong các tình huống phòng chống dịch để vừa đảm bảo đời sống việc làm cho CBCNV.

Linh hoạt trong việc bố trí thời gian lao động theo kế hoạch sản xuất hàng tháng, chủ động cân đối lao động giữa các đơn vị thừa năng lực hỗ trợ các đơn vị thiếu năng lực khi xảy ra tình trạng thiếu lao động cục bộ.

## **2.8- Công tác An toàn lao động, 5S - Đời sống - Phong trào:**

Công tác 5S được đẩy mạnh, đặc biệt là ý thức thực hiện 5S trong CBCNV được nâng cao. Hoạt động 5S có nhiều chuyển biến tích cực, rõ nét.

Năm 2021 công tác An toàn lao động thực hiện chưa tốt, tổng số vụ tai nạn lao động là 10 vụ (tăng 25% so với năm 2019: 8 vụ). Các vụ tai nạn tập trung tại các máy đột dập (9 vụ), dẫn đến ảnh hưởng tới sản xuất, thu nhập và tâm lý của người lao động. Mặc dù Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp như lắp đặt hệ thống cảm biến trên các thiết bị đột dập, đào tạo, hướng dẫn CBCNV, tuy nhiên kết quả không được như kỳ vọng. Tình hình tai nạn lao động diễn biến xấu ảnh hưởng nghiêm trọng đến công tác tuyên dụng lao động mới, đặc biệt là lao động làm công việc đột dập.

Trong năm, Công ty đã động viên, khen thưởng kịp thời cho 140 lượt tập thể, 4.278 lượt cá nhân có thành tích trong công tác với tổng số tiền 437 triệu đồng.

Công ty phát động các phong trào quyên góp, ủng hộ: quỹ phòng chống Covid theo chính sách quốc gia, hỗ trợ phòng chống dịch bệnh trên địa bàn huyện Đông Anh, tặng 28 suất quà cho CBCNV ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, hỗ trợ Công đoàn ngành Công thương Hà Nội tặng 70 suất quà cho người lao động... với tổng số tiền 267 triệu đồng.

## PHẦN THỨ HAI: MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM 2022

### 1- MỘT SỐ DỰ BÁO CHO NĂM 2022:

#### 1.1- Thuận lợi:

- Năm 2022 đơn hàng dự kiến của các khách hàng vẫn giữ được ở mức tương đương năm trước nhưng thêm một số đầu sản phẩm mới sản xuất loạt từ cuối năm 2021 nên khả năng tăng trưởng doanh thu tốt hơn.

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 trong nước và quốc tế từng bước được khống chế, nới lỏng, thích ứng linh hoạt, mở cửa nền kinh tế để chuyển dần về trạng thái bình thường mới.

- Công ty bắt đầu sản xuất sản phẩm ô tô cho Toyota Việt Nam, số lượng sản phẩm đặt hàng ngày càng nhiều, mở ra cơ hội tăng việc làm, tăng doanh thu cho công ty.

#### 1.2- Khó khăn:

- Tình hình lao động không ổn định do nhiễm Covid-19 gây khó khăn cho việc bố trí sản xuất.

- Giá các nguyên vật liệu sắt, thép, nikel, nhôm... có tăng mạnh và khan hiếm nguồn cung do ảnh hưởng của Covid-19 và xung đột giữa Nga và Ukraine.

- Các chi phí phát sinh cho phòng chống dịch vẫn ở mức cao.

- Đơn hàng của khách hàng thay đổi liên tục do nhu cầu xuất khẩu, nhiều sản phẩm tăng đột biến dẫn tới khó khăn trong việc chuẩn bị vật tư sản xuất.

- Một loạt các thiết bị quan trọng sau gần 20 năm khai thác đã xuống cấp nghiêm trọng, trong khi các sản phẩm mới có yêu cầu cao về chất lượng. Do vậy Công ty cần phải đầu tư mua bổ sung, thay thế, dẫn tới chi phí đầu tư sẽ tăng.

- Số sản phẩm ô tô đưa vào chế thử cũng như sản xuất loạt nhiều, yêu cầu chất lượng cao trong khi Công ty đang thiếu thiết bị và việc kiểm soát chất lượng phụ thuộc phần lớn vào kinh nghiệm của QC kiểm tra.

- Yêu cầu của khách hàng ngày càng khắt khe về chất lượng, thời gian giao hàng, đặc biệt là hàng xuất khẩu, các sản phẩm ô tô.

### 2- KẾ HOẠCH NĂM 2022:

Trước diễn biến khó lường về an ninh, chính trị trên thế giới, giá cả vật tư, nguyên, nhiên vật liệu tiếp tục duy trì ở mức cao và khan hiếm, là trở ngại cho sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban điều hành thống nhất đề ra các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1119
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6,4



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	21
5	Thu nhập BQ/người/tháng	Triệu đồng	10,5
6	Số lao động	Người	1334

- Năm 2022 Công ty lựa chọn chủ đề: **“Cùng nhau nỗ lực vượt qua thử thách”** với mong muốn tập thể CBCNV toàn công ty quyết tâm, đồng lòng vượt mọi thách thức, khó khăn, ổn định phát triển sản xuất và kinh doanh, duy trì việc làm và thu nhập cho người lao động, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Mục tiêu KPI đối với một số chỉ tiêu quan trọng như sau:

+ Năng suất lao động: tăng 5% so với 2021.

+ Tốc độ tăng trưởng sản phẩm ngoài xe máy: tăng 6% so với 2021.

+ Tỷ lệ sai hỏng sản phẩm: giảm 1% so với 2021.

### 2.1- Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và sửa chữa, chế tạo thiết bị, các dự án:

Tổng giá trị đầu tư năm 2022 là 41.56 tỷ, trong đó đầu tư máy móc, thiết bị: 34,6 tỷ đồng, đầu tư xây dựng cơ bản: 6,96 tỷ đồng. Cụ thể:

- Đầu tư cho các thiết bị nâng cao năng lực sản xuất các sản phẩm quan trọng: máy dập 1350T, máy khoan, máy phay, máy CNC...

- Đầu tư các thiết bị tạo cơ hội cho sản xuất kinh doanh những năm tiếp theo của Công ty, dự án trục rod, dự án nhà xưởng công nghệ cao.

- Đầu tư cho các trang bị phụ trợ đảm bảo an toàn lao động: Hệ thống cấp phối tự động, các hệ thống giảm nguy cơ mất an toàn của người lao động khi làm việc.

- Đầu tư xây dựng cơ bản như: cải tạo phòng họp tầng 2 nhà văn phòng, nhà truyền thống, vườn hoa trung tâm, san lấp mặt bằng, đường thoát nước ra khu vực đường phía trước Công ty.

- Công tác quản lý thiết bị sẽ thực hiện theo hướng chủ động và kịp thời không làm ảnh hưởng tới sản xuất, lập kế hoạch chăm sóc đặc biệt với các thiết bị quan trọng, tăng cường bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, bám sát công nghệ mới, sản phẩm thiếu năng lực để cải tiến và chế tạo thiết bị.

### 2.2- Công tác điều hành sản xuất - kỹ thuật công nghệ:

Trong năm 2022 Công ty tiếp tục đảm bảo 100% sản phẩm mới đưa vào sản xuất loạt được lập tiến độ chi tiết ngày.

Rà soát cải tiến công nghệ các sản phẩm còn vướng mắc chất lượng như các sản phẩm đang tạm chấp nhận giao hàng, các sản phẩm có nhiều công đoạn phát sinh (kiểm chọn, xử lý...) để bỏ bớt nguyên công.

Tích cực triển khai các cải tiến tiết kiệm chi phí, tiết kiệm vật tư...

Tiếp tục thực hiện dự án “Nâng cao năng lực kiểm soát kế hoạch sản xuất theo ngày, giờ” nhằm đảm bảo không có hàng giao chậm, giao thiếu, dự án “Nhiệt luyện khuôn, gá”, dự án “Trục rod” và dự án “Nâng cao năng lực sản xuất theo đặc tính thiết bị, công nghệ sản phẩm xử lý nhiệt” nhằm tiết kiệm chi phí điện và nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị.

Kịp thời xử lý các trường hợp thiếu, chậm vật tư do nhà cung cấp không đáp ứng kịp; các đơn hàng thay đổi thường xuyên.

### **2.3- Công tác chế thử sản phẩm:**

Năm 2022 dự kiến chế thử trên 100 sản phẩm mới, phần đầu 100% số sản phẩm chế thử đạt chất lượng để đưa vào sản xuất loạt.

### **2.4- Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật:**

Mục tiêu có trên 214 sáng kiến (tăng 2% so với năm 2021) với giá trị làm lợi đạt  $\geq 1,1$  tỷ đồng, tập trung cải tiến các sản phẩm có sai hỏng lớn, các sản phẩm đang vướng mắc về chất lượng, các hạng mục công việc có chi phí giá trị lớn để giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

### **2.5- Công tác chất lượng sản phẩm:**

- Xây dựng và triển khai kế hoạch để được cấp chứng chỉ chất lượng IATF 16949:2016 (hệ thống quản lý chất lượng sản xuất phụ tùng ô tô).

- Cùng cố hoạt động “Công nhân chất lượng”, “Tổ chất lượng”, cấp giấy chứng nhận chính thức cho 17 “Công nhân chất lượng” và 4 “Tổ chất lượng”.

- Phần đầu thực hiện đạt các mục tiêu về chất lượng: Giảm tỷ lệ sai hỏng sản phẩm theo số lượng toàn công ty năm 2022  $\leq 0,226\%$  (Giảm 1% so với 2021).

- Tiếp tục duy trì công tác thanh tra hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chí thanh tra, thanh tra theo chủ đề. Tiếp tục cải tiến công tác kiểm soát chất lượng trên các công đoạn sản xuất và kiểm tra sản phẩm trước khi giao hàng.

- Đánh giá, phân tích, triển khai các sản phẩm sai hỏng lớn, sản phẩm giai đoạn đầu sản xuất loạt để phối hợp PKTSX xem xét cải tiến.

- Phối hợp các đơn vị kiểm soát và theo dõi các chỉ tiêu KPI chất lượng: Giảm lỗi đền bù sản phẩm NG khách hàng khiếu nại; Giảm lỗi vi phạm thanh tra chất lượng; Giảm lỗi chậm đổi sách và lỗi đổi sách không có nguyên nhân gốc...

### **2.6- Công tác tài chính**

Năm 2022 được nhận định là 1 năm tiếp tục khó khăn, Công ty đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm đáp ứng vốn lưu động và vốn dài hạn phục vụ đầu tư nâng cao năng lực sản xuất cho Công ty:

- Thực hiện tăng vốn điều lệ theo nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường đúng tiến độ.

- Tìm nguồn vay vốn trung, dài hạn phục vụ đầu tư nâng cao năng lực sản xuất từ phía ngân hàng.

- Tận dụng sự hỗ trợ của nhà nước từ các chính sách ưu đãi về thuế, tiền thuê đất.

- Tiếp tục các biện pháp cải tiến, tiết kiệm nhằm giảm giá thành, giảm chi phí quản lý để nâng cao hơn nữa hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Hạn chế thấp nhất các khoản mục đầu tư ngoài kế hoạch.

### **2.7- Công tác Tổ chức Lao động - Tiền lương - Đào tạo nguồn nhân lực**

Đảm bảo việc làm và ổn định thu nhập cho CBCNV trong điều kiện tuyển dụng lao động khó khăn. Thực hiện đầy đủ các chế độ và cải tiến công tác nâng bậc, nâng lương đối với CBCNV.

Rà soát và sắp xếp lại lao động, đặc biệt là lao động hưởng lương thời gian để tiết kiệm chi phí, tăng hiệu quả làm việc. Sửa đổi các quy chế quản lý tiền lương đặc biệt là việc trả lương theo chất lượng, hiệu quả công tác.

Dự kiến năm 2022 tổng số lượt người được đào tạo là trên  $\geq 20.000$  lượt CBCNV, trong đó tập trung đào tạo đội ngũ cán bộ về việc thay đổi nhận thức, năng lực quản lý để đáp ứng tốt hơn yêu cầu của SXKD trong tình hình mới. Ngoài ra, cũng ưu tiên đào tạo nâng cao kỹ năng, tay nghề, an toàn khi vận hành thiết bị cho CBCNV đặc biệt là những lao động mới tuyển dụng, những lao động làm việc trong điều kiện nặng nhọc, nguy hiểm.

## **2.8- Công tác An toàn lao động - Đời sống - Phong trào:**

Xây dựng và thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu số vụ tai nạn lao động, tạo điều kiện yên tâm công tác cho công nhân đột dập.

Tập trung cải tiến, thay đổi chủng loại một số loại bảo hộ lao động để phù hợp với điều kiện làm việc của CBCNV; đảm bảo các quyền lợi, đời sống của CBCNV đặc biệt quan tâm đến những CBCNV có hoàn cảnh khó khăn.

Thực hiện tiêu chuẩn hóa bằng hình ảnh các hướng dẫn, quy trình sản xuất, siết chặt kỷ luật 5S, đặc biệt trong vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị, đẩy mạnh các biện pháp đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ.

*Ban điều hành xin chân thành cảm ơn sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của HĐQT và sự ủng hộ của các cổ đông. Để hoàn thành các công tác, kế hoạch năm 2022, chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của HĐQT, BKS, quý cổ đông và đặc biệt sự đoàn kết nỗ lực hơn nữa của toàn thể CBCNV.*

*Xin trân trọng cảm ơn!*

**TM BAN ĐIỀU HÀNH  
TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**



**Phùng Quang Hải**

*Đông Anh, ngày 15 tháng 3 năm 2022*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LIP ĐÔNG ANH  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

**I. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021**

**1. Đặc điểm tình hình:**

Năm 2021 Hội đồng quản trị điều hành Công ty trong bối cảnh ngày càng nhiều khó khăn, thách thức: tình hình đại dịch covid-19 diễn biến phức tạp tiếp tục tác động xấu đến nền kinh tế và hoạt động thương mại quốc tế nói chung và Việt Nam nói riêng. Nhiều hoạt động kinh tế bị đình trệ, giá cả leo thang, thiếu hụt nhân công ..., giá một số loại vật tư, nguyên liệu đầu vào chủ yếu của Công ty như sắt, thép tăng đột biến 30-50%. Công ty phải ứng phó với tình trạng thiếu lao động, thiếu việc làm do việc phong tỏa, giãn cách xã hội để phòng chống dịch, tăng chi phí do thực hiện 3 tại chỗ, xét nghiệm covid-19 và hỗ trợ lương nghỉ việc cho CBCNV. Các yếu tố khách quan đó tác động rất lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm qua.

Trước tình đó, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã triển khai đầy đủ các nghị quyết của Đại hội cổ đông, linh hoạt, kịp thời trong các quyết định quản trị Công ty. HĐQT báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của HĐQT trong năm qua và định hướng hoạt động trong năm tới như sau:

**2. Hoạt động của HĐQT trong năm 2021**

HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2019 – 2024 được bầu tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 gồm 05 thành viên:

- |                        |                   |
|------------------------|-------------------|
| - Ông Phan Tấn Bình    | - Chủ tịch HĐQT   |
| - Ông Phùng Quang Hải  | - Thành viên HĐQT |
| - Ông Nguyễn Minh Tuấn | - Thành viên HĐQT |
| - Ông Phạm Đức Hiếu    | - Thành viên HĐQT |
| - Ông Bạch Quốc Trung  | - Thành viên HĐQT |

Ngày 25/10/2021 ông Bạch Quốc Trung có đơn xin từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT vì lý do cá nhân. Để đảm bảo hoạt động của HĐQT duy trì ổn định và phù hợp điều lệ Công ty, HĐQT đã phối hợp ban điều hành tổ chức Đại hội cổ đông bất

thường ngày 23/11/2021 và bầu bổ sung ông Nguyễn Hữu Thắng làm thành viên HĐQT thay ông Bạch Quốc Trung.

Trong năm 2021, thực hiện các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, HĐQT Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh đã họp 06 phiên trong năm để nắm bắt tình hình, kịp thời đưa ra các định hướng, giải quyết các vấn đề phát sinh và chỉ đạo thực hiện các Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên và bất thường năm 2021.

Ngoài các phiên họp trên, do tình hình biến động xấu của dịch bệnh và thị trường trong năm, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành giải quyết các vấn đề có liên quan đến định hướng lớn về quản trị doanh nghiệp, linh hoạt trong đối sách phòng chống dịch bệnh, đầu tư phục vụ SXKD theo thẩm quyền, đồng thời chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc thực thi các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, đẩy mạnh việc quản trị theo mục tiêu KPI... yêu cầu Ban điều hành kiểm soát chặt chẽ hoạt động tài chính và tiết kiệm chi phí trong điều kiện kinh tế hết sức khó khăn để bảo toàn vốn, giảm thiểu tối đa ảnh hưởng đến quyền lợi của cổ đông. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ công tác kiểm toán hàng năm.

Về phương án mở rộng mặt bằng Công ty: HĐQT đang tiếp tục làm việc với các cơ quan, ban ngành của Huyện Đông Anh, Xã Nguyên Khê, xã Xuân Nộn về phương án xin mở rộng mặt bằng Công ty và nhận được sự đồng thuận, nhất trí về chủ trương, quy hoạch hoàn toàn phù hợp với sự phát triển trong tương lai của địa phương.

Trong năm 2021, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao theo phân công nhiệm vụ, cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty trong việc lập và thực hiện các chương trình công tác năm; phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT, tổ chức họp thường kỳ, ban hành các Nghị quyết, quản lý và giám sát Ban điều hành thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, giao nhiệm vụ cho các đơn vị phát huy chức năng tham mưu, tư vấn cho HĐQT đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền;

- Thành viên HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ theo phân công của HĐQT, có những đóng góp tích cực trong quá trình hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ của Công ty.

### **3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành**

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát hoạt động của ban điều hành thông qua việc:

- Theo dõi kết quả thực hiện các chỉ tiêu KPI quan trọng trong năm.

- Phối hợp với Ban kiểm soát nắm bắt tình hình Công ty để có những can thiệp, chỉ đạo kịp thời giúp Ban điều hành hoàn thành tốt mục tiêu được giao.

- Trong năm, trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 gây ra hàng loạt khó khăn trong sản xuất kinh doanh, Ban điều hành đã kịp thời triển khai các biện pháp ứng phó linh hoạt để duy trì ổn định SXKD, bố trí lao động, sản xuất hợp lý nhằm tiết kiệm chi phí, hạn chế để dịch bệnh lây lan trong Công ty đảm bảo an toàn, sức khỏe cho người lao động.

- Thực hiện việc sắp xếp, cơ cấu lại bộ máy sản xuất, lao động để tiết kiệm chi phí.

- Ban điều hành đã tuân thủ nghiêm túc các qui định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị.

#### **4. Thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị**

Căn cứ vào ngân sách thù lao mà Đại hội cổ đông thường niên 2021 phê duyệt, tình hình chi trả thù lao đối với thành viên Hội đồng quản trị như sau:

<b>TT</b>	<b>Họ tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Thù lao/tháng (VNĐ)</b>	<b>Tổng thù lao (VNĐ)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	<b>Ông Phan Tấn Bình</b>	Chủ tịch HĐQT	8.000.000	96.000.000	
2	<b>Ông Phùng Quang Hải</b>	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	5.000.000	60.000.000	
3	<b>Ông Nguyễn Minh Tuấn</b>	Thành viên HĐQT, Trưởng Phòng Kinh doanh	5.000.000	60.000.000	
4	<b>Ông Phạm Đức Hiếu</b>	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng	5.000.000	60.000.000	
5	<b>Ông Bạch Quốc Trung</b>	Thành viên HĐQT	5.000.000	55.000.000	11 tháng
6	<b>Ông Nguyễn Hữu Thắng</b>	Thành viên HĐQT	5.000.000	5.000.000	01 tháng
	<b>Tổng cộng:</b>			<b>336.000.000</b>	

#### **5. Kết quả thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông năm 2021:**

Ngay từ đầu năm, HĐQT đã nhận định Công ty phải đối mặt với những khó khăn, thách thức khách quan rất lớn nên đã điều chỉnh giảm mục tiêu tài chính so với các năm trước. Tuy nhiên, trước hàng loạt các khó khăn phát sinh đã ảnh hưởng

nghiêm trọng đến kết quả SXKD của Công ty. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quan trọng theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	So với kế hoạch năm 2021 (%)	So với năm 2020 (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.072	99,2	102
2	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	20,8	56,2	56,9
	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,1	6	5,4
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,4	6	2,8
4	Thu nhập bình quân người/tháng	Triệu đồng	10,5	100	100
5	Số lao động	Người	1.347	97,4	96,3

- Về Công tác đầu tư: do ảnh hưởng dịch bệnh nên phần lớn hạng mục đầu tư trong năm phải tạm dừng, Công ty chỉ đầu tư các hạng mục thực sự cần thiết. Chi phí cụ thể như sau:

+ Đầu tư xây dựng cơ bản 0,779 tỉ đồng (giảm 88,4% so với kế hoạch năm)

+ Đầu tư mua bổ sung một số thiết bị thiết yếu phục vụ sản xuất với chi phí 2,983 tỷ đồng (giảm 85,7% so với kế hoạch năm).

- Về lộ trình tăng vốn điều lệ để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và tái cơ cấu các khoản nợ vay nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho công ty theo nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường ngày 23/11/2021, HĐQT đang triển khai các thủ tục theo tiến độ với mục tiêu hoàn thành trong tháng 7/2022.

- Về nghị quyết mở rộng ngành nghề kinh doanh ở lĩnh vực kinh doanh bất động sản theo nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường ngày 23/11/2021, Công ty đã hoàn thành toàn bộ các thủ tục cần thiết theo yêu cầu của pháp luật sẵn sàng cho việc nắm bắt kịp thời khi có cơ hội, đáp ứng các điều kiện để khai thác tối đa mọi cơ hội kinh doanh đem lại hiệu quả kinh doanh cao nhất cho Công ty và cổ đông.

## II. Phương hướng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị năm 2022:

### 1. Đặc điểm tình hình:

#### 1.1 Thuận lợi

- Hội đồng quản trị nhận được sự đồng thuận, ủng hộ của các cổ đông. Công ty có được sự đoàn kết, thống nhất từ HĐQT, Ban điều hành và CBCNV.

- Công ty phát triển được một số khách hàng để sản xuất mặt hàng ngoài xe máy, mở ra triển vọng tăng doanh thu, giảm bớt sự phụ thuộc vào các sản phẩm xe máy.

- Chính phủ thay đổi chính sách ứng phó an toàn với dịch bệnh theo hướng chung sống an toàn với dịch bệnh, khôi phục, thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh tế, xã hội tạo bước đầu điều kiện cho sản xuất kinh doanh của Công ty phục hồi.

## 1.2 Khó khăn

- Dịch bệnh covid 19 lan rộng và diễn biến khó lường tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp. Tỷ lệ CBCNV nhiễm vi rút (F0) phải nghỉ việc tăng cao gây thiếu lao động trầm trọng ngay từ các tháng đầu năm 2022.

- Tình hình chính trị thế giới bất ổn, chiến tranh Nga Ucraina khiến giá xăng dầu và nhiều nguồn nguyên vật liệu khác (nikel, nhôm ...) tăng cao đột biến tác động xấu đến hoạt động thương mại trên toàn thế giới, ảnh hưởng đến các yếu tố đầu vào của Công ty.

- Năng lực cạnh tranh của Công ty về giá cả, công nghệ, chất lượng sản phẩm đã được cải thiện nhưng chưa đạt kỳ vọng.

## 2. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2022

- Những điều kiện khách quan nêu trên gây trở ngại, thách thức lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trước tình hình đó, HĐQT thống nhất một số chỉ tiêu cơ bản trong kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 trình ĐHĐCĐ thông qua, cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu : 1.119 tỷ đồng, bằng 104% so với 2021

- Nộp ngân sách : 21 tỷ đồng, bằng 101% so với 2021

- Lợi nhuận trước thuế : 08 tỷ đồng

- Lợi nhuận sau thuế : 6,4 tỷ đồng

- Thu nhập bình quân : 10,5 triệu đồng/người/tháng, bằng 100% so với 2021.

- Số lao động : 1.334 người, bằng 99% so với 2021.

- Về công tác quản lý: năm 2022, HĐQT duy trì họp định kỳ tối thiểu 1 lần/quý theo quy định, tổ chức các phiên họp bất thường khác (nếu cần) để triển khai thực hiện thẩm quyền, nghĩa vụ của HĐQT, thực hiện công tác quản trị Công ty và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm 2022 theo chủ đề "*Cùng nhau nỗ lực vượt qua thử thách*" theo như đề xuất trong báo cáo của Ban điều hành.

- Rà soát triển khai các dự án để tiết kiệm chi phí sản xuất, tiếp tục tái cấu trúc bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn để đem lại hiệu quả tối đa, phát huy vai trò của các đơn vị trực thuộc để tham mưu cho HĐQT về nhân sự, chiến lược kinh doanh, các hoạt động đầu tư, đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát thông qua hoạt động kiểm soát nội bộ, quản trị mục tiêu KPI, quản trị rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và bảo toàn vốn.



Về công tác đầu tư thiết bị sản xuất, xây dựng cơ bản và các dự án: dự kiến tổng giá trị đầu tư là 41,56 tỉ đồng. Trong đó:

- Đầu tư thiết bị máy móc là 34,6 tỷ để nâng cao năng lực cho các sản phẩm trọng điểm và dự án nhà xưởng công nghệ cao.

- Đầu tư xây dựng cơ bản là 6,96 tỷ để cải tạo và nâng cấp các công trình phụ trợ sản xuất, cải tạo khuôn viên Công ty.

- Tiếp tục thực hiện các hạng mục công việc tiếp theo trong phương án mở rộng mặt bằng Công ty.

HĐQT rất mong nhận được sự quan tâm, chia sẻ khó khăn, đoàn kết của các cổ đông để giúp Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn, sớm ổn định, phát triển sản xuất hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 và cả nhiệm kỳ, tiếp tục đưa Công ty ngày càng phát triển.

**Xin trân trọng cảm ơn!**

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
  
**Phan Tấn Bình**

CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP  
ĐÔNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 05/2022/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2022

### NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V/v: Thông qua phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được Chính phủ thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 23/11/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh
- Căn cứ Biên bản số 05/2022/BB-HĐQT ngày 30/06/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh;

### QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh như sau:

1. Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh
2. Mã cổ phiếu : DFC
3. Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
4. Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
5. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán : 5.400.000 cổ phiếu
6. Giá chào bán : 10.000 đồng/cổ phiếu
7. Giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán theo mệnh giá : 54.00.000.000 đồng
8. Phương thức chào bán : Chào bán chỗ cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua
9. Tỷ lệ thực hiện quyền : 10:9 (01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua, 10 quyền mua được mua 09 cổ phiếu mới)

10. Đối tượng chào bán : Cổ đông hiện hữu của Công ty có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm
11. Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu : Cổ đông được phép chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác nhưng chỉ được chuyển nhượng 01 lần trong thời gian quy định. Người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng quyền mua đó cho người thứ 3.
12. Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không chào bán hết : Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu do các cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua hoặc chỉ mua một phần, cổ phiếu không chào bán hết sẽ được Hội đồng quản trị quyết định thực hiện phân phối cho các đối tượng khác với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu).  
Hội đồng quản trị thực hiện phân phối số cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không chào bán hết tuân thủ theo Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa chào bán hết thì số lượng cổ phiếu này được hủy và HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán.
13. Hạn chế chuyển nhượng : Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền (kể cả cổ phiếu chào bán cho người được cổ đông chuyển nhượng quyền mua) được tự do chuyển nhượng  
Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh và không chào bán hết được Hội đồng quản trị phân phối cho các đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
14. Thời gian thực hiện chào bán : Trong năm 2022, sau khi được chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
15. Phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đối với : Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 24/03/2022, số lượng cổ phần nắm giữ bởi cổ đông nước ngoài của Công ty là 0 cổ phần, chiếm

đợt chào bán

0% vốn điều lệ. Theo công văn số 289/UBCK-PTTT của UBCKNN ngày 14/01/2022, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại CTCP Xích lip Đông Anh là 0%.

Đối tượng chào bán của đợt chào bán ra công chúng này là cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua nên cổ phiếu sẽ không được chào bán cho cổ đông nước ngoài.

Cổ đông nước ngoài không được nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phần từ cổ đông hiện hữu của công ty để thực hiện quyền. Trường hợp phát sinh cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết, HĐQT không phân phối cho cổ đông nước ngoài để đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 0% theo đúng quy định.

16. Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu : Không áp dụng

**17. Đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu do ảnh hưởng của việc phát hành**

Trong đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu có thể xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm:

- Pha loãng về giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu, giá của cổ phiếu được điều chỉnh theo công thức:

$$P = \frac{Pr(t-1) + I * Pr}{1 + I}$$

Trong đó:

P: là giá thị trường của cổ phiếu sau khi pha loãng

$P_{r(t-1)}$ : giá giao dịch cổ phiếu tại ngày trước ngày giao dịch không hưởng quyền

$P_r$ : giá chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu

I: tỷ lệ vốn tăng

Giá đóng cửa của cổ phiếu Công ty trước ngày giao dịch không hưởng quyền  $P_{r(t-1)}$  giá sử là: 33.000 đồng/cổ phiếu

Tỷ lệ tăng vốn  $I = 0,9$

Giá chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu  $P_r : 10.000$  đồng/cổ phiếu

Như vậy, giá tham chiếu cổ phiếu của Công ty trong ngày giao dịch không hưởng quyền (P) sẽ được điều chỉnh như sau:

$$P = \frac{33.000 + 0,9 * 10.000}{1 + 0,9} = 22.105 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

**- Pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần**

Sau khi thực hiện chào bán, số cổ phiếu lưu hành trên thị trường sẽ tăng lên, vì vậy thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) sẽ được điều chỉnh

$$\text{Thu nhập cơ bản trên mỗi CP (EPS)} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Số lượng CP đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Trong đó:

$$\text{Số lượng CP đang lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{X * T + (X+Y) * T'}{12}$$

kỳ

X: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi phát hành

Y: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm

T: Thời gian lưu hành thực tế của cổ phiếu trước khi phát hành

T': Thời gian lưu hành thực tế của cổ phiếu phát hành thêm

**- Pha loãng về giá trị sổ sách**

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu (BV)} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, BV có thể bị ảnh hưởng nếu giá chào bán thấp hơn giá trị sổ sách của cổ phiếu tại thời điểm chào bán.

**- Pha loãng về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết**

Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt chào bán này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua).

**Điều 2: Thông qua phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán**

Toàn bộ số vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tối đa là 54.000.000.000 đồng (Năm mươi tư tỷ đồng) được sử dụng vào các mục đích sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Thời gian dự kiến sử dụng	Số tiền sử dụng từ vốn thu được từ đợt chào bán
1	Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty		30.000.000.000
	<i>Chi tiền lương cho cán bộ nhân viên của Công ty</i>	<i>Quý IV/2022</i>	30.000.000.000
2	Tái cơ cấu lại các khoản nợ vay nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho công ty		24.000.000.000
2.1	<i>Trả nợ vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Đông Anh</i>	<i>Trong Quý III - IV/2022</i>	<i>14.000.000.000</i>
2.2	<i>Trả nợ vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Đông Hà Nội</i>	<i>Trong Quý III - IV/2022</i>	<i>10.000.000.000</i>
Tổng cộng			54.000.000.000

**Điều 3: Thông qua thực hiện việc đăng ký lưu ký cổ phiếu tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch cổ phiếu bổ sung tại Sở Giao dịch**

chứng khoán Thành phố Hà Nội đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành thành công của Công ty theo đúng quy định của pháp luật

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh cam kết sẽ thực hiện các thủ tục nêu trên ngay sau khi hoàn tất đợt phát hành.

**Điều 4: Hội đồng quản trị giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc chỉ đạo các phòng ban, cá nhân có liên quan thực hiện thực hiện các công việc có liên quan theo quy định của pháp luật và yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đảm bảo đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng thành công.**

**Điều 5: Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 5;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VP.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
XÍCH LÍP  
ĐÔNG ANH  
PHAN TẤN BÌNH



CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP  
ĐÔNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 06/2022/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2022

### NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V/v: Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng

**Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được Chính phủ thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh;
- Căn cứ Biên bản số 06/2022/BB-HĐQT ngày 30/6/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh;

### QUYẾT NGHỊ

**Điều 1:** Thông qua danh mục hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu thêm ra công chúng của Công ty cổ phần Xích líp Đông Anh, bao gồm:

1. Giấy đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
2. Bản cáo bạch chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
3. Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 23/11/2021 của Đại hội đồng cổ đông bất thường 2021 của Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh kèm Biên bản họp ĐHĐCĐ và Tờ trình phương án chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ;
4. Nghị quyết HĐQT số 05/2022/NQ-HĐQT ngày 30/06/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh về việc thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ; Nghị quyết HĐQT số 06/2022/NQ-HĐQT ngày 30/06/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
5. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020, 2021;
6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
7. Điều lệ Công ty;
8. Văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu từ đợt chào bán;





9. Cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
10. Cam kết thực hiện đăng ký giao dịch cổ phiếu chào bán thêm ngay sau khi kết thúc đợt chào bán;
11. Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần chứng khoán FPT;
12. Các tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng
13. Các tài liệu khác.

### **Điều 2: Ủy quyền**

HDQT thống nhất ủy quyền cho Ban Giám đốc chỉ đạo các phòng ban/ cá nhân có liên quan để thực hiện các công việc cần thiết để hoàn thiện hồ sơ và sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có) theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thẩm định hồ sơ để đảm bảo đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu thành công

### **Điều 3: Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 7;
- HDQT, BKS;
- Lưu VP.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP  
ĐÔNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 09/2022/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2022

### NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V/v: Thông qua điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu  
thêm ra công chúng để tăng vốn điều lệ

**Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được Chính phủ thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh;
- Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCDBT ngày 23/11/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh;
- Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐQT ngày 30/06/2022 về việc thông qua phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ;
- Biên bản số 09/2022/BB-HĐQT ngày 21/11/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh;

### QUYẾT NGHỊ

**Điều 1:** Thông qua điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu thêm ra công chúng theo Phương án đã được thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 05/2022/NQ-HĐQT cụ thể:

Để đảm bảo tiến độ xin cấp phép các cơ quan có thẩm quyền về việc tăng vốn điều lệ và nhu cầu sử dụng vốn của Công ty trong thời gian tới, Hội đồng Quản trị quyết định điều chỉnh chi tiết phương án sử dụng vốn để trả nợ vốn vay ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng của Công ty và thời gian sử dụng vốn dự kiến như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền sử dụng từ vốn thu được từ đợt chào bán theo Nghị quyết HĐQT số 05/2022/NQ-HĐQT	Số tiền sử dụng từ vốn thu được từ đợt chào bán theo phương án điều chỉnh	Thời gian sử dụng vốn dự kiến theo phương án điều chỉnh
1	Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty	30.000.000.000	30.000.000.000	
	Chi tiền lương cho cán bộ nhân viên của Công ty	30.000.000.000	30.000.000.000	Trong Quý IV/2022 và Quý I/2023
2	Tái cơ cấu lại các khoản nợ vay nhằm nâng. cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho công ty	24.000.000.000	24.000.000.000	
2.1	Trả nợ vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Đông Anh	14.000.000.000	24.000.000.000	Trong Quý IV/2022 và Quý I/2023
2.2	Trả nợ vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Đông Hà Nội	10.000.000.000	-	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>54.000.000.000</b>	<b>54.000.000.000</b>	

Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ tổng số vốn cần cho mục đích sử dụng vốn, HĐQT quyết định sử dụng vốn thu được theo thứ tự ưu tiên như sau: (1) chi trả tiền lương cho cán bộ nhân viên của Công ty và (2) Trả nợ vốn vay ngân hàng. HĐQT thống nhất giao Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc căn cứ vào tình hình thực tế để huy động vốn từ các nguồn khác để đảm bảo đúng tiến độ sử dụng vốn, không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### Điều 2: Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VP.



Phan Tấn Bình

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP ĐÔNG ANH**



**ĐIỀU LỆ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP ĐÔNG ANH**

**HÀ NỘI, THÁNG 4/2022**

## MỤC LỤC

	<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	5
<b>I.</b>	<b>ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b> .....	5
Điều 1.	Giải thích thuật ngữ .....	5
<b>II.</b>	<b>TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</b> .....	7
Điều 2.	Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....	7
<b>III.</b>	<b>MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	8
Điều 3.	Mục tiêu hoạt động của Công ty .....	8
Điều 4.	Nguyên tắc tổ chức và hoạt động .....	10
Điều 5.	Phạm vi kinh doanh và hoạt động .....	11
<b>IV.</b>	<b>VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</b> .....	11
Điều 6.	Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập .....	11
Điều 7.	Chứng nhận cổ phiếu .....	12
Điều 8.	Chứng chỉ, chứng khoán khác.....	13
Điều 9.	Chuyển nhượng, thừa kế cổ phần và thu hồi cổ phần .....	13
<b>V.</b>	<b>CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</b> .....	15
Điều 10.	Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	15
Điều 11.	Quyền của Cổ đông .....	15
Điều 12.	Nghĩa vụ của Cổ đông .....	18
Điều 13.	Đại hội đồng Cổ đông .....	19
Điều 14.	Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông .....	21
Điều 15.	Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông .....	24
Điều 16.	Thay đổi các quyền.....	25
Điều 17.	Triệu tập họp, chương trình họp và Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đồng .....	26
Điều 18.	Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông .....	29
Điều 19.	Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.	29

Điều 20.	Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông .....	33
Điều 21.	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.....	35
Điều 22.	Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông .....	38
Điều 23.	Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông .....	39
<b>VI.</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>	<b>40</b>
Điều 24.	Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị .....	40
Điều 25.	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	41
Điều 26.	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị.....	42
Điều 27.	Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	48
Điều 28.	Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	49
Điều 29.	Cuộc họp của Hội đồng quản trị .....	51
Điều 30.	Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	56
Điều 31.	Người phụ trách quản trị công ty.....	57
<b>VII.</b>	<b>TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....</b>	<b>58</b>
Điều 32.	Tổ chức bộ máy quản lý .....	58
Điều 33.	Người điều hành doanh nghiệp.....	59
Điều 34.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc và người điều hành khác.....	59
<b>VIII.</b>	<b>BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>62</b>
Điều 35.	Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên .....	62
Điều 36.	Thành phần Ban kiểm soát .....	63
Điều 37.	Trưởng Ban kiểm soát .....	64
Điều 38.	Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát .....	65
Điều 39.	Cuộc họp Ban kiểm soát .....	68
Điều 40.	Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên.....	68
<b>IX.</b>	<b>TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....</b>	<b>69</b>
Điều 41.	Trách nhiệm căn trọng .....	69

Điều 42.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....	69
Điều 43.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....	71
<b>X</b>	<b>PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	72
Điều 44.	Nguyên tắc làm việc và Phối hợp hoạt động.....	72
Điều 45.	Cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.....	72
Điều 46.	Thông báo của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát.....	73
Điều 47	Vấn đề báo cáo và cung cấp thông tin của Tổng giám đốc.....	73
Điều 48.	Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.....	74
Điều 49.	Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	75
Điều 50.	Mối quan hệ với ban điều hành.....	76
Điều 51.	Mối quan hệ với Ban kiểm soát.....	76
<b>XI.</b>	<b>ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC.....</b>	76
Điều 52.	Quy định về đánh giá kết quả thực hiện công việc của người điều hành doanh nghiệp.....	76
Điều 53.	Khen thưởng, kỷ luật.....	77
<b>XII.</b>	<b>QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....</b>	77
Điều 54.	Quyền tra cứu sổ sách và Hồ sơ .....	77
<b>XIII.</b>	<b>CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....</b>	78
Điều 55.	Công nhân viên và công đoàn.....	78
<b>XIV</b>	<b>PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....</b>	78
Điều 56.	Phân phối lợi nhuận.....	78
<b>XV.</b>	<b>TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN .....</b>	79
Điều 57.	Tài khoản Ngân hàng.....	79
Điều 58.	Năm tài chính .....	80
Điều 59.	Chế độ kế toán .....	80

<b>XVI.</b>	<b>BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN .....</b>	<b>80</b>
Điều 60.	Báo cáo tài chính năm.....	80
Điều 61.	Báo cáo thường niên .....	81
<b>XVII.</b>	<b>KIỂM TOÁN CÔNG TY .....</b>	<b>81</b>
Điều 62.	Kiểm toán .....	81
<b>XVIII.</b>	<b>DẤU CỦA DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>82</b>
Điều 63.	Dấu của Doanh nghiệp .....	82
<b>XIX.</b>	<b>GIẢI THỂ CÔNG TY .....</b>	<b>82</b>
Điều 64.	Giải thể công ty .....	82
Điều 65.	Thanh lý .....	83
<b>XX.</b>	<b>GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ .....</b>	<b>83</b>
Điều 66.	Giải quyết tranh chấp nội bộ .....	83
<b>XXI.</b>	<b>BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ VÀ TÍNH HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ.....</b>	<b>84</b>
Điều 67.	Bổ sung, sửa đổi Điều lệ và tính hiệu lực của Điều lệ.....	84
<b>XXII.</b>	<b>ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....</b>	<b>85</b>
Điều 68.	Hiệu lực thi hành.....	85



## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP ĐÔNG ANH (dưới đây gọi là "Công ty"), là một công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa IX thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020. Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được soạn thảo và thông qua theo quyết định của các Cổ đông Công ty cổ phần Xích Líp Đông Anh tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 26 tháng 04 năm 2022.

### I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;

- f. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
  - g. "Cán bộ quản lý khác" là các chức danh do Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm như Trưởng, Phó phòng ban nghiệp vụ, Quản đốc, Phó Quản đốc phân xưởng sản xuất...;
  - h. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
  - i. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại khoản 7 Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
  - j. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
  - k. "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
  - l. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
  - m. "Công ty" là Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh;
  - n. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
  - o. Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
  3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
  4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ đề hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

**II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN,  
ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI  
DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh  
doanh và thời hạn hoạt động của Công ty**

**1. Tên Công ty**

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP  
ĐÔNG ANH**

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **DONG ANH C & F  
JOINTSTOCK COMPANY**

- Tên Công ty viết tắt: **ĐFC**

- Logo:



**2. Hình thức tổ chức và tư cách pháp nhân**

Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước - Công ty TNHH NN MTV Xích Líp Đông Anh thành Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh. Công ty có vốn Điều lệ thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty, được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ bằng số vốn đó. Công ty hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh, có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ tại kho bạc Nhà nước, các Ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của Pháp luật. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 11 - tổ 47 - Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội - Việt Nam.
4. Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh:
  - Địa điểm 1: Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh, Số 11- tổ 47- Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội - Việt Nam.
  - Địa điểm 2: Thôn Khê Nữ - Xã Nguyên Khê - Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội - Việt Nam.
5. Người đại diện theo Pháp luật: Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 12 và Điều 13 Luật doanh nghiệp.
6. Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh hoạt động sản xuất kinh doanh trên phạm vi lãnh thổ nước Việt Nam. Công ty có thể mở Chi nhánh, Văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài theo quy định của Pháp luật Việt Nam và thông lệ Quốc tế.
7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

### III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

##### 1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
2	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
3	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
4	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
5	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592 (chính)

TT	Tên ngành	Mã ngành
6	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
7	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. - Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại	2599
8	Sản xuất bị, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
9	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
10	Sản xuất máy thông dụng khác. - Chi tiết: Sản xuất dụng cụ đo, máy cầm tay tương tự, dụng cụ cơ khí chính xác (trừ quang học); Sản xuất thiết bị bán không dùng điện.	2819
11	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
12	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Sản xuất xe cút kít, xe kéo tay, xe đẩy trung siêu thị, và tương tự.	3099
13	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
14	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
15	Sửa chữa thiết bị điện	3314
16	Sửa chữa thiết bị khác. - Chi tiết: Sửa chữa dây, đòn bẩy, buồm, mái che; Sửa chữa các túi để đựng phân bón và hoá chất;	3319
17	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
18	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
19	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
20	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
21	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. - Chi tiết: Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh;	4773
22	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng	4659

TT	Tên ngành	Mã ngành
	(trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; máy móc, thiết bị khác sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác.	
23	Cho thuê xe có động cơ	7710
24	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
25	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
26	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh Bất động sản	6810
27	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
28	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng lưu hành khác không kèm người điều khiển - Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); móc công nghiệp, thương mại và khoa học khác;	7730
29	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản (trừ hoạt động tư vấn pháp luật về Bất động sản)	6820
30	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. - Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.	8299
31	Đào tạo trung cấp	8532
32	(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- Không ngừng nâng cao lợi ích của Công ty, các cổ đông và người lao động;
- Tăng tích lũy và phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Góp phần thiết thực vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của Thành phố và cả nước.

#### **Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động**

1. Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ, tôn trọng Pháp luật.
2. Cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh là Đại hội đồng cổ đông.
3. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm.
4. Ban kiểm soát là cơ quan kiểm soát hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm.
5. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc thuê; trực tiếp điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

1. Công ty được lập kế hoạch và tiến hành tất cả các ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong các ngành nghề khác được Pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

#### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn Điều lệ của Công ty được góp bằng tiền Việt Nam hoặc tài sản hiện vật khác theo quy định Pháp luật hiện hành và được hạch toán theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Việt Nam đồng. Tại ngày thông qua Điều lệ này, vốn Điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 VND (Sáu mươi tỷ đồng chẵn).

Tổng số vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 6.000.000 (Sáu triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của Pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.



3. Trường hợp cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam, trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại

#### **Điều 8. Chứng chỉ, chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

#### **Điều 9. Chuyển nhượng, thừa kế cổ phần và thu hồi cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp cổ đông qua đời, số cổ phần sở hữu của cổ đông đã mất được định đoạt theo quy định của Pháp luật thừa kế. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo Pháp luật.
4. Trường hợp cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức khác chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách giải thể thì tổ chức hoặc pháp nhân mới thừa kế quyền và nghĩa vụ của cổ đông cũ phải gửi cho Hội đồng quản trị của Công ty các văn bản pháp lý về việc chuyển đổi đó và có văn bản cử người đại diện.
5. Người thừa kế hợp pháp phải thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký để trở thành cổ đông mới, được hưởng mọi quyền lợi và phải thực hiện mọi nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế. Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cán bộ quản lý khác có quyền để lại di sản thừa kế là cổ phần nhưng người được thừa kế quyền sở hữu cổ phần không được mặc nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng.
6. Trường hợp cổ đông qua đời mà không có người thừa kế, thì cổ phần mà họ sở hữu sẽ xử lý theo quy định của Pháp luật.
7. Khi được quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp cổ đông mới được hưởng mọi quyền và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế sau khi đã được ghi vào sổ đăng ký cổ đông.
8. Thu hồi cổ phần.
  - a. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
  - b. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

c. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

d. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán quy định tại Khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

e. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

f. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

## **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

## **Điều 11. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
  - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, bỏ phiếu qua hình thức điện tử hoặc hình thức khác được quy định tại quy chế tổ chức mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết;
  - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
  - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
  - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
  - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
  - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
  - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

- i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
  - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
  - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
  - l. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
  - b. Xem xét, tra cứu, và trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty.
  - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cá nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
  - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Điều lệ này;

- e. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

#### **Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
  - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
  - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
  - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Hình thức tham dự đại hội và biểu quyết được qui định tại qui chế mỗi cuộc họp.

3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua; chịu trách nhiệm về các khoản nợ nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn góp vào Công ty; không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

6. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

7. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.

8. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 13. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm

một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành doanh nghiệp khác vi



phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo qui định tại Khoản 1 Điều 154 và Khoản 1 Điều 168 Luật doanh nghiệp hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty do việc trì hoãn triệu tập đại hội cổ đông gây ra.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi hoàn thiệt hại phát sinh đối với Công ty do việc trì hoãn triệu tập của Ban kiểm soát gây ra.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

1. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
  - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
  - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
  - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
  - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
  - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
  - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
  - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - h. Phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
  - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
  - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

- l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
  - m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
  - o. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
  - p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - r. Công ty ký kết hợp đồng với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
  - s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
  - t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong trường hợp thông qua quyết định về các vấn đề sau:
    - a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
    - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
  4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Hình thức cụ thể được quy định tại qui chế tổ chức mỗi kỳ họp.
2. Trường hợp cổ đông công ty là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông công ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.
3. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.
4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
  - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
  - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

## **Điều 16. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17 và Điều 19 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

**Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
  - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
  - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
  - c. Gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
  - d. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
  - e. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
  - f. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
  - g. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
  - h. Cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử;
  - i. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc mà cổ đông đã đăng ký, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai



mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

#### **Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên;
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ

ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

### **Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp tham gia đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thể đăng ký tham dự họp trực tiếp hoặc qua thư, fax, thư điện tử, hình thức điện tử khác. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Trước khi khai mạc cuộc họp, Ban tổ chức Đại hội chỉ định một số người vào Ban kiểm tra tư cách cổ đông để thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Các giấy tờ cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông cần xuất trình như sau:

- Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc Chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông;

- Trong trường hợp được ủy quyền tham dự cuộc họp thì phải xuất trình: Giấy ủy quyền và Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc Chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người được ủy quyền và bản sao Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của người ủy quyền.

c. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và/hoặc phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có), trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/bầu cử của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền đó; Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.

d. Trường hợp biểu quyết theo hình thức giơ thẻ biểu quyết tại Đại hội, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông giơ thẻ lựa chọn các phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến”.

e. Trường hợp biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu vào phiếu biểu quyết được phát tại cuộc họp và bỏ các phiếu biểu quyết đó vào thùng phiếu được niêm phong để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết hợp lệ và đã có chữ ký của Cổ đông là bằng chứng xác nhận ý kiến biểu quyết của Cổ đông về vấn đề được nêu trong phiếu.

f. Khi tiến hành kiểm thẻ biểu quyết, kiểm phiếu biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được kiểm trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được kiểm sau, cuối cùng tổng hợp số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến (phiếu trắng) để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa công bố trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa.

g. Trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử;

h. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền dự họp tham dự sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dùng đại hội để cho cổ đông tham dự muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị

triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị chọn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 3 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

5. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 4 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

6. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Đảm bảo an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

9. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

10. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

#### **Điều 20. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 Điều này và khoản 1 Điều 16 Điều lệ này:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể công ty

3. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 4, 6 Điều này và khoản 1 Điều 16 Điều lệ này.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử

thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử. Ngoài ra, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức khác được quy định tại Quy chế bầu cử của từng đợt bầu thành viên.

5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

6. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

7. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

8. Trong trường hợp Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

9. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 8 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

**Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty bao gồm cả các nội dung tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g Khoản 2 Điều 147 Luật doanh nghiệp. Việc lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện trong trường hợp bất khả kháng không thể tổ chức họp hoặc để thuận lợi cho cổ đông cũng như tiết kiệm chi phí cho Công ty và cổ đông.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Mục đích lấy ý kiến;
  - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch,



số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo Pháp luật của cổ đông là tổ chức. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

j. Nghị quyết, Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt có được áp dụng.

2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Công ty, công thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

#### **Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

### **VI. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;

- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có)
- g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- h. Các thông tin khác (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cụ thể, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

**Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ năm (05) đến bảy (07) thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Có năng lực, kinh nghiệm trong tổ chức, quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty;
- c. Là cá nhân sở hữu ít nhất 3% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hay trong ngành, nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty ít nhất 5 năm tính đến ngày ứng cử, đề cử;
- d. Các điều kiện khác theo Quy định của Pháp luật.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không kiêm chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - c. Chết, mất quyền công dân, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc kết án tù giam;
  - d. Công ty bị phá sản, giải thể;
  - e. Thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức mà tổ chức đó đã kết thúc hoạt động, hoặc thành viên đó không còn là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức.
6. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
7. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

#### **Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty thuộc thẩm quyền của mình.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp; Điều lệ này và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
  - a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;
  - b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;
  - c. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;

- d. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
- e. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
- f. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty;
- n. Xây dựng định hướng phát triển, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định; Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- o. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- p. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- q. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
- r. Đề xuất loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định giá bán cổ phần;
- s. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;



- t. Quyết định chào bán trái phiếu, bao gồm loại trái phiếu, giá chào bán, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán trừ trường hợp quy định tại điểm f Khoản này, đồng thời báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.
  - u. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định; Trình báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
  - v. Đề xuất mức cổ tức hàng năm, xác định mức cổ tức tạm ứng; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - w. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
  - x. Đề xuất việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;
  - y. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - z. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;
  - aa. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
  - bb. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
  - cc. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
  - dd. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

- b. Thành lập các Công ty con của Công ty;
  - c. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
  - d. Việc vay nợ và thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
  - e. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và vượt quá 10% giá trị kế hoạch;
  - f. Việc mua bán cổ phần, phần góp tại các Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
  - g. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
  - h. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
  - i. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
  - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
  - l. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

6. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác thay mặt cho Hội đồng quản trị đại diện xử lý công việc của Công ty.

7. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

Các báo cáo này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

8. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

a. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

b. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;

c. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó được qui định tại điểm b Khoản 13 Điều 29 Điều lệ Công ty.

d. Thành viên Hội đồng quản trị phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều lệ Công ty; Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác.

e. Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

f. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

g. Báo cáo Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03 năm) gần nhất trước thời điểm giao dịch; các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn.

#### **Điều 27. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con, Công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch) hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động, phân công nhiệm vụ của các thành viên của Hội đồng quản trị;

- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- d. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, đánh giá hiệu quả hoạt động của các thành viên hội đồng quản trị, kiến nghị đại hội đồng cổ đông về việc bãi nhiệm tư cách thành viên hội đồng quản trị, bổ sung thành viên hội đồng quản trị;
- f. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
- g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Là người thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị thực thi các quyền được ủy quyền khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt;

- b. Ký các văn bản được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền;
- c. Trực tiếp phụ trách một số công việc cụ thể do Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công và ủy quyền;
- d. Có quyền từ chối nhận ủy quyền khi xét thấy có những điều trái với pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký Công ty để hỗ trợ cho Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

#### **Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỉ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên

có số phiếu bầu và ngang nhau thì các thành viên bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm 05 người quản lý khác;

b. Ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

c. Ban kiểm soát.

d. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.



7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

11. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

12. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng

quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

### 13. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 10 Điều này tham dự với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 13 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 42 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

14. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp

đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

15. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

16. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

17. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

18. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

19. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền phân đối nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng cách yêu cầu, Thư ký cuộc họp ghi ý kiến phân đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng quản trị nếu nghị quyết được công bố sau cuộc họp. Trong mọi trường hợp, thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Hội đồng quản trị cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của Hội đồng quản trị.

### **Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

### **Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty trong trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Không hoàn thành các công việc được giao;
- Các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **VII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý**

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Các cán bộ quản lý khác của Công ty bao gồm Trưởng, Phó phòng ban nghiệp vụ, Quản đốc, Phó Quản đốc phân xưởng sản xuất... do Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở phương án cơ cấu tổ chức mà Tổng Giám đốc đã kiến nghị với Hội đồng quản trị.

### **Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp**

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác khi cần thiết, với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có sự miễn cần cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. Nhiệm kỳ của người điều hành doanh nghiệp là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành

mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

**Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc và người điều hành khác**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc như sau:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

b. Là cổ đông của Công ty và có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý sản xuất kinh doanh tại Công ty ít nhất 3 năm tính đến ngày xem xét.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp;

b. Là người có trình độ chuyên môn, năng lực thực tiễn ứng với từng vị trí công việc cụ thể; là người có tinh thần trách nhiệm cao, có sự cẩn cẩn cần thiết để



quản lý, điều hành các hoạt động được giao phó phụ trách và đạt được các mục tiêu đề ra;

c. Các tiêu chuẩn khác do Hội đồng quản trị quy định và theo các văn bản pháp luật khác liên quan.

5. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền và các vấn đề khác được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị ủy quyền.

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

6. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

7. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc thay thế.

8. Người điều hành doanh nghiệp xin từ nhiệm phải làm đơn gửi cho Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 01 tháng, kể từ khi tiếp nhận đơn từ nhiệm. Trong thời gian chưa có ý kiến của Hội đồng quản trị thì người điều hành doanh nghiệp đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.

9. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

a. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

- Có đơn từ chức của người đó;
- Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
- Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;

b. Các trường hợp bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp

- Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;
- Các trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.

## VIII. BAN KIỂM SOÁT

### Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 25% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; trên 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 (ba) thành viên. Các kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

2. Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp nhận nhiệm vụ

3. Kiểm soát viên phải từ hai mươi một (21) tuổi trở lên, trình độ tốt nghiệp Trung học phổ thông trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp.
4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều này;
  - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế;
  - d. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
6. Người được bầu giữ chức Trưởng Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên có trách nhiệm tiếp nhận việc bàn giao và đảm nhiệm ngay công việc theo chức danh được bầu. Những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho những người mới được bầu hoặc cho các thành viên còn lại của Ban kiểm soát (trong trường hợp chưa bầu được các thành viên thay thế) trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm, đồng thời phải

chịu trách nhiệm cá nhân đối với công việc của mình trong thời gian đã đảm nhiệm chức danh đó.

### **Điều 37. Trường Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát bầu một (01) thành viên làm Trưởng ban; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a. Phụ trách chung mọi hoạt động của Ban kiểm soát để thực hiện các quyền và trách nhiệm theo Điều lệ Công ty; Tổ chức, chỉ đạo và điều hành toàn diện hoạt động của Ban kiểm soát, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban kiểm soát.

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

d. Chủ trì xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

e. Xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát, kiểm tra theo định kỳ hàng quý, sáu tháng, hàng năm khi thông qua Hội đồng quản trị và tổ chức thực hiện theo chương trình, kế hoạch đã được xây dựng.

f. Chịu trách nhiệm đôn đốc các Kiểm soát viên triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng Kiểm soát viên.

Ủy quyền cho Kiểm soát viên đảm nhiệm công việc của Trưởng ban trong thời gian vắng mặt.

### **Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- c. Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
- d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
- e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
- i. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
- j. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không

triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này;

k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát:

a. Thành viên Ban kiểm soát Công ty có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

b. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

c. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.

d. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

e. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

f. Trường hợp vi phạm quy định tại các Điểm a, b, c và d, Khoản 2, Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho công ty.

Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

3. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát:

- a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- b. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.
- c. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- d. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.
- e. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

### **Điều 39. Cuộc họp Ban kiểm soát,**

1. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai(02) lần trong một năm, cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.



3. Mỗi kiểm soát viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp. Nếu Kiểm soát viên không thể tham dự cuộc họp mà có ủy quyền bằng văn bản cho một Kiểm soát viên khác tham dự cuộc họp thì thành viên được ủy quyền có quyền thực hiện biểu quyết thay trừ trường hợp thành viên đó là đối tượng không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề cần biểu quyết.

4. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu đa số Kiểm soát viên có quyền tham dự biểu quyết dự họp chấp thuận, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía chủ tọa cuộc họp.

#### **Điều 40. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên**

Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

a. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

b. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

c. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật cổ liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

### **IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

#### **Điều 41. Trách nhiệm của trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

**Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
3. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với mỗi hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số cổ phiếu còn lại tán thành;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn căn vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **X. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **Điều 44. Nguyên tắc làm việc và Phối hợp hoạt động**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, phát triển Công ty.

2. Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ tạo điều kiện làm việc theo đúng quy định của Điều lệ và pháp luật

nhằm điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng định hướng được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Điều 45. Cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc**

1. Hội đồng quản trị mời đại diện Ban Kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có thể mời thêm Tổng Giám đốc và một số người điều hành doanh nghiệp khác khi cần thiết. Trưởng Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm bố trí Kiểm soát viên tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên và người điều hành khác có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp này cho Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

2. Tại các cuộc họp của Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát. Trưởng Ban Kiểm soát sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp này cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

3. Tại các cuộc họp của Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và người điều hành doanh nghiệp khác tham dự các cuộc họp của Tổng giám đốc. Tổng Giám đốc sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp này cho Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và người điều hành khác trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

4. Việc triệu tập, thông báo mời họp, biên bản họp và thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 166 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

**Điều 46. Thông báo của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát**

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên, nghị quyết, biên bản họp và các tài liệu kèm theo trong cuộc họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến các

Kiểm soát viên cùng thời điểm và phương thức như đối với các thành viên Hội đồng quản trị;

2. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty và theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm soát.

#### **Điều 47. Vấn đề báo cáo và cung cấp thông tin của Tổng giám đốc**

1. Tổng Giám đốc phải báo cáo các vấn đề sau cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

a. Kết quả thực hiện các nghị quyết và kế hoạch của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đề ra; tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh, đầu tư và các chỉ tiêu tài chính của Công ty, báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của Công ty theo định kỳ ( hàng quý, 6 tháng, hàng năm) và báo cáo khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

b. Trước ngày 31 tháng 10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

c. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

d. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

2. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các thành viên của Ban Tổng Giám đốc cũng như các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Tổng Giám đốc báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

3. Mọi quyết định và các văn bản chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền, của Kế toán trưởng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty đều phải gửi đến Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát một (01) bản để báo cáo.

**Điều 48. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc**

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, theo kế hoạch hành động chung của Công ty.

2. Trường hợp cần thiết, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc có thể thông tin ngay (trực tiếp hoặc qua điện thoại, email) cho nhau, đảm bảo giải quyết công việc hiệu quả, thuận lợi.

3. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện các công việc kinh doanh, cơ cấu tổ chức của Công ty theo các chiến lược, mục tiêu, kế hoạch phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục, hiệu quả. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty hoặc các nội dung cần ý kiến của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc gửi trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần phê duyệt và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

5. Các văn bản của Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc Công ty về chỉ đạo, điều hành có liên quan đến việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách theo quy định của Nhà nước, các nghị quyết, quyết định, các cơ chế, quy chế của Hội đồng quản trị đều sao gửi Chủ tịch Hội đồng quản trị.

6. Ban Kiểm soát thực hiện các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất, đưa ra kết luận

bằng văn bản và gửi cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (trong vòng không quá mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc đợt kiểm tra) để Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có thêm cơ sở hoàn thiện công tác điều hành kinh doanh, công tác quản lý Công ty.

**Điều 49. Mọi quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phản công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

**Điều 50. Mọi quan hệ với ban điều hành**

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

**Điều 51. Mọi quan hệ với Ban kiểm soát**

1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.



2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

## **XI. ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC**

**Điều 52. Quy định về đánh giá kết quả thực hiện công việc của người điều hành doanh nghiệp**

### **1. Phương thức đánh giá**

Tùy thuộc vào quy định của Hội đồng quản trị, công tác đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:

- a. Tự nhận xét, đánh giá;
- b. Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
- c. Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.

### **2. Tiêu chí đánh giá**

Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng giám đốc và người điều hành khác căn cứ vào kế hoạch đề ra của từng năm, mức độ hoàn thành kế hoạch của từng thành viên. Việc đánh giá hoạt động được thực hiện định kỳ, sáu (06) tháng và hàng năm.

Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác do Hội đồng quản trị ban hành trong từng thời kỳ

**Điều 53. Khen thưởng, kỷ luật:**

- a. Thẩm quyền quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh điều hành

doanh nghiệp, quản lý và cán bộ công nhân viên do Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc quyết định căn cứ vào Quy chế Phối hợp và phân công nhiệm vụ giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

b. Nguyên tắc xử lý, các hình thức xử lý, trình tự xử lý vi phạm, kỷ luật đối với cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý của Công ty thực hiện theo quy chế về kỷ luật do Hội đồng quản trị ban hành trong từng thời kỳ.

## **XII. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 54. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## **XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

## **Điều 55. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 56. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với

các cổ phiếu đăng ký giao dịch tại thị trường Upcom có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

## **XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

### **Điều 57. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

### **Điều 58. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 hằng năm.

### **Điều 59. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia và theo quy định pháp

luật. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

## **XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **Điều 60. Báo cáo tài chính năm**

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của Pháp luật.

2. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên) của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

### **Điều 61. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

### **Điều 62. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập, kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

## **XVIII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP**

### **Điều 63. Dấu của doanh nghiệp**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Người đại diện theo pháp luật sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **XIX. GIẢI THỂ CÔNG TY**

### **Điều 64. Giải thể công ty**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
- b. Giải thể trước thời hạn Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

#### **Điều 65. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một (01) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 66. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

2. Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

3. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án.





#### 11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ. Năm 2021, tại Công ty không phát sinh nghiệp vụ này.

#### 12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giám vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng Quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

#### 13. Doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**14. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**15. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ.

**16. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**17. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**17.1. Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

**17.2. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

**18. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Tiền mặt	349.317.968	146.254.577
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.477.423.753	50.377.310.461
+ Tiền gửi VND	10.608.880.764	49.498.820.749
+ Tiền gửi bằng ngoại tệ	868.542.989	878.489.712
- Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b>11.826.741.721</b>	<b>50.523.565.038</b>

2. Phải thu của khách hàng	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dư phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dư phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>	124.493.209.536	-	123.203.140.356	-
<i>Các bên liên quan</i>	7.298.919.982	-	7.397.955.700	-
- Công ty TNHH Linh Trung ES	140.555.656	-	437.820.456	-
- Công ty TNHH Lam Sơn	7.158.364.326	-	6.960.135.244	-
<i>Các đối tượng khác</i>	117.194.289.554	-	115.805.184.656	-
- Công ty Honda Việt Nam	28.023.396.400	-	38.917.547.926	-
- Công ty TNHH Yamaha motor Việt Nam	26.556.626.189	-	20.878.543.730	-
- Công ty TNHH phụ tùng xe máy, ô tô Goshi Thăng Long	18.215.765.047	-	17.144.062.399	-
- Công ty TNHH Hitachi Astemo Hà Nội	22.983.251.678	-	19.720.595.744	-
- Các đơn vị khác	21.415.250.240	-	19.144.434.857	-
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>124.493.209.536</b>	<b>-</b>	<b>123.203.140.356</b>	<b>-</b>

3. Các khoản phải thu khác	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dư phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dư phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>	569.404.520	-	286.000.105	-
- Thuế TNCN phải thu của cán bộ nhân viên	486.365.034	-	185.467.214	-
- Bảo hiểm xã hội nộp thừa	4.616.768	-	-	-
- Phải thu khác (VAT chưa kê khai khấu trừ)	78.422.718	-	83.396.891	-
- Tạm ứng của cán bộ nhân viên	-	-	17.136.000	-
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>569.404.520</b>	<b>-</b>	<b>286.000.105</b>	<b>-</b>

4. Hàng tồn kho	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dư phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dư phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	88.761.002.624	-	57.280.757.002	-
- Công cụ, dụng cụ	45.786.795.888	-	45.362.447.068	-
- Chi phí SX kinh doanh dở dang	23.243.647.214	-	8.338.705.079	-
- Thành phẩm	78.778.831.021	-	12.639.999.084	-
<b>Cộng</b>	<b>236.570.276.747</b>	<b>-</b>	<b>123.621.908.233</b>	<b>-</b>

- Hàng tồn kho bị giảm giá, mất phẩm chất, chậm luân chuyển tại thời điểm 31/12/2021: 0 đồng.

5. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị dụng cụ quản lý</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu năm	129.860.873.502	339.513.119.850	11.080.716.460	3.394.899.662	483.849.609.474
- Mua trong kỳ	-	2.483.200.000	-	-	2.483.200.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	395.788.313	-	-	395.788.313
Số dư cuối năm	129.860.873.502	341.600.531.537	11.080.716.460	3.394.899.662	485.937.021.161
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	72.507.730.404	297.250.186.812	7.503.018.763	3.352.894.588	380.613.830.567
- Khấu hao trong năm	3.756.502.062	16.149.246.034	976.234.848	26.083.084	20.908.066.028
- Thanh lý, nhượng bán	-	395.788.313	-	-	395.788.313
Số dư cuối năm	76.264.232.466	313.003.644.533	8.479.253.611	3.378.977.672	401.126.108.282
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	57.353.143.098	42.262.933.038	3.577.697.697	42.005.074	103.235.778.907
Tại ngày cuối năm	53.596.641.036	28.596.887.004	2.601.462.849	15.921.990	84.810.912.879

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/12/2021: 321.757.241.809 đồng.

- Nguyên giá tài sản cố định cầm cố, thế chấp tại ngày 31/12/2021: 163.304.212.178 đồng.

6. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>TSCĐ vô hình khác</u>	<u>Tổng cộng tài sản</u>
	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu năm	33.775.561.946	821.662.500	34.597.224.446
- Mua trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối năm	33.775.561.946	821.662.500	34.597.224.446
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.071.511.681	795.516.279	3.867.027.960
- Khấu hao trong năm	696.380.953	22.400.000	718.780.953
Số dư cuối năm	3.767.892.634	817.916.279	4.585.808.913
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	30.704.050.265	26.146.221	30.730.196.486
Tại ngày cuối năm	30.007.669.312	3.746.221	30.011.415.533

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
- Triển khai phần mềm	190.775.000	190.775.000
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước	72.581.818	-
<b>Cộng</b>	<b>263.356.818</b>	<b>190.775.000</b>
8. Chi phí trả trước	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
<b>a) Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>594.028.237</b>	<b>346.556.815</b>
- Công cụ, dụng cụ phục vụ hoạt động chung (bàn ghế, dụng cụ khác)	320.603.654	14.703.399
- Công cụ, dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất (biển tần, xi lanh, băng tải...)	273.424.583	331.853.416
<b>b) Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>4.030.982.397</b>	<b>5.173.496.764</b>
- Công cụ, dụng cụ phục vụ hoạt động chung (máy in, điều hòa...)	962.807.198	2.060.379.536
- Công cụ, dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất (khuôn dập, nồi nấu kim loại, ắc áp...)	3.068.175.199	3.113.117.228
<b>Cộng</b>	<b>4.625.010.634</b>	<b>5.520.053.578</b>
9. Tài sản khác	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>	-	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>19.983.796.000</b>	<b>16.157.980.000</b>
- Các khoản đầu tư dài hạn khác	19.983.796.000	16.157.980.000
<b>Cộng</b>	<b>19.983.796.000</b>	<b>16.157.980.000</b>

10. Phải trả người bán	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn	82.088.331.648	82.088.331.649	85.250.168.049	85.250.168.049
<i>Các bên liên quan</i>	<i>36.181.308.421</i>	<i>36.181.308.421</i>	<i>37.448.116.203</i>	<i>37.448.116.203</i>
- Công ty TNHH Lam Sơn	17.499.307.444	17.499.307.444	12.908.120.143	12.908.120.143
- Công ty CP Thiết bị Công nghiệp ThaLad Việt Nam	3.596.395.371	3.596.395.371	2.518.659.990	2.518.659.990
- Công ty TNHH Linh Trung ES	15.085.605.606	15.085.605.606	22.021.336.070	22.021.336.070
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>45.907.023.227</i>	<i>45.907.023.228</i>	<i>47.802.051.846</i>	<i>47.802.051.846</i>
- Công ty Cổ phần SXKD VTTB Công Nghiệp	5.996.826.015	5.996.826.015	13.563.000.798	13.563.000.798
- Tory Ltd	2.529.171.915	2.529.171.915	5.931.503.335	5.931.503.335
- Công ty Cổ phần Nam Thiên	12.230.301.415	12.230.301.415	10.925.265.472	10.925.265.472
- Các đối tượng khác	25.150.723.882	25.150.723.883	17.382.282.241	17.382.282.241
b) Dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>82.088.331.648</b>	<b>82.088.331.649</b>	<b>85.250.168.049</b>	<b>85.250.168.049</b>

11. Chi phí phải trả	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn	3.872.914.194	3.600.072.895
- Trích trước chi phí lãi vay	666.059.999	685.389.957
- Trích trước tiền ăn ca giữa tháng	2.020.365.500	2.097.377.500
- Chi phí bán hàng, quản lý, sản xuất chung khác	1.186.488.695	817.305.438
b) Dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.872.914.194</b>	<b>3.600.072.895</b>

12. Phải trả khác	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn	2.083.647.546	3.430.358.498
- Kinh phí công đoàn	557.917.970	1.394.385.777
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	-	17.373.150
- Chế độ bảo hiểm phải trả cho người lao động	-	372.205.371
- Thuế TNCN phải thu của cán bộ nhân viên	735.650	-
- Các khoản phải trả phải nộp khác	1.524.993.926	1.646.394.200
b) Dài hạn	1.298.000.000	1.314.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.298.000.000	1.314.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.381.647.546</b>	<b>4.744.358.498</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP ĐỒNG ANH**

Địa chỉ: Số 11, tổ 47, thị trấn Đồng Anh, huyện Đồng Anh, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**13. Vay và nợ thuế tài chính**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Trong năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Vay ngắn hạn	199.838.413.790	199.838.413.790	507.530.569.140	409.561.595.700	101.869.440.350	101.869.440.350
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Anh	110.266.836.210	110.266.836.210	246.886.646.466	174.947.513.561	38.327.703.305	38.327.703.305
+ <i>Vay ngắn hạn (*)</i>	104.865.022.153	104.865.022.153	241.484.832.409	166.844.792.513	30.224.982.257	30.224.982.257
+ <i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	5.401.814.057	5.401.814.057	5.401.814.057	8.102.721.048	8.102.721.048	8.102.721.048
- Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Anh	39.405.745.589	39.405.745.589	112.754.252.457	119.488.238.954	46.139.732.086	46.139.732.086
+ <i>Vay ngắn hạn (**)</i>	26.682.285.589	26.682.285.589	100.030.792.457	106.764.778.954	33.416.272.086	33.416.272.086
+ <i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	12.723.460.000	12.723.460.000	12.723.460.000	12.723.460.000	12.723.460.000	12.723.460.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	50.165.831.991	50.165.831.991	147.889.670.217	115.125.843.185	17.402.004.959	17.402.004.959
- Chi nhánh Đồng Anh	48.565.831.991	48.565.831.991	146.289.670.217	113.996.383.085	16.272.544.859	16.272.544.859
+ <i>Vay ngắn hạn (***)</i>	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000	1.129.460.100	1.129.460.100	1.129.460.100
+ <i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>						

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

## Vay và nợ thuê tài chính (tiếp)

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
b) Vay dài hạn	41.890.054.728	41.890.054.728	450.000.000	24.174.453.601	65.614.508.329	65.614.508.329
- Vay tổ chức tín dụng	25.470.633.725	25.470.633.725	-	19.725.274.057	45.195.907.782	45.195.907.782
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	-	-	-	5.401.814.057	5.401.814.057	5.401.814.057
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (****)	22.414.865.222	22.414.865.222	-	12.723.460.000	35.138.325.222	35.138.325.222
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (*****)	3.055.768.503	3.055.768.503	-	1.600.000.000	4.655.768.503	4.655.768.503
- Vay cán bộ công nhân viên	16.419.421.003	16.419.421.003	450.000.000	4.449.179.544	20.418.600.547	20.418.600.547
<b>Cộng</b>	<b>241.728.468.518</b>	<b>241.728.468.518</b>	<b>507.980.569.140</b>	<b>433.736.049.301</b>	<b>167.483.948.679</b>	<b>167.483.948.679</b>

**a) Vay ngắn hạn**

(\*) Hợp đồng cho vay hạn mức số 03/2021-HĐCVHM/NHCT144-XLĐA ngày 23/02/2021:

- Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Ngày trả lãi: 25 hàng tháng, lãi suất chi tiết theo từng giấy nhận nợ;
- Biện pháp đảm bảo: Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 43/2013/HĐTCQĐN/NHCT144-XICHLIP ngày 28/11/2013; Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 56/2019/HĐBĐ/NHCT144-XLĐA ngày 12/11/2019; Hợp đồng thế chấp hàng tồn kho số 57/2019/HĐBĐ/NHCT144-XLĐA ngày 12/11/2019.

(\*\*) Hợp đồng cho vay hạn mức số 21010/CRC-HM/HĐTD.DAH ngày 08/03/2021:

- Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng nhưng không bao gồm như cầu đầu tư tài sản cố định;
- Ngày trả lãi: 26 hàng tháng, lãi suất chi tiết theo từng giấy nhận nợ.

(\*\*\*) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/11891384/HĐTD ngày 08/09/2021:

- Hạn mức tín dụng: 55.000.000.000 đồng
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C và thế tín dụng doanh nghiệp;
- Ngày trả lãi: 10 hàng tháng, lãi suất chi tiết theo từng giấy nhận nợ.

**b) Vay dài hạn**

(\*\*\*\*) Hợp đồng tín dụng số 17175/DH/HĐTD.DAH ngày 24 tháng 05 năm 2017 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam:

- Hạn mức tín dụng: 68.771.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: 84 tháng;
- Mục đích vay: Thanh toán một phần các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến đầu tư tài sản cố định theo kế hoạch đầu tư năm 2017;
- Ngày trả lãi: 26 hàng tháng, lãi suất chi tiết theo từng giấy nhận nợ.

(\*\*\*\*\*) Hợp đồng tín dụng số 02/2019/11891384/HĐTD ký ngày 16/07/2019 và phụ lục hợp đồng số 01.PL/02/2019/11891384/HĐTD ngày 31/12/2019:

- Hạn mức tín dụng: 11.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Đầu tư tài sản cố định năm 2019 phục vụ sản xuất phụ tùng xe máy, ô tô;
- Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Biện pháp đảm bảo: Đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản khác thay thế tài sản hình thành từ vốn vay với điều kiện giá trị và tính thanh khoản của tài sản thay thế phải tối thiểu tương đương tài sản hình thành từ vốn vay, tài sản thay thế có hệ số giá trị tài sản đảm bảo từ 0,7 trở lên theo quy định về giao dịch bảo đảm trong cho vay hiện hành của BIDV;
- + Bảo đảm bằng toàn bộ số dư bằng tiền VNĐ và ngoại tệ của Bên vay tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác;
- + Bảo đảm các khoản thu nhập hợp pháp khác mà Bên vay là người thụ hưởng;
- + Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2019/11891384/HĐBĐ ngày 16/07/2019 và văn bản sửa đổi bổ sung số 01.1/2019/11891384/PL.HĐBĐ ngày 24/12/2019.

## 14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Chi tiết	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm	
	Số phải thu	Số phải nộp			Số phải thu	Số phải nộp
- Thuế giá trị gia tăng	-	2.829.407.183	17.579.046.476	16.839.185.648	-	3.569.268.011
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	1.483.334.029	1.483.334.029	-	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-	782.790.570	782.790.570	-	-
- Thuế tài nguyên	-	712.960	7.731.840	7.789.660	-	655.140
- Thuế thu nhập cá nhân	-	226.713.192	851.335.483	623.005.959	-	455.042.716
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	450.479.380	721.203.180	1.390.479.380	218.796.820	-
- Thuế nhà, thuế đất, tiền thuế đất	-	-	1.420.803.612	1.420.803.612	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	3.146.203	3.146.203	-	-
+ <i>Phạt chậm nộp thuế</i>	-	-	146.203	146.203	-	-
+ <i>Thuế môn bài</i>	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	-	<b>3.507.312.715</b>	<b>22.849.391.393</b>	<b>22.550.535.061</b>	<b>218.796.820</b>	<b>4.024.965.867</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. **Vốn chủ sở hữu**

a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu năm trước	60.000.000.000	73.424.969.347	15.051.841.225	148.476.810.572
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	16.144.987.215	16.144.987.215
- Tăng khác	-	15.245.867.066	706.779.080	15.952.646.146
+ Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	15.245.867.066	-	15.245.867.066
+ Tăng khác	-	-	706.779.080	706.779.080
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	24.960.365.789	24.960.365.789
- Chi cổ tức năm 2019	-	-	7.800.000.000	7.800.000.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	15.245.867.066	15.245.867.066
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ ban điều hành	-	-	1.914.498.723	1.914.498.723
Số dư cuối năm trước	60.000.000.000	88.670.836.413	6.943.241.731	155.614.078.144
Số dư đầu năm nay	60.000.000.000	88.670.836.413	6.943.241.731	155.614.078.144
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	456.734.723	456.734.723
- Tăng khác	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	6.600.000.000	6.600.000.000
- Chi cổ tức năm 2020	-	-	6.600.000.000	6.600.000.000
Số dư cuối năm nay	60.000.000.000	88.670.836.413	799.976.454	149.470.812.867

Lợi nhuận năm 2020 đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 ngày 22/4/2021 thông qua việc phân phối như sau:

- + Chi cổ tức mức 1.100 đồng/cổ phần;
- + Trích quỹ đầu tư phát triển: 50% tương ứng 8.072.493.608 đồng;
- + Trích quỹ thưởng ban điều hành: 300.000.000 đồng;
- + Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 10% tương ứng 1.614.498.722 đồng;

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Công ty TNHH Linh Trung ES	6.000.000.000	6.000.000.000
- Các cá nhân khác	54.000.000.000	54.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>	60.000.000.000	60.000.000.000
+ <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	-
+ <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
+ <i>Vốn góp cuối năm</i>	60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	6.600.000.000	7.800.000.000
d) Cổ phiếu		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.000.000	6.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.000.000	6.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng/ cổ phiếu	-	-
e) Các quỹ của Công ty		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	88.670.836.413	88.670.836.413
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	542.493.836	2.830.828.836
<b>Cộng</b>	<b>89.213.330.249</b>	<b>91.501.665.249</b>

16. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thuê ngoài	-	-
- Tài sản nhận giữ hộ	-	-
- Ngoại tệ các loại (USD)	38.456,63	38.203,51
- Kim khí, đá quý	-	-
- Nợ khó đòi đã xử lý	-	-

#### 17. Công cụ tài chính

Các công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Tiền và các khoản tương đương tiền	11.826.741.721	-	50.523.565.038	-
- Phải thu khách hàng, phải thu khác	125.062.614.056	-	123.489.140.461	-
<b>Cộng</b>	<b>136.889.355.777</b>	<b>-</b>	<b>174.012.705.499</b>	<b>-</b>
Nợ phải trả tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Vay và nợ	241.728.468.518	-	167.483.948.679	-
- Phải trả người bán, phải trả khác	85.469.979.194	-	89.994.526.547	-
- Chi phí phải trả	3.872.914.194	-	3.600.072.895	-
<b>Cộng</b>	<b>331.071.361.906</b>	<b>-</b>	<b>261.078.548.121</b>	<b>-</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với

mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

#### Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

#### Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	11.826.741.721	-	-	11.826.741.721
- Phải thu khách hàng, phải thu khác	125.062.614.056	-	-	125.062.614.056
<b>Cộng</b>	<b>136.889.355.777</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>136.889.355.777</b>
<b>Số đầu năm</b>				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	50.523.565.038	-	-	50.523.565.038
- Phải thu khách hàng, phải thu khác	123.489.140.461	-	-	123.489.140.461
<b>Cộng</b>	<b>174.012.705.499</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>174.012.705.499</b>

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:



	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
- Vay và nợ	199.838.413.790	19.475.189.506	22.414.865.222	241.728.468.518
- Phải trả người bán, phải trả khác	84.171.979.194	1.298.000.000	-	85.469.979.194
- Chi phí phải trả	3.872.914.194	-	-	3.872.914.194
<b>Cộng</b>	<b>287.883.307.178</b>	<b>20.773.189.506</b>	<b>22.414.865.222</b>	<b>331.071.361.906</b>
<b>Số đầu năm</b>				
- Vay và nợ	101.869.440.350	25.074.369.050	40.540.139.279	167.483.948.679
- Phải trả người bán, phải trả khác	88.680.526.547	1.314.000.000	-	89.994.526.547
- Chi phí phải trả	3.600.072.895	-	-	3.600.072.895
<b>Cộng</b>	<b>194.150.039.792</b>	<b>26.388.369.050</b>	<b>40.540.139.279</b>	<b>261.078.548.121</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Doanh thu nhượng bán hàng hóa, vật tư	75.986.268.094	80.525.220.121
- Doanh thu bán thành phẩm	984.383.749.883	963.466.190.227
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.711.776.620	10.410.152.523
<b>Cộng</b>	<b>1.072.081.794.597</b>	<b>1.054.401.562.871</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Giảm giá hàng bán	-	2.349.601.768
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>2.349.601.768</b>
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Doanh thu nhượng bán hàng hóa, vật tư	75.986.268.094	80.525.220.121
- Doanh thu bán thành phẩm	984.383.749.883	961.116.588.459
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.711.776.620	10.410.152.523
<b>Cộng</b>	<b>1.072.081.794.597</b>	<b>1.052.051.961.103</b>

4. Giá vốn hàng bán	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
- Giá vốn nhượng bán hàng hóa, vật tư	74.552.421.848	73.295.105.978
- Giá vốn bán thành phẩm	892.651.858.175	859.642.954.906
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	8.160.407.599	10.762.642.481
<b>Cộng</b>	<b>975.364.687.622</b>	<b>943.700.703.365</b>
5. Doanh thu hoạt động tài chính	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	77.732.096	79.902.400
- Lãi đầu tư	-	2.186.860.800
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	56.353.161	167.551.694
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	27.223.795	-
<b>Cộng</b>	<b>161.309.052</b>	<b>2.434.314.894</b>
6. Chi phí tài chính	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
- Lãi tiền vay	11.470.254.117	15.397.020.005
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	57.601.880	53.812.898
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	-	4.825.118
<b>Cộng</b>	<b>11.527.855.997</b>	<b>15.455.658.021</b>
7. Chi phí quản lý, chi phí bán hàng	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
a) Chi phí quản lý doanh nghiệp	71.788.617.777	62.849.096.269
- Chi phí lương và các khoản trích theo lương	54.977.886.219	47.474.452.113
- Chi phí khấu hao tài sản cố định, phân bổ	2.724.479.286	4.020.240.260
- Thuế, phí lệ phí	1.452.202.977	1.705.871.466
- Các khoản chi phí khác (điện thoại, tiếp khách, chi phí công tác...)	12.634.049.295	9.648.532.430
b) Chi phí bán hàng	16.847.448.761	14.432.800.936
- Chi phí lương và các khoản trích theo lương	11.500.958.322	10.565.171.102
- Chi phí vận chuyển, xuất khẩu hàng	4.822.973.717	3.478.436.506
- Chi phí khác	523.516.722	389.193.328
<b>Cộng</b>	<b>88.636.066.538</b>	<b>77.281.897.205</b>

8. Thu nhập khác	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
- Thanh lý nhượng bán tài sản, công cụ dụng cụ	60.661.364	657.602.000
- Thu từ bán phế liệu	2.365.413.228	1.189.680.000
- Thu từ cho thuê mặt bằng, tiền điện, máy móc...	1.076.029.979	664.298.039
- Các khoản khác (phạt, bồi thường, điều chỉnh khác ...)	1.073.852.752	408.659.766
<b>Cộng</b>	<b>4.575.957.323</b>	<b>2.920.239.805</b>
9. Chi phí khác	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
- Bồi thường, bị phạt	73.206.358	587.007.988
- Chi phí khác	39.306.554	27.982.583
<b>Cộng</b>	<b>112.512.912</b>	<b>614.990.571</b>
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	721.203.180	4.189.793.061
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	18.486.364
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>721.203.180</b>	<b>4.208.279.425</b>
<i>Chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</i>	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1.177.937.903</b>	<b>20.353.266.640</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>2.428.077.998</b>	<b>595.698.667</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.482.991.927	595.698.667
+ <i>Chi phí không hợp lệ</i>	10.628.654	595.698.667
+ <i>Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác (chi phí lãi vay đơn vị có giao dịch liên kết)</i>	2.472.363.273	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	54.913.929	-
<b>Lợi nhuận chịu thuế</b>	<b>3.606.015.901</b>	<b>20.948.965.307</b>
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động thông thường	3.606.015.901	20.948.965.307
- Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
- Thu nhập tính thuế	3.606.015.901	20.948.965.307
<b>Thuế suất hiện hành</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>
- Thuế suất hoạt động chịu thuế thông thường	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>721.203.180</b>	<b>4.189.793.061</b>
- Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh thông thường	721.203.180	4.189.793.061
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	-	18.486.364
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>721.203.180</b>	<b>4.208.279.425</b>

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
- Lợi nhuận thuần sau thuế	456.734.723	16.144.987.215
- Các khoản điều chỉnh	-	1.614.498.722
+ <i>Quý khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	-	1.614.498.722
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	456.734.723	14.530.488.493
- Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	6.000.000	6.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>76,12</b>	<b>2.421,75</b>

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	578.825.330.990	441.267.080.722
Chi phí nhân công	226.228.712.278	213.468.100.312
Chi phí khấu hao TSCĐ	21.626.846.981	24.844.117.211
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.033.843.264	40.585.324.550
Chi phí bằng tiền khác	25.789.903.459	21.954.981.090
<b>Cộng</b>	<b>895.504.636.972</b>	<b>742.119.603.885</b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Số tiền đi vay thực tế thu trong năm	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	488.255.295.083	394.096.839.826
<b>Cộng</b>	<b>488.255.295.083</b>	<b>394.096.839.826</b>

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	414.010.775.244	461.596.728.901
<b>Cộng</b>	<b>414.010.775.244</b>	<b>461.596.728.901</b>

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Các giao dịch phi tiền tệ khác		
- Tiền vay nhận được chuyển trả trực tiếp cho nhà cung cấp	480.111.925.795	458.162.135.847
- Tiền vay nhận được chuyển thanh toán lương	7.693.369.288	-
<b>Cộng</b>	<b>487.805.295.083</b>	<b>458.162.135.847</b>

## 2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2021.

## 3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước). Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

	<u>Kinh doanh hàng hóa</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
Doanh thu thuần ra bên ngoài	1.072.081.794.597	1.072.081.794.597
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>1.072.081.794.597</b>	<b>1.072.081.794.597</b>
Chi phí bộ phận	975.364.687.622	975.364.687.622
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>96.717.106.975</b>	<b>96.717.106.975</b>
<b>Các chi phí không phân bổ theo bộ phận</b>		<b>88.636.066.538</b>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		(3.285.506.508)
Doanh thu hoạt động tài chính		161.309.052
Chi phí tài chính		11.527.855.997
Thu nhập khác		4.575.957.323
Chi phí khác		112.512.912
Thuế TNDN hiện hành		721.203.180
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>		<b>456.734.723</b>

## 4. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan đã được thuyết minh tại các phần thuyết minh nêu trên, ngoài ra còn có một số giao dịch sau:

a) Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	436.000.000	408.000.000

## b) Số dư với các bên liên quan

Số dư phải thu, phải trả chi tiết tại thuyết minh V.2 và V.10.

c) Giao dịch mua bán trong kỳ

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
<b>Mua hàng</b>			
- Công ty TNHH Linh Trung ES	Thành viên góp vốn	253.311.973.156	163.971.397.076
+ <i>Mua vật tư, nguyên phụ liệu, thành phẩm, hàng hóa</i>		<i>253.311.973.156</i>	<i>163.971.397.076</i>
- Công ty TNHH Lam Sơn	Bên liên quan	130.807.138.064	143.219.878.938
+ <i>Mua vật tư, nguyên phụ liệu, thành phẩm, hàng hóa</i>		<i>130.807.138.064</i>	<i>143.219.878.938</i>
- Công ty CP TBCN ThaLad Việt Nam	Bên liên quan	23.116.630.450	18.970.614.318
+ <i>Mua vật tư, nguyên phụ liệu, thành phẩm, hàng hóa</i>		<i>20.633.430.450</i>	<i>16.872.452.318</i>
+ <i>Mua tài sản cố định</i>		<i>2.483.200.000</i>	<i>2.098.162.000</i>
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
<b>Bán hàng</b>			
- Công ty TNHH Linh Trung ES	Thành viên góp vốn	4.605.612.934	6.333.883.658
+ <i>Doanh thu nhượng bán hàng hóa, vật tư</i>		<i>2.103.887.239</i>	<i>5.727.116.304</i>
+ <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>		<i>2.498.985.695</i>	<i>362.640.798</i>
+ <i>Doanh thu khác</i>		<i>2.740.000</i>	<i>244.126.556</i>
- Công ty TNHH Lam Sơn	Bên liên quan	57.524.911.757	61.854.334.590
+ <i>Doanh thu nhượng bán hàng hóa, vật tư</i>		<i>56.429.547.347</i>	<i>61.058.204.418</i>
+ <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>		<i>931.115.110</i>	<i>708.600.172</i>
+ <i>Doanh thu khác</i>		<i>164.249.300</i>	<i>87.530.000</i>
- Công ty CP TBCN ThaLad Việt Nam	Bên liên quan	-	312.000.000
+ <i>Doanh thu nhượng bán hàng hóa, vật tư</i>		-	<i>312.000.000</i>
<b>Thu tiền</b>			
- Công ty TNHH Linh Trung ES	Thành viên góp vốn	5.363.439.027	6.578.869.205
- Công ty TNHH Lam Sơn	Bên liên quan	63.079.173.855	70.560.483.142
- Công ty CP TBCN ThaLad Việt Nam		-	343.200.000
<b>Trả tiền</b>			
- Công ty TNHH Linh Trung ES	Thành viên góp vốn	285.578.900.944	177.842.265.335
- Công ty TNHH Lam Sơn	Bên liên quan	139.296.664.569	164.552.579.933
- Công ty CP TBCN ThaLad Việt Nam		24.350.558.118	20.146.875.936

d) Phải trả tiền vay	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
- Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	50.103.538	50.103.538
- Phạm Đức Hiếu	Thành viên HĐQT	41.489.793	41.489.793
- Phùng Quang Hải	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	93.183.905	93.183.905
- Trần Thị Việt Hằng	Trưởng BKS	5.439.036	5.439.036
- Ngô Vĩnh Tinh	Phó Tổng Giám đốc	34.658.188	34.658.188
- Phan Tấn Bình	Chủ tịch HĐQT	106.047.840	106.047.840
- Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	8.611.219	8.611.219
- Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	11.362.956	11.362.956
- Nguyễn Thị Mùi	Thành viên BKS	8.403.255	8.403.255
<b>Cộng</b>		<b>359.299.730</b>	<b>359.299.730</b>

5. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm nay	Năm trước
<b>I</b>	<b>Bổ trí cơ cấu nguồn vốn</b>			
1	Bổ trí cơ cấu tài sản			
1.1	Tài sản cố định và đầu tư dài hạn / Tổng tài sản	%	22,28	29,42
1.2	Tài sản lưu động / Tổng tài sản	%	73,01	65,85
2	Bổ trí cơ cấu nguồn vốn			
2.1	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	70,99	65,82
2.2	Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	29,01	34,18
<b>II</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
1	Khả năng thanh toán công nợ ngắn hạn	lần	1,17	1,29
2	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,04	0,22
<b>III</b>	<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
1	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Doanh thu thuần	%	0,11	1,93
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	0,04	1,53
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	0,31	10,38
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn	%	0,09	3,55

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh miền Bắc - Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



PHẠM THỊ THÚY

PHẠM ĐỨC HIẾU

PHAN TÂN BÌNH

**CHUNG THỰC BÀN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày: 01-07-2022

Số chứng thực: 3680 Quyển số: 1-SCT/BS  
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



**PHÓ CHỦ TỊCH**  
*Ngô Văn Thanh*



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP ĐÔNG ANH**

Địa chỉ: Số 11 - Tổ 47 - Thị trấn Đông Anh  
Điện thoại: 04 - 3883 2369 - Fax: 04-3883 5395

-----\*MST: 0100100696\*-----

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**NĂM - 2022**

Gồm các biểu:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01-DN)
- Báo cáo kết quả kinh doanh (Mẫu số B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03-DN)
- Bản thuyết minh BCTC

Nơi nhận:.....

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A Tài sản Ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>442.165.624.243</b>	<b>376.192.963.700</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>23.471.012.536</b>	<b>11.826.741.721</b>
1 Tiền	111		23.471.012.536	11.826.741.721
2 Các khoản tương đương tiền	112			-
<b>II Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1 Chứng khoán kinh doanh	121			-
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			-
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			-
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>153.391.759.456</b>	<b>126.983.120.175</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		151.504.451.933	124.493.209.536
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.693.233.092	1.920.506.119
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			-
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134			-
5 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			-
6 Phải thu ngắn hạn khác	136		194.074.431	569.404.520
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			-
8 Tài sản thiếu chờ xử lý	139			-
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>261.878.366.988</b>	<b>236.570.276.747</b>
1 Hàng tồn kho	141		261.878.366.988	236.570.276.747
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			-
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.424.485.263</b>	<b>812.825.057</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.586.078.747	594.028.237
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.644.695.527	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		193.710.989	218.796.820
4 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			-
5 Tài sản ngắn hạn khác	155			-
<b>B Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>160.076.620.285</b>	<b>139.100.463.627</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211			-

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
2 Trả trước cho người bán dài hạn	212			-
3 Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			-
3 Phải thu nội bộ dài hạn	214			-
4 Phải thu về cho vay dài hạn	215			-
4 Phải thu dài hạn khác	216			-
5 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi(*)	219			-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>115.555.810.976</b>	<b>114.822.328.412</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221		86.236.586.725	84.810.912.879
+ Nguyên giá	222		501.748.310.895	485.937.021.161
+ Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(415.511.724.170)	(401.126.108.282)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225			-
+ Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			-
3 Tài sản cố định vô hình	227		29.319.224.251	30.011.415.533
+ Nguyên giá	228		34.597.224.446	34.597.224.446
+ Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(5.278.000.195)	(4.585.808.913)
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
+ Nguyên giá	231			-
+ Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			-
<b>IV Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>20.944.879.400</b>	<b>263.356.818</b>
1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			-
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		20.944.879.400	263.356.818
<b>V Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1 Đầu tư vào công ty con	251			-
2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			-
3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			-
4 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			-
5 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			-
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>23.575.929.909</b>	<b>24.014.778.397</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261		3.592.133.909	4.030.982.397
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			-
3 Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			-
4 Tài sản dài hạn khác	268		19.983.796.000	19.983.796.000
<b>Tổng cộng Tài sản (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>602.242.244.528</b>	<b>515.293.427.327</b>

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>426.120.832.181</b>	<b>365.822.614.460</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>374.642.795.298</b>	<b>322.634.559.732</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311		106.952.538.163	82.088.331.648
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		51.713.818	11.809.433
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		2.282.754.709	4.024.965.867
4 Phải trả người lao động	314		33.350.560.435	30.171.983.418
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.672.098.069	3.872.914.194
6 Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7 Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	317			-
8 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			-
9 Phải trả ngắn hạn khác	319		2.389.286.101	2.083.647.546
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		227.646.722.167	199.838.413.790
11 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		297.121.836	542.493.836
13 Quỹ bình ổn giá	323			
14 Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324			-
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>51.478.036.883</b>	<b>43.188.054.728</b>
1 Phải trả người bán dài hạn	331			-
2 Người mua trả tiền trước dài hạn	332			-
3 Chi phí phải trả dài hạn	333			
4 Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5 Phải trả nội bộ dài hạn	335			-
6 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7 Phải trả dài hạn khác	337		1.340.000.000	1.298.000.000
8 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		50.138.036.883	41.890.054.728
9 Trái phiếu chuyển đổi	339			-
10 Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			-
12 Dự phòng phải trả dài hạn	342			-
13 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			-
<b>D Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>176.121.412.347</b>	<b>149.470.812.867</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>176.121.412.347</b>	<b>149.470.812.867</b>
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2 Thặng dư vốn cổ phần	412			-
3 Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			-
4 Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5 Cổ phiếu quỹ(*)	415			-
6 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			-
7 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			-
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		88.670.836.413	88.670.836.413
9 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.450.575.934	799.976.454
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		799.976.454	799.976.454
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		26.650.599.480	-
12 Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			-
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			-
1 Nguồn kinh phí	431			-
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			-
<b>Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>602.242.244.528</b>	<b>515.293.427.327</b>

Đồng Anh, ngày 10 tháng 02 năm 2023

NGƯỜI LẬP

KÊ TOÁN TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Phạm Thị Thuý

Phạm Đức Hiếu

Phan Tấn Bình

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

NĂM 2022

Đơn vị tính : Đồng


Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.425.155.467.499	1.072.081.794.597
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.922.805.041	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 10 = 01-02 )	10		1.423.232.662.458	1.072.081.794.597
4. Giá vốn hàng bán	11		1.267.541.308.562	975.364.687.622
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 20 = 10-11 )	20		155.691.353.896	96.717.106.975
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		56.479.812	161.309.052
7. Chi phí tài chính	22		14.121.305.473	11.527.855.997
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		14.121.305.473	11.470.254.117
8. Chi phí bán hàng	25		19.185.484.685	16.847.448.761
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		90.307.128.597	71.788.617.777
10. Lợi nhuận từ hoạt động SXKD (30=20+(21-22)-(25+26)	30		32.133.914.953	-3.285.506.508
11. Thu nhập khác	31		5.315.339.948	4.575.957.323
12. Chi phí khác	32		2.982.707.255	112.512.912
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		2.332.632.693	4.463.444.411
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		34.466.547.646	1.177.937.903
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành (20%)	51		6.893.309.529	721.203.180
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50-51-52)	60		27.573.238.117	456.734.723
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2023

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

  
Phạm Thị Thủy





*Phạm Văn Bình*

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIẾN TỆ (THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)**

Năm 2022

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	M SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
<b>I LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1 Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.517.101.461,014	1.174.421.562.750
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(548.625.060.718)	(548.777.596.702)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(230.202.305.624)	(187.840.335.175)
4 Tiền chi trả lãi	04		(14.701.656.833)	(11.436.500.060)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(5.088.718.091)	(1.390.479.380)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.495.208.782	2.629.065.126
7 Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	07		(45.186.275.899)	(47.914.485.849)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>675.792.652.631</b>	<b>379.691.230.710</b>
<b>II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1 Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2 Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		813.791.200	
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		55.801.783	73.162.228
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>869.592.983</b>	<b>73.162.228</b>
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty	32			
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		8.200.000.000	450.000.000
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(673.217.974.799)	(414.008.830.184)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(6.303.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(665.017.974.799)</b>	<b>(419.861.830.184)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>11.644.270.815</b>	<b>(40.097.437.246)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		11.826.741.721	50.523.565.038
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			54.913.929
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>23.471.012.536</b>	<b>10.481.041.721</b>

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đông Anh, ngày 10 tháng 02 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Dương Việt Hưng

Phạm Đức Hiếu

Phan Tấn Bình



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xích lip Đông Anh (gọi tắt là: Công ty) có quá trình hình thành và phát triển như sau: Công ty tiền thân là Xi nghiệp Xích lip xe đạp Hà Nội được thành lập theo quyết định số 222/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 17/07/1974.

Năm 2009, Công ty hoàn thành công tác chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối. Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xích Lip Đông Anh theo Quyết định số 3267/QĐ-UBND ngày 01/07/2009 của UBND thành phố Hà Nội và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103040295 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 27/08/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 19/11/2014.

Tháng 4 năm 2017, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có văn bản số 1569/UBND-KT thông báo về việc thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Xích lip Đông Anh. Theo đó, Nhà nước sẽ thoái toàn bộ 3.600.000 cổ phần, tương ứng 36.000.000.000 đồng, chiếm 60% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Xích lip Đông Anh theo phương thức khớp lệnh trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Việc thoái toàn bộ phần vốn Nhà nước tại Công ty đã thực hiện xong trong tháng 9 năm 2017.

Địa chỉ của Công ty tại: Số 11, tổ 47, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng).

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp, tương đương 6.000.000 cổ phần.

**Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Tấn Bình - Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính: Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;

Ngành nghề kinh doanh đăng ký: Sản xuất các loại cầu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa bằng kim loại; Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm); Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại; Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (chính); Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn. Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại); Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động; Sản xuất lò nướng, lò luyện, lò nung; Sản xuất máy thông dụng khác (Chi tiết: Sản xuất dụng cụ đo, máy cầm tay tương tự, dụng cụ cơ khí chính xác (trừ quang học); Sản xuất thiết bị hàn không dùng điện); Sản xuất máy công vụ và máy tạo hình kim loại; Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất xe cút kit, xe kéo tay, xe đẩy trong siêu thị, và tương tự); Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác (Chi tiết: Sửa chữa dây, dòn bẫy, buồm, mái che; Sửa chữa các túi để đựng phân bón và hoá chất); Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ



phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; (Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; máy móc, thiết bị khác sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác); Cho thuê xe có động cơ; Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác; Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); máy móc công nghiệp, thương mại và khoa học khác); Tư vấn, môi giới, đấu giá Bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Tư vấn, môi giới Bất động sản (trừ hoạt động tư vấn pháp luật về Bất động sản); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh); Đào tạo trung cấp.

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Công ty chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

#### **4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm tài chính 2022, Công ty không có biến động đặc biệt gì trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### **6. Cấu trúc doanh nghiệp:**

- Danh sách các công ty con: Không có
- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết: Không có
- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách phát nhân hạch toán phụ thuộc: Không có.
- Danh sách các đơn vị có mối quan hệ khác
  - + Công ty TNHH Lam Sơn;
  - + Công ty CP Thiết bị Công nghiệp Thalad Việt Nam;
  - + Công ty TNHH Linh Trung ES.

#### **7. Số người lao động tại ngày 31/12/2022: 1.345 người**

#### **8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Báo cáo so sánh là báo cáo tài chính năm 2021.

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty sử dụng tỷ giá thực tế và tỷ giá ghi sổ trong việc hạch toán các giao dịch phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

#### *Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:*

- Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

*Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:*

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.
- Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không).

### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính, các khoản mục có gốc tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá mua của Ngân hàng giao dịch. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào kết quả kinh doanh thông qua hạch toán trên tài khoản doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

### **4. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại

thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
  - Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **5. Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **7. Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư**

### Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình:

(i) Nguyên giá của TSCĐ hữu hình bao gồm: Bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: Chi phí chuẩn bị mặt bằng; Chi phí vận chuyển và bốc xếp ban đầu; Chi phí lắp đặt, chạy thử (trừ (-) các khoản thu hồi về sản phẩm, phế liệu do chạy thử); Chi phí chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác; Các trường hợp cụ thể khác được xác định theo quy định tại Chuẩn mực số 03 - Tài sản cố định hữu hình;

Tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ hữu hình được xác định trong từng trường hợp cụ thể theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 03 và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

### Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình:

(ii) Nguyên giá của TSCĐ vô hình bao gồm: Giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng theo dự tính; các trường hợp cụ thể khác được xác định theo quy định tại Chuẩn mực số 04 - Tài sản cố định vô hình;

Tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình được xác định trong từng trường hợp cụ thể theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 04 và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

### (iii) Phương pháp khấu hao tài sản cố định

Khấu hao TSCĐ hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	3 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	6 - 30 năm
- Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm

## **8. Chi phí trả trước**

Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước: Chi phí trả trước là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Các khoản chi phí trả trước được phân bổ vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 3 năm.

Chi phí trả trước bao gồm:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh và liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước;

Chi phí trả trước dài hạn: Là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh và liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước.

**9. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

**10. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Chi phí này còn phản ánh cả các khoản phải trả cho người lao động trong kỳ như phải trả về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước, như:

- Chi phí trong thời gian doanh nghiệp ngừng sản xuất theo mùa, vụ có thể xây dựng được kế hoạch ngừng sản xuất. Kế toán tiến hành tính trước và hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ những chi phí sẽ phải chi trong thời gian ngừng sản xuất, kinh doanh.

- Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả trong trường hợp vay trả lãi sau, lãi trái phiếu trả sau (khi trái phiếu đáo hạn).

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả: Chi phí phải trả được phân loại, ghi nhận như sau:

Giá trị các khoản nợ còn phải trả do đã nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa có hóa đơn hoặc các khoản chi phí của kỳ báo cáo chưa có đủ hồ sơ, tài liệu nhưng chắc chắn sẽ phát sinh cần phải được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh và sẽ phải thanh toán trong vòng 12 tháng hoặc trong chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tiếp theo tại thời điểm báo cáo, như trích trước tiền lương nghỉ phép, lãi vay phải trả... được ghi nhận là khoản phải trả ngắn hạn;

Giá trị các khoản nợ còn phải trả do đã nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa có hóa đơn hoặc các khoản chi phí của kỳ báo cáo chưa có đủ hồ sơ, tài liệu nhưng chắc chắn sẽ phát sinh cần phải được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh và chỉ phải thanh toán sau 12 tháng hoặc sau chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tiếp theo tại thời điểm báo cáo, như lãi vay phải trả của kỳ báo cáo nhưng chỉ phải thanh toán khi hợp đồng vay dài hạn đáo hạn... được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

**11. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ. Năm 2022, tại Công ty không phát sinh nghiệp vụ này.

**12. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng Quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**13. Doanh thu*****Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó. Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**14. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**15. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ.

**16. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



**17. Thuế thu nhập doanh nghiệp****17.1. Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

**17.2. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

**18. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Tiền mặt	334.183.185	349.317.968
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.136.829.351	11.477.423.753
<b>Cộng</b>	<b>23.471.012.536</b>	<b>11.826.741.721</b>

2. Phải thu của khách hàng	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dư phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dư phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn	151.504.451.933	-	124.493.209.536	-
<i>Các bên liên quan</i>	12.781.696.852	-	7.298.919.982	-
- Công ty TNHH Linh Trung ES	134.831.621	-	140.555.656	-
- Công ty TNHH Lam Sơn	12.646.865.231	-	7.158.364.326	-
<i>Các đối tượng khác</i>	138.722.755.081	-	117.194.289.554	-
- Công ty Honda Việt Nam	47.260.671.572	-	28.023.396.400	-
- Công ty TNHH Yamaha motor Việt Nam	15.473.015.988	-	26.556.626.189	-
- Công ty TNHH phụ tùng xe máy, ô tô Goshi Thăng Long	20.897.252.163	-	18.215.765.047	-
- Công ty TNHH Hitachi Astemo Hà Nội	27.192.514.201	-	22.983.251.678	-
- Các đơn vị khác	27.899.301.157	-	21.415.250.240	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>151.504.451.933</b>	<b>-</b>	<b>124.493.209.536</b>	<b>-</b>

3. Các khoản phải thu khác	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dư phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dư phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn	194.074.431	-	569.404.520	-
- Thuế TNCN phải thu của cán bộ nhân viên	-	-	486.365.034	-
- Bảo hiểm xã hội nộp thừa	-	-	4.616.768	-
- Phải thu khác	3.174.431	-	78.422.718	-
- Tạm ứng của cán bộ nhân viên	190.900.000	-	-	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>194.074.431</b>	<b>-</b>	<b>569.404.520</b>	<b>-</b>

4. Hàng tồn kho	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dư phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dư phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	113.604.353.882	-	88.761.002.624	-
- Công cụ, dụng cụ	47.063.944.743	-	45.786.795.888	-
- Chi phí SX kinh doanh dở dang	40.767.957.636	-	23.243.647.214	-
- Thành phẩm	60.442.110.727	-	78.778.831.021	-
<b>Cộng</b>	<b>261.878.366.988</b>	<b>-</b>	<b>236.570.276.747</b>	<b>-</b>

- Hàng tồn kho bị giảm giá, mất phẩm chất, chậm luân chuyển tại thời điểm 31/12/2022: 0 đồng.

## 5. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

<u>Khoản mục</u>	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> <u>VND</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u> <u>VND</u>	<u>Phương tiện vận tải</u> <u>VND</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u> <u>VND</u>	<u>Tổng cộng</u> <u>VND</u>
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số dư đầu năm	129.860.873.502	341.600.531.537	11.080.716.460	3.394.899.662	485.937.021.161
- Mua trong kỳ	-	13.272.566.636	-	-	13.272.566.636
- Đầu tư XDCB hoàn thành	3.030.074.646	-	-	-	3.030.074.646
- Thanh lý, nhượng bán	-	491.351.548	-	-	491.351.548
Số dư cuối năm	132.890.948.148	354.381.746.625	11.080.716.460	3.394.899.662	501.748.310.895
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	76.264.232.466	313.003.644.533	8.479.253.611	3.378.977.672	401.126.108.282
- Khấu hao trong năm	3.438.791.070	10.407.773.268	1.018.386.430	12.016.668	14.876.967.436
- Thanh lý, nhượng bán	-	491.351.548	-	-	491.351.548
Số dư cuối năm	79.703.023.536	322.920.066.253	9.497.640.041	3.390.994.340	415.511.724.170
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	53.596.641.036	28.596.887.004	2.601.462.849	15.921.990	84.810.912.879
Tại ngày cuối năm	53.187.924.612	31.461.680.372	1.583.076.419	3.905.322	86.236.586.725

## 6. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

<u>Khoản mục</u>	<u>Quyền sử dụng đất</u> <u>VND</u>	<u>TSCĐ vô hình khác</u> <u>VND</u>	<u>Tổng cộng tài sản</u> <u>VND</u>
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>			
Số dư đầu năm	33.775.561.946	821.662.500	34.597.224.446
- Mua trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối năm	33.775.561.946	821.662.500	34.597.224.446
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	3.767.892.634	817.916.279	4.585.808.913
- Khấu hao trong năm	688.445.061	3.746.221	692.191.282
Số dư cuối năm	4.456.337.695	821.662.500	5.278.000.195
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	30.007.669.312	3.746.221	30.011.415.533
Tại ngày cuối năm	29.319.224.251	-	29.319.224.251

<b>7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b><u>Số cuối năm</u></b>	<b><u>Số đầu năm</u></b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
- Mua sắm tài sản cố định	20.754.104.400	-
- Triển khai phần mềm	190.775.000	190.775.000
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước	-	72.581.818
<b>Cộng</b>	<b><u>20.944.879.400</u></b>	<b><u>263.356.818</u></b>

<b>8. Chi phí trả trước</b>	<b><u>Số cuối năm</u></b>	<b><u>Số đầu năm</u></b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
<b>a) Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>1.586.078.747</b>	<b>594.028.237</b>
- Công cụ, dụng cụ phục vụ hoạt động chung (bàn ghế, dụng cụ khác)	932.829.914	320.603.654
- Công cụ, dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất (biển tần, xi lanh, băng tải...)	653.248.833	273.424.583
<b>b) Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>3.592.133.909</b>	<b>4.030.982.397</b>
- Công cụ, dụng cụ phục vụ hoạt động chung (máy in, điều hòa...)	180.041.925	962.807.198
- Công cụ, dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất (khuôn dập, nồi nấu kim loại, ổn áp...)	3.412.091.984	3.068.175.199
<b>Cộng</b>	<b><u>5.178.212.656</u></b>	<b><u>4.625.010.634</u></b>

<b>9. Tài sản khác</b>	<b><u>Số cuối năm</u></b>	<b><u>Số đầu năm</u></b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>	<b>19.983.796.000</b>	<b>19.983.796.000</b>
- Các khoản đầu tư dài hạn khác	19.983.796.000	19.983.796.000
<b>Cộng</b>	<b><u>19.983.796.000</u></b>	<b><u>19.983.796.000</u></b>

10. Phải trả người bán	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Số có khả năng</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Số có khả năng</u>
	<u>VND</u>	<u>trả nợ</u> <u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>trả nợ</u> <u>VND</u>
a) Ngắn hạn	106.952.538.163	92.394.197.277	82.088.331.648	74.319.890.007
<i>Các bên liên quan</i>	<i>38.374.955.756</i>	<i>38.374.955.756</i>	<i>36.181.308.421</i>	<i>36.181.308.421</i>
- Công ty TNHH Lam Sơn	19.410.350.258	19.410.350.258	17.499.307.444	17.499.307.444
- Công ty CP Thiết bị Công nghiệp ThaLad Việt Nam	2.624.900.762	2.624.900.762	3.596.395.371	3.596.395.371
- Công ty TNHH Linh Trung ES	16.339.704.736	16.339.704.736	15.085.605.606	15.085.605.606
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>68.577.582.407</i>	<i>54.019.241.521</i>	<i>45.907.023.227</i>	<i>38.138.581.586</i>
- Công ty Cổ phần SXKD VTTB Công Nghiệp	13.442.850.825	13.442.850.825	5.996.826.015	5.996.826.015
- Tory Ltd	4.310.591.464	4.310.591.464	2.529.171.915	2.529.171.915
- Công ty Cổ phần Nam Thiên	11.115.075.349	11.115.075.349	12.230.301.415	12.230.301.415
- Các đối tượng khác	39.709.064.769	25.150.723.883	25.150.723.882	17.382.282.241
b) Dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>106.952.538.163</b>	<b>92.394.197.277</b>	<b>82.088.331.648</b>	<b>74.319.890.007</b>

11. Chi phí phải trả	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn	1.672.098.069	3.872.914.194
- Trích trước chi phí lãi vay	-	666.059.999
- Trích trước tiền ăn ca giữa tháng	600.320.500	2.020.365.500
- Chi phí bán hàng, quản lý, sản xuất chung khác	1.071.777.569	1.186.488.695
b) Dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.672.098.069</b>	<b>3.872.914.194</b>

12. Phải trả khác	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn	2.389.286.101	2.083.647.546
- Kinh phí công đoàn	1.077.708.375	557.917.970
- Thuế TNCN phải thu của cán bộ nhân viên	735.650	735.650
- Các khoản phải trả phải nộp khác	1.310.842.076	1.524.993.926
b) Dài hạn	1.340.000.000	1.298.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.340.000.000	1.298.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.729.286.101</b>	<b>3.381.647.546</b>

## 13. Vay và nợ thuế tài chính

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Trong năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Vay ngắn hạn	227.646.722.167	227.646.722.167	700.165.943.237	672.357.634.860	199.838.413.790	199.838.413.790
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	134.535.661.420	134.535.661.420	362.785.422.867	338.516.597.657	110.266.836.210	110.266.836.210
+ Vay ngắn hạn	134.535.661.420	134.535.661.420	362.785.422.867	333.114.783.600	104.865.022.153	104.865.022.153
+ Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	5.401.814.057	5.401.814.057	5.401.814.057
- Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	91.511.060.747	91.511.060.747	208.788.723.541	156.683.408.383	39.405.745.589	39.405.745.589
+ Vay ngắn hạn	78.787.600.747	78.787.600.747	196.065.263.541	143.959.948.383	26.682.285.589	26.682.285.589
+ Nợ dài hạn đến hạn trả	12.723.460.000	12.723.460.000	12.723.460.000	12.723.460.000	12.723.460.000	12.723.460.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.600.000.000	1.600.000.000	128.591.796.829	177.157.628.820	50.165.831.991	50.165.831.991
- Chi nhánh Đông Anh	-	-	126.991.796.829	175.557.628.820	48.565.831.991	48.565.831.991
+ Vay ngắn hạn	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000
+ Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LẬP ĐÔNG ANH**

Địa chỉ: Số 11, tổ 47, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**Vay và nợ thuê tài chính (tiếp)**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Trong năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>50.138.036.883</b>	<b>50.138.036.883</b>	<b>23.433.665.500</b>	<b>15.185.683.345</b>	<b>41.890.054.728</b>	<b>41.890.054.728</b>
- Vay tổ chức tín dụng	34.380.839.225	34.380.839.225	23.233.665.500	14.323.460.000	25.470.633.725	25.470.633.725
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	9.691.405.222	9.691.405.222	-	12.723.460.000	22.414.865.222	22.414.865.222
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	23.233.665.500	23.233.665.500	23.233.665.500	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	1.455.768.503	1.455.768.503	-	1.600.000.000	3.055.768.503	3.055.768.503
- Vay cán bộ công nhân viên	15.757.197.658	15.757.197.658	200.000.000	862.223.345	16.419.421.003	16.419.421.003
<b>Cộng</b>	<b>277.784.759.050</b>	<b>277.784.759.050</b>	<b>723.599.608.737</b>	<b>687.543.318.205</b>	<b>241.728.468.518</b>	<b>241.728.468.518</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LIP ĐỒNG ANH**

Địa chỉ: Số 11, tổ 47, thị trấn Đồng Anh, huyện Đồng Anh, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

<b>Chi tiết</b>	<b>Số đầu năm</b>		<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã nộp trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>	
	<b>Số phải thu</b>	<b>Số phải nộp</b>			<b>Số phải thu</b>	<b>Số phải nộp</b>
- Thuế giá trị gia tăng	-	3.569.268.011	14.913.806.826	18.483.074.837	-	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	8.908.921.609	8.908.921.609	-	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-	3.186.168.247	3.186.168.247	-	-
- Thuế tài nguyên	-	655.140	7.658.700	7.671.840	-	642.000
- Thuế thu nhập cá nhân	-	455.042.716	71.364.166	720.117.871	193.710.989	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	218.796.820	-	7.589.627.620	5.088.718.091	-	2.282.112.709
- Thuế nhà, thuế đất, tiền thuế đất	-	-	1.222.768.941	1.222.768.941	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	1.563.516.244	1.563.516.244	-	-
<b>Cộng</b>	<b>218.796.820</b>	<b>4.024.965.867</b>	<b>37.463.832.353</b>	<b>39.180.957.680</b>	<b>193.710.989</b>	<b>2.282.754.709</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



15. **Vốn chủ sở hữu**a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>88.670.836.413</b>	<b>6.943.241.731</b>	<b>155.614.078.144</b>
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	456.734.723	456.734.723
- Tăng khác	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	6.600.000.000	6.600.000.000
- <i>Chi cổ tức năm 2020</i>	-	-	<i>6.600.000.000</i>	<i>6.600.000.000</i>
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>88.670.836.413</b>	<b>799.976.454</b>	<b>149.470.812.867</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>88.670.836.413</b>	<b>799.976.454</b>	<b>149.470.812.867</b>
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	27.573.238.117	27.573.238.117
- Tăng khác	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	922.638.637	922.638.637
+ <i>Phạt truy thu thuế</i>	-	-	<i>922.638.637</i>	<i>922.638.637</i>
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>88.670.836.413</b>	<b>27.450.575.934</b>	<b>176.121.412.347</b>

b) **Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Công ty TNHH Linh Trung ES	6.000.000.000	6.000.000.000
- Các cá nhân khác	54.000.000.000	54.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>

## c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	60.000.000.000	60.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	6.600.000.000

## d) Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng/ cổ phiếu	-	-

## e) Các quỹ của Công ty

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	88.670.836.413	88.670.836.413
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	297.121.836	542.493.836
<b>Cộng</b>	<b>88.967.958.249</b>	<b>89.213.330.249</b>

## 16. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thuê ngoài	-	-
- Tài sản nhận giữ hộ	-	-
- Ngoại tệ các loại (USD)	2.440,68	38.456,63
- Kim khí, đá quý	-	-
- Nợ khó đòi đã xử lý	-	-

## 17. Công cụ tài chính

Các công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Tiền và các khoản tương đương tiền	23.471.012.536	-	11.826.741.721	-
- Phải thu khách hàng, phải thu khác	151.698.526.364	-	125.062.614.056	-
<b>Cộng</b>	<b>175.169.538.900</b>	<b>-</b>	<b>136.889.355.777</b>	<b>-</b>
Nợ phải trả tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Vay và nợ	277.784.759.050	-	241.728.468.518	-
- Phải trả người bán, phải trả khác	110.681.824.264	-	85.469.979.194	-
- Chi phí phải trả	1.672.098.069	-	3.872.914.194	-
<b>Cộng</b>	<b>390.138.681.383</b>	<b>-</b>	<b>331.071.361.906</b>	<b>-</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

### Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

### Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

### Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	23.471.012.536	-	-	23.471.012.536
- Phải thu khách hàng, phải thu khác	151.698.526.364	-	-	151.698.526.364
<b>Cộng</b>	<b>175.169.538.900</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>175.169.538.900</b>
<b>Số đầu năm</b>				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	11.826.741.721	-	-	11.826.741.721
- Phải thu khách hàng, phải thu khác	125.062.614.056	-	-	125.062.614.056
<b>Cộng</b>	<b>136.889.355.777</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>136.889.355.777</b>

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
- Vay và nợ	227.646.722.167	40.446.631.661	9.691.405.222	277.784.759.050
- Phải trả người bán, phải trả khác	109.341.824.264	1.340.000.000	-	110.681.824.264
- Chi phí phải trả	1.672.098.069	-	-	1.672.098.069
<b>Cộng</b>	<b>338.660.644.500</b>	<b>41.786.631.661</b>	<b>9.691.405.222</b>	<b>390.138.681.383</b>
<b>Số đầu năm</b>				
- Vay và nợ	199.838.413.790	19.475.189.506	22.414.865.222	241.728.468.518
- Phải trả người bán, phải trả khác	84.171.979.194	1.298.000.000	-	85.469.979.194
- Chi phí phải trả	3.872.914.194	-	-	3.872.914.194
<b>Cộng</b>	<b>287.883.307.178</b>	<b>20.773.189.506</b>	<b>22.414.865.222</b>	<b>331.071.361.906</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
- Doanh thu nhượng bán hàng hóa, vật tư	127.580.820.988	75.986.268.094
- Doanh thu bán thành phẩm	1.280.104.289.478	984.383.749.883
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.547.551.992	11.711.776.620
<b>Cộng</b>	<b>1.423.232.662.458</b>	<b>1.072.081.794.597</b>
2. Giá vốn hàng bán	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
- Giá vốn nhượng bán hàng hóa, vật tư	108.617.753.883	74.552.421.848
- Giá vốn bán thành phẩm	1.147.242.123.135	892.651.858.175
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	11.681.431.544	8.160.407.599
<b>Cộng</b>	<b>1.267.541.308.562</b>	<b>975.364.687.622</b>

<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b><u>Năm nay</u></b>	<b><u>Năm trước</u></b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	55.801.783	77.732.096
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	678.029	56.353.161
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	-	27.223.795
<b>Cộng</b>	<b>56.479.812</b>	<b>161.309.052</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>	<b><u>Năm nay</u></b>	<b><u>Năm trước</u></b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
- Lãi tiền vay	14.093.710.359	11.470.254.117
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.074.516	57.601.880
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	25.520.598	-
<b>Cộng</b>	<b>14.121.305.473</b>	<b>11.527.855.997</b>
<b>5. Chi phí quản lý, chi phí bán hàng</b>	<b><u>Năm nay</u></b>	<b><u>Năm trước</u></b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
<b>a) Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>90.307.128.597</b>	<b>71.788.617.777</b>
- Chi phí lương và các khoản trích theo lương	67.832.672.351	54.977.886.219
- Chi phí khấu hao tài sản cố định, phân bổ	3.315.037.526	2.724.479.286
- Thuế, phí lệ phí	1.467.007.327	1.452.202.977
- Các khoản chi phí khác (điện thoại, tiếp khách, chi phí công tác...)	17.692.411.393	12.634.049.295
<b>b) Chi phí bán hàng</b>	<b>19.185.484.685</b>	<b>16.847.448.761</b>
- Chi phí lương và các khoản trích theo lương	13.261.073.619	11.500.958.322
- Chi phí vận chuyển, xuất khẩu hàng	5.662.863.627	4.822.973.717
- Chi phí khác	261.547.439	523.516.722
<b>Cộng</b>	<b>109.492.613.282</b>	<b>88.636.066.538</b>
<b>6. Thu nhập khác</b>	<b><u>Năm nay</u></b>	<b><u>Năm trước</u></b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
- Thanh lý nhượng bán tài sản, công cụ dụng cụ	30.143.750	60.661.364
- Thu từ bán phế liệu	3.389.744.804	2.365.413.228
- Thu từ cho thuê mặt bằng, tiền điện, máy móc...	1.760.596.229	1.076.029.979
- Các khoản khác (phạt, bồi thường, điều chỉnh khác ...)	134.855.165	1.073.852.752
<b>Cộng</b>	<b>5.315.339.948</b>	<b>4.575.957.323</b>

7. Chi phí khác	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
- Bồi thường, bị phạt	2.981.521.195	73.206.358
- Chi phí khác	1.186.060	39.306.554
<b>Cộng</b>	<b>2.982.707.255</b>	<b>112.512.912</b>
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.893.309.529	721.203.180
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>6.893.309.529</b>	<b>721.203.180</b>
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
- Lợi nhuận thuần sau thuế	27.573.238.117	456.734.723
- Các khoản điều chỉnh	-	-
+ <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	-	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	27.573.238.117	456.734.723
- Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	6.000.000	6.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4.595,54</b>	<b>76,12</b>
10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	670.984.940.604	441.267.080.722
Chi phí nhân công	270.010.116.431	213.468.100.312
Chi phí khấu hao TSCĐ	15.569.158.718	24.844.117.211
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.347.019.695	40.585.324.550
Chi phí bằng tiền khác	18.602.798.786	21.954.981.090
<b>Cộng</b>	<b>1.028.514.034.234</b>	<b>742.119.603.885</b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Số tiền đi vay thực tế thu trong năm	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	709.276.148.737	488.255.295.083
<b>Cộng</b>	<b>709.276.148.737</b>	<b>488.255.295.083</b>

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	673.219.858.205	414.010.775.244
<b>Cộng</b>	<b>673.219.858.205</b>	<b>414.010.775.244</b>

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Các giao dịch phi tiền tệ khác	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Tiền vay nhận được chuyển trả trực tiếp cho nhà cung cấp	701.076.148.737	480.111.925.795
- Tiền vay nhận được chuyển thanh toán lương	-	7.693.369.288
<b>Cộng</b>	<b>701.076.148.737</b>	<b>487.805.295.083</b>

### 2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2022.

### 3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước). Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

	<u>Kinh doanh hàng hóa</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu thuần ra bên ngoài	1.423.232.662.458	1.423.232.662.458
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>1.423.232.662.458</b>	<b>1.423.232.662.458</b>
Chi phí bộ phận	1.267.541.308.562	1.267.541.308.562
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>155.691.353.896</b>	<b>155.691.353.896</b>
<b>Các chi phí không phân bổ theo bộ phận</b>		<b>109.492.613.282</b>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		32.133.914.953
Doanh thu hoạt động tài chính		56.479.812
Chi phí tài chính		14.121.305.473
Thu nhập khác		5.315.339.948
Chi phí khác		2.982.707.255
Thuế TNDN hiện hành		6.893.309.529
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>		<b>27.573.238.117</b>

### 4. Giao dịch với các bên liên quan



Giao dịch với các bên liên quan đã được thuyết minh tại các phần thuyết minh nêu trên, ngoài ra còn có một số giao dịch sau:

a) Thủ lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Thủ lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	408.000.000	436.000.000

**b) Số dư với các bên liên quan**

Số dư phải thu, phải trả chi tiết tại thuyết minh V.2 và V.10.

**c) Giao dịch mua bán trong kỳ**

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Mua hàng</b>			
- Công ty TNHH Linh Trung ES	Thành viên góp vốn	198.810.010.683	253.311.973.156
+ Mua vật tư, nguyên phụ liệu, thành phẩm, hàng hóa		198.810.010.683	253.311.973.156
- Công ty TNHH Lam Sơn	Bên liên quan	179.250.867.842	130.807.138.064
+ Mua vật tư, nguyên phụ liệu, thành phẩm, hàng hóa		179.250.867.842	130.807.138.064
- Công ty CP TBCN ThaLad Việt Nam	Bên liên quan	24.696.507.271	23.116.630.450
+ Mua vật tư, nguyên phụ liệu, thành phẩm, hàng hóa		23.606.617.271	20.633.430.450
+ Mua tài sản cố định		1.089.890.000	2.483.200.000
<b>Bán hàng</b>			
- Công ty TNHH Linh Trung ES	Thành viên góp vốn	3.104.861.544	4.605.612.934
+ Doanh thu nhượng bán hàng hóa, vật tư		52.026.215	2.103.887.239
+ Doanh thu bán thành phẩm		3.052.835.329	2.498.985.695
+ Doanh thu khác		-	2.740.000
- Công ty TNHH Lam Sơn	Bên liên quan	87.958.629.826	57.524.911.757
+ Doanh thu nhượng bán hàng hóa, vật tư		86.189.863.748	56.429.547.347
+ Doanh thu bán thành phẩm		1.735.646.078	931.115.110
+ Doanh thu khác		33.120.000	164.249.300
<b>Thu tiền</b>			
- Công ty TNHH Linh Trung ES	Thành viên góp vốn	3.397.516.007	5.363.439.027
- Công ty TNHH Lam Sơn	Bên liên quan	91.264.205.505	63.079.173.855
<b>Trả tiền</b>			
- Công ty TNHH Linh Trung ES	Thành viên góp vốn	217.436.912.626	285.578.900.944
- Công ty TNHH Lam Sơn	Bên liên quan	192.070.095.094	139.296.664.569
- Công ty CP TBCN ThaLad Việt Nam		27.908.491.395	24.350.558.118

d) Phải trả tiền vay	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
- Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	50.103.538	50.103.538
- Phạm Đức Hiếu	Thành viên HĐQT	41.489.793	41.489.793
- Phùng Quang Hải	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	93.183.905	93.183.905
- Trần Thị Việt Hằng	Trưởng BKS	5.439.036	5.439.036
- Ngô Vinh Tinh	Phó Tổng Giám đốc	34.658.188	34.658.188
- Phan Tấn Bình	Chủ tịch HĐQT	106.047.840	106.047.840
- Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	8.611.219	8.611.219
- Nguyễn Thị Mùi	Thành viên BKS	8.403.255	8.403.255
<b>Cộng</b>		<b>347.936.774</b>	<b>347.936.774</b>

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

**PHẠM THỊ THÚY**

Kế toán trưởng

**PHẠM ĐỨC HIẾU**

Chủ tịch HĐQT



**PHAN TẤN BÌNH**